

KINH LĂNG GIÀ

Pháp Sư Tam Tạng Ấn Độ Cầu Na Bạt Đà La dịch từ Phạn sang Hán đời nhà Tống.
Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Duy Lực.

--o0o--

Lời Dịch Giả

Kinh Lăng Già có ba bản dịch từ Phạn sang Hán: Tống dịch, Ngụy dịch, và Đường dịch. Hiện đang phổ biến lưu thông là bản Tống dịch, dịch giả bản này là người Ấn Độ, đối với Hán văn chưa được thông thạo lắm, nên lời văn đảo qua lộn lại, có chỗ thì trùng lặp quá dư thừa, dấu cho nhà Nho tinh thông tiếng Hán cũng cảm thấy khó hiểu.

Chúng tôi dịch Kinh này phải tham khảo thêm hai bản dịch đời Ngụy và đời Đường, đồng thời dựa theo quyển Lăng Già Tông Thông của Ngài Tăng Phụng nghi (Cư sĩ kiến tánh đời Minh), xếp lời văn cho xuôi và tăng bỏ từ ngữ để sáng tỏ nghĩa Kinh, cũng có lược bỏ vài chỗ quá dư thừa. Đối với những danh từ tiếng Hán hay tiếng Phạn không thể dịch sang tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, còn những câu nghĩa lý quá thâm sâu thì chúng tôi lược giải thêm.

Yếu chỉ của Kinh này là dùng nghĩa Duy Thức để phá kiến chấp của ngoại đạo, vì danh từ và nghĩa lý của ngoại đạo cũng tựa như lời Phật, xem thì ngoại đạo với Phật hai ý khác hẳn, ngoại đạo có Sở trụ mà Phật thì vô sở trụ, nếu đọc giả xem xét kỹ sẽ tự thấy rõ.

Nói tóm lại, chúng tôi dịch Kinh này rất cố gắng giữ nguyên ý trong bản dịch của Ngài Cầu Na Bạt Đà La, từng chữ, từng câu mà sáng tỏ nghĩa kinh, mong giúp cho người đọc xem thấy dễ hiểu hơn. Nhưng chúng tôi cũng chưa được hài lòng, e vẫn còn có nhiều chỗ sơ sót, kính xin các bậc tiền bối và độc giả từ bi chỉ giáo cho.

Thích Duy Lực

PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

-Quyển Một-

Ta nghe như vậy, một hôm Phật ở trên đỉnh núi Lăng Già tại bờ biển Nam, có đủ các thứ hoa báu trang nghiêm, khi ấy các Đại Tỳ Kheo Tăng và chúng Đại Bồ Tát từ các cõi Phật đến, những Đại Bồ Tát ấy đều đủ sức tự tại, vô lượng chánh định, du hý thần thông.

Bồ Tát Đại Huệ là bậc thượng thủ (đại diện đương cơ của Kinh này), được tất cả chư Phật đích thân làm phép quán đánh, cảnh giới tự tâm hiện lượng của Ngài đối với mọi chúng sanh, mọi tâm và sắc, vô lượng pháp môn, cho đến năm pháp của tự tánh và hai thứ vô ngã đều được từng loại phổ hiện, khéo giải nghĩa lý, thông đạt cứu cánh.

Khi ấy, Bồ Tát Đại Huệ cùng Bồ Tát Ma Đề dạo khắp tất cả cõi Phật, và thừa oai thần của Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, chấp tay quỳ gối, cung kính dùng kệ tán thán rằng:

Thế gian lia sanh diệt

Như hoa đốm trên không.

Trí chẳng trụ hữu, vô,
Mà khởi tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn,
Xa lìa nơi tâm thức.
Trí chẳng trụ hữu, vô,
Mà khởi tâm đại bi.
Xa lìa chấp đoạn thường,
Pháp thể gian như mộng.
Trí chẳng trụ hữu, vô,
Mà khởi tâm đại bi.
Biết nhơn pháp vô ngã
Phiền não và nhĩ diệm (1)
Thường trong sạch vô Tướng,
Mà khởi tâm đại bi.

(1) Nhĩ diệm: Theo Thật Dụng Phật Học Tự Điển giải thích thì gồm có bốn nghĩa: Sở tri, cảnh giới, trí mẫu, trí cảnh. Bốn từ ngữ này cũng có tương tự cũng có hơi khác, như nghĩa Sở tri và Cảnh giới thì thông cả trí và ngu, còn Trí cảnh và Trí mẫu thì riêng cho bậc trí, lại gồm cả năng sở: Mẹ của trí là năng sanh, cảnh của trí là sở sanh, vì bao gồm nhiều nghĩa như thế, nên người dịch chỉ dịch nguyên âm, chúng tôi cũng chỉ dịch nguyên âm mà tùy theo trường hợp ghi chú.

Niết Bàn chẳng thể lập,
Chẳng có Niết Bàn Phật,
Chẳng có Phật Niết Bàn,
Lìa năng giác, sở giác.
Hoặc có hoặc không có,
Cả hai thầy đều lìa.
Pháp thiên quán tịch tịnh,
Vốn lìa sự sanh khởi.
Chẳng đời này đời sau,
Gọi là chẳng thủ xả.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát nói kệ tán thán xong, tự xưng tên họ rằng:

Con tên là Đại Huệ,
Thông đạt pháp Đại Thừa
Một trăm lẻ tám câu,
Dùng kệ hỏi Thế Tôn.
Đức Phật nghe kệ rồi,

Quán sát tất cả chúng.
Bảo các Phật tử rằng,
Nay cho mặc tình hỏi.
Tôi sẽ vì các người,
Thuyết cảnh giới tự giác.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát kính vâng lời Phật, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính, dùng kệ hỏi rằng:

Thế nào niệm trong sạch?
Thế nào niệm tăng trưởng?
Tại sao thấy mê hoặc?
Mê hoặc sao tăng trưởng?
Cách giáo hóa cõi Phật,
Chúng sanh và ngoại đạo?
Thế nào thọ, vô thọ?
Tại sao gọi vô thọ?
Phật tử là nghĩa gì?
Giải thoát đến mức nào?
Ai trói ai giải thoát?
Cảnh giới thiên ra sao?
Tại sao có Tam thừa?
Mong Phật giải thích cho.
Duyên khởi từ đâu sanh?
Sao nói tác, sở tác?
Sao có pháp đồng dị,
Giảm bớt và tăng trưởng?
Sao gọi vô sắc định,
Và gọi Chánh định diệt?
Thế nào là tướng diệt?
Vì sao có xuất định?
Tại sao sanh sở tác,
Tinh tấn và trì thân
Thế nào hiện phân biệt?
Chư Địa từ đâu sanh?
Phá tam giới là ai?
Thân này là thân gì?

Vãng sanh đến nơi nào?
Bồ Tát Tối Thắng Tử,
Nhân gì đắc thần thông,
Và tự tại Tam Muội?
Sao gọi Tam Muội Tâm?
Cúi xin vì con nói.
Chữ "Tạng" là nghĩa gì?
Sao gọi ý và thức?
Sanh diệt là thế nào?
Sở kiến trả về được,
Năng kiến trả về đâu?
Thế nào là tâm lượng,
Chủng tánh phi chủng tánh?
Làm sao kiến lập tướng,
Nghĩa ngã và phi ngã?
Sao nói chẳng chúng sanh?
Sao gọi thuyết thế tục?
Cách nào chẳng sanh khởi,
Đoạn kiến và thường kiến?
Chư Phật và ngoại đạo,
Tại sao chẳng trái nhau?
Phật tánh vốn bất nhị,
Tại sao đời vị lai,
Nhiều bộ phái khác nhau?
Nhân gì lập nghĩa không?
Sao nói sát na hoại?
Thai tạng sanh là gì?
Thế pháp sao chẳng động?
Nhân gì như mộng huyễn,
Như thành Càn Thát Bà,
Như bóng trăng trong nước?
Thế gian như dương diệm,
Sao lại nói Giác Chi,
Và Thất Bồ Đề phân?
Quốc độ sao hỗn loạn?

Tại sao chấp hữu kiến?
Thế nào chẳng sanh diệt,
Thế pháp như hoa đóm?
Cách nào giác thế gian,
Thuyết pháp lia văn tự?
Lia vọng tưởng là ai?
Sao dụ như hư không?
Mấy thứ pháp như thật?
Mấy tâm Ba La Mật?
Nhân gì độ chư Địa,
Đến nơi vô sở Thọ,
Và hai thứ vô ngã?
Làm sao cảnh trí sạch?
Trí huệ có mấy thứ?
Giới tánh có bao nhiêu?
Hạt chơn châu Ma Ni,
Thật tánh từ đâu sanh?
Ai lập ra ngữ ngôn,
Và chủng tánh chúng sanh?
Sáng sủa và kỹ thuật,
Do đâu mà hiển bày?
Kệ tụng có mấy thứ,
Tụng dài và tụng ngắn,
Tất cả có mấy thứ?
Thế nào gọi là Luận?
Sao có sự ăn uống,
Và sanh những ái dục?
Tại sao gọi là vua,
Chuyển Luân và Tiểu Vương?
Cõi trời có mấy thứ?
Hộ vệ quốc độ nào?
Thế nào gọi là Địa,
Tinh tú và nhật nguyệt?
Người tu hành giải thoát,
Mỗi môn có mấy thứ?

Đệ tử có mấy loại?
Sao gọi A Xà Lê?
Phật có bao nhiêu thứ?
Sự sanh có mấy loại?
Ma và các ngoại đạo,
Mỗi mỗi có mấy thứ?
Tự tánh và bản tâm,
Có mấy thứ riêng biệt?
Những số lượng thi thiết?
Niệm thông minh là gì?
Cúi xin Phật khai thị.
Hư không và gió mây,
Cây cỏ và rừng rậm,
Tất cả là thế nào?
Tại sao lại bắt lấy,
Những loài voi, ngựa, nai?
Thế nào là thấp hèn?
Nhân gì mà thấp hèn?
Làm sao dứt lục căn?
Sao gọi Nhất Xiển Đề?
Nam nữ, phi nam nữ?
Từ đâu mà sanh khởi?
Thế nào phát tâm tu?
Sao lại tu lui sụt?
Thiền sư dùng pháp gì?
Dạy cho những người nào?
Chúng sanh vào các cõi,
Tướng nào thuộc loại nào?
Thế nào là giàu sang?
Nhân gì được giàu sang?
Thế nào là Thích Chủng?
Nhân gì được Thích Chủng?
Thế nào dòng Cam Giá (1)?
Xin Thế Tôn giải thuyết.
Những Tiên non khổ hạnh,

Truyền thọ như thế nào?
Sao thân Phật hiển hiện,
Khắp thời gian không gian,
Có đủ loại chúng sanh,
Và Bồ Tát nhiều quanh?
Tại sao chẳng ăn thịt?
Tại sao cấm ăn thịt?
Những loại nào ăn thịt?
Nhân gì phải ăn thịt?
Sao hình thành nhục nguyệt,
Tu Di và Liên Hoa.
Cõi nước rất thù thắng,
Trùm khắp cả thế giới?
Như lưới báu Đế Thích,

(1) Dòng Cam Giá: Dòng họ Thích Ca, là con của vua Cam Giá, nên gọi là dòng Cam Giá.

Tất cả những trân bửu.
Cây đàn dánh trồng com,
Và đủ loại hương hoa,
Sáng chói lia nhục nguyệt,
Mỗi mỗi đều vô lượng?
Thế nào là Hóa Phật?
Thế nào Báo Thân Phật?
Thế nào Như Như Phật?
Thế nào Trí Huệ Phật?
Tại sao nơi Dục giới,
Chẳng thành Đẳng Chánh Giác?
Sao cõi Sắc Cứu Cánh,
Lia dục đặc Bồ Đề?
Chư Phật nhập Niết Bàn,
Ai duy trì chánh pháp?
Như Lai và chánh pháp,
Được trụ thế bao lâu?
Thành tựu và kiến chấp,
Mỗi loại bao nhiêu thứ?

Từ giới luật Tỳ Kheo,
Thanh Văn và Duyên Giác,
Cho đến bậc Bồ Tát,
Nhân duyên gì kiến lập?
Nhân gì nhiều biến đổi?
Tại sao Vô sở Thọ?
Thế Tục Thông là gì?
Tại sao xuất thế gian?
Thế nào là Thất Địa?
Cúi xin Phật diễn thuyết.
Tăng Già có mấy loại?
Thế nào phá hoại Tăng?
Y Phương Luận là gì?
Bởi Do nhân duyên gì,
Sao lại Phật Thế Tôn,
Thuyết những lời như thế:
"Ca Diếp (Phật), Câu Lưu Tôn (Phật),
Câu Na Hàm (Phật) là Ta?"
Cớ sao nói đoạn thường?
Có ngã và vô ngã?
Sao không tất cả thời,
Đều diễn chơn thật nghĩa?
Mà lại vì chúng sanh,
Phân biệt thuyết Tâm lượng?
Tại sao cõi Ta Bà,
Núi Kim Cang, Thiết Vi,
Tất cả đều sung mãn,
Như trái Yêm Ma La?

*

Phật nghe bài kệ hỏi về độ môn Đại Thừa và diệu tâm Chư Phật:

Lành thay những câu hỏi.
Đại Huệ hãy lắng nghe,
Nay Ta vì các người,
Theo thứ lớp giải đáp:
Pháp sanh và bất sanh,

Các loại đến Niết Bàn,
Sát na chẳng tự tánh.
Từ Phật tử, ngoại đạo,
Thanh Văn và Duyên Giác,
Bồ Tát Ba La Mật,
Và hạnh cõi vô sắc.
Mỗi mỗi việc như thế,
Núi Tu Di, biển cả,
Các bộ châu, quốc độ,
Tinh tú và nhật nguyệt,
Cõi trời A Tu La,
Sức thiền Tam Ma Đề,
Giải thoát được tự tại.
Giác Chi, Như Ý Túc,
Và các phẩm trợ đạo;
Từ những thân ngũ ấm,
Cho đến Diệt Tận Định,
Gồm Vô lượng thiên định.
Phật tử Tam muội khởi,
Thuyết pháp độ chúng sanh.
Tâm (thức thứ tám), Ý (thức thứ bảy), và Ý thức (thức thứ sáu),
Năm pháp và vô ngã,
Năng tướng và sở tướng,
Tự tánh hiện nhị kiến.
Các thừa và chủng tánh,
Vàng bạc, châu Ma Ni,
Cho đến Nhất Xiển Đề,
Nhiều loại với nhất Phật,
Trí Nhĩ Diệm chứng đắc.
Chúng sanh Hữu hay Vô,
Những cầm thú voi, ngựa,
Tại sao bị bắt lấy,
Do nhân duyên thành tự
Năng tác và sở tác,
Tòng lâm cùng mê hoặc,

Tâm lượng chẳng hiện Hữu,
Chư Địa chẳng đến nhau.
Biển hiện thọ, vô thọ,
Y phương và công xảo,
Nội ngoại trong ngũ Minh,
Đại địa, núi Tu Di,
Biển cả, nhật, nguyệt, tinh,
Chúng sanh thượng, trung, hạ,
Quốc độ và sắc thân,
Mỗi mỗi bao vi trần.
Thước tấc và số dặm,
Số ngắn đến số dài.
Nói chung những câu hỏi,
Danh từ các số lượng,
Diễn tả sự hiện Hữu,
Không gian và thời gian,
Nên hỏi những việc này,
Đâu cần hỏi việc khác.
Thanh Văn và Duyên Giác,
Bồ Tát cho đến Phật,
Mỗi thân bao nhiêu trần,
Số lượng của tứ đại,
Thân ngũ uẩn con người,
Vua chúa trên thế gian,
Cho đến Chuyển Luân Vương,
Đều ham giữ của cải,
Làm sao được giải thoát?
Nghĩa hẹp và nghĩa rộng,
Như chỗ hỏi của người,
Việc Phật tử nên hỏi.
Muốn mỗi mỗi tương ưng,
Phải xa lìa kiến chấp.
Thành tựu lìa ngôn thuyết.
Nay ta sẽ khai thị,
Kỹ càng từng lớp một,

Phật tử hãy lắng nghe.

Trăm lẻ tám câu này,

Như chư Phật sở thuyết.

Cú sanh cú bất sanh, cú thường cú Vô thường, cú trụ dị phi trụ dị, cú sát na cú phi sát na, cú tự tánh cú phi tự tánh, cú không cú bất không, cú đoạn cú bất đoạn, cú biên cú phi biên, cú trung cú phi trung, cú duyên cú phi duyên, cú nhân cú phi nhân, cú phiền não cú phi phiền não, cú ái cú phi ái, cú phương tiện cú phi phương tiện, cú xảo cú phi xảo, cú tịnh cú phi tịnh, cú thành cú phi thành, cú ví dụ cú phi ví dụ, cú đệ tử cú phi đệ tử, cú sư cú phi sư, cú chùng tánh cú phi chùng tánh, cú tam thừa, cú phi tam thừa, cú sở hữu cú phi sở hữu, cú nguyện cú phi nguyện, cú tam luân cú phi tam luân, cú hữu phạm cú phi hữu phạm, cú câu cú phi câu, cú duyên tự Thánh trí hiện pháp lạc cú phi hiện pháp lạc, cú sát độ cú phi sát độ, cú thủy cú phi thủy, cú cung cú phi cung, cú thật cú phi thật, cú số cú phi số, cú minh cú phi minh, cú hư không cú phi hư không, cú vân cú phi vân, cú công xảo kỹ thuật minh xứ, cú phi công xảo kỹ thuật minh xứ, cú phong cú phi phong, cú địa cú phi địa, cú tâm cú phi tâm, cú thi thiết cú phi thi thiết, cú âm cú phi âm, cú chúng sanh cú phi chúng sanh, cú huệ cú phi huệ, cú Niết Bàn cú phi Niết Bàn, cú nhĩ diệm cú phi nhĩ diệm, cú ngoại đạo cú phi ngoại đạo, cú hoang loạn cú phi hoang loạn, cú huyền cú phi huyền, cú mộng cú phi mộng, cú diệm cú phi diệm, cú tượng cú phi tượng, cú luân cú phi luân, cú Càn Thát Bà cú phi Càn Thát Bà, cú thiên cú phi thiên, cú âm thực cú phi âm thực, cú dâm dục cú phi dâm dục, cú kiến cú phi kiến, cú Ba La Mật cú phi Ba La Mật, cú giới cú phi giới, cú nhựt nguyệt tinh tú cú phi nhựt nguyệt tinh tú, cú đế cú phi đế, cú quả cú phi quả, cú khởi diệt cú phi khởi diệt, cú trị cú phi trị, cú chi cú phi chi, cú thiên cú phi thiên, cú mê cú phi mê, cú hiện cú phi hiện, cú hộ cú phi hộ, cú tục cú phi tục, cú tiên cú phi tiên, cú vương cú phi vương, cú nhiếp thọ cú phi nhiếp thọ, cú bảo cú phi bảo, cú ký cú phi ký, cú Nhất Xiển Đề cú phi Nhất Xiển Đề, cú nữ nam bất nam cú phi nữ nam bất nam, cú vị cú phi vị, cú sự cú phi sự, cú thân cú phi thân, cú giác cú phi giác, cú động cú phi động, cú căn cú phi căn, cú hữu vi cú phi hữu vi, cú vô vi cú phi vô vi, cú nhân quả cú Phi nhân quả, cú sắc cứu cánh cú phi sắc cứu cánh, cú thiết cú phi thiết, cú tông thọ cát đàng cú phi tông thọ cát đàng, cú tạp cú phi tạp, cú thuyết cú phi thuyết, cú Tỳ Ni cú phi Tỳ Ni, cú Tỳ Kheo cú phi Tỳ Kheo, cú xứ cú phi xứ, cú tự cú phi tự.

Lược giải:

*Từ Cú sanh cú bất sanh cho đến Cú tự cú phi tự, chúng tôi lược giải chung như sau: Tất cả pháp thế gian, cho đến xuất thế gian, lời nói diễn tả được đều nằm trong tương đối; như sanh, trụ, dị, diệt, sáng, tối và sắc, không v.v... mỗi mỗi gồm có tứ cú, thật ra chẳng thể kể xiết. Như tứ cú của chữ **sanh**: Cú thứ nhất là **sanh**, cú thứ nhì **bất sanh**, cú thứ ba **chẳng sanh chẳng bất sanh**, cú thứ tư **cũng sanh cũng bất sanh**. Chữ thường cũng vậy: Cú thứ nhất **thường**, cú thứ nhì **Vô thường**, cú thứ ba **chẳng thường chẳng vô thường**, cú thứ tư **cũng thường cũng vô thường**. Những chữ khác cũng đều như thế cả.*

Lược giải hết

Chánh Văn:

Phật bảo Đại Huệ rằng: Đó là 108 câu Phật xưa đã nói, người và các Đại Bồ Tát cần nên tu học.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các thức có mấy thứ sanh, trụ, diệt?

Phật bảo Đại Huệ: Các thức có hai thứ sanh, trụ, diệt, chẳng phải suy nghĩ biết được. Hai thứ sanh gọi là lưu chú sanh và tướng sanh; hai thứ trụ gọi là lưu chú trụ và tướng trụ; hai thứ diệt gọi là lưu chú diệt và tướng diệt.

Đại Huệ! Các thức có ba thứ tướng, gọi là chuyển tướng, nghiệp tướng và chơn tướng. Nói tóm tắt có ba thứ thức, nói rộng có tám thứ tướng. Ba thứ thức ấy là: Chơn thức, hiện thức và phân biệt sự thức. Đại Huệ! Ví như gương sáng hiện những sắc tướng, chỗ hiện của hiện thức cũng như thế.

Đại Huệ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này tướng hoại và chẳng hoại làm nhân với nhau. Đại Huệ! Sự huân tập bất tư nghì và sự chuyển biến bất tư nghì là cái nhân của hiện thức. Nhận lấy các cảnh trần và huân tập vọng tưởng từ vô thủy là cái nhân của phân biệt sự thức.

Đại Huệ! Nếu mỗi mỗi sự hư vọng chẳng thật che khuất chơn thức đều tiêu diệt thì tất cả căn thức đều diệt, ấy gọi là tướng diệt.

Đại Huệ! Sao nói Tương tục diệt? Bởi cái nhân của tương tục đã diệt thì tương tục phải diệt; sở nhân diệt thì sở duyên cũng diệt. Sở nhân và sở duyên đều diệt thì tương tục phải diệt. Tại sao? Vì có sở nương tựa. Nói "Nương tựa", là vọng tưởng huân tập từ vô thủy; nói "Duyên", là tự tâm hiện những cảnh vọng tưởng của thức.

Đại Huệ! Ví như cục đất với vi trần có khác, cũng không có khác, dùng vàng ròng làm ra những đồ trang sức cũng vậy. Đại Huệ! Nếu cục đất với vi trần có khác thì cục đất chẳng do vi trần hợp thành, mà thật thì do vi trần hợp thành, nên nói chẳng khác. Nếu chấp thật chẳng khác thì cục đất với vi trần chẳng có phân biệt.

Như thế, Đại Huệ! Chơn tướng của chuyển thức với Tạng thức nếu là khác thì Tạng thức chẳng phải cái nhân của chuyển thức; nếu là chẳng khác thì chuyển thức diệt, Tạng thức cũng phải diệt, mà chơn tướng của nó thật chẳng diệt. Cho nên Đại Huệ! Chẳng phải tự thức của chơn tướng diệt, chỉ là nghiệp tướng diệt. Nếu tự thức của chơn tướng diệt thì tạng thức cũng phải diệt. Đại Huệ! Nếu Tạng thức diệt thì chẳng khác gì đoạn kiến của ngoại đạo.

Đại Huệ! Các phái ngoại đạo lập luận như thế này: "Cảnh giới nhiếp thọ diệt thì sự lưu chú của thức cũng diệt". Nếu sự lưu chú của thức diệt thì sự lưu chú từ vô thủy phải đoạn dứt. Đại Huệ! Ngoại đạo nói cái nhân sanh khởi của lưu chú, chẳng do nhân thức, sắc không và sáng tối hòa hợp mà sanh, ngoài ra còn có các nhân khác. Đại Huệ! Cái nhân của họ nói như trống diệu, như sĩ phu (1), như tự tại, như thời gian, như vi trần v.v...

(1) Sĩ phu: nghĩa Hán là bậc trí thức, ở đây ám chỉ Năng tác hoặc Sở tác.

Lại nữa Đại Huệ! Có bảy thứ chủng tánh của tự tánh, gọi là: Hòa hợp tự tánh, tánh tự tánh, tướng tự tánh, đại chủng tự tánh, Nhân tự tánh, duyên tự tánh và thành tựu tự tánh.

Lại nữa Đại Huệ! Có bảy thứ Đệ Nhất Nghĩa, gọi là: Cảnh giới Tâm, cảnh giới Huệ, cảnh giới Trí, cảnh giới Kiến, cảnh giới Siêu nhị kiến, cảnh giới Siêu tử địa (siêu việt phiền não), và cảnh giới Như Lai tự tại. Đại Huệ! Đây là Đệ Nhất Nghĩa tâm của tự tánh, cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác thành tựu pháp thể gian và xuất thế gian, cho đến xuất thế gian thượng thượng pháp, do huệ

nhân của bậc Thánh soi vào tự cộng tướng mà kiến lập, kiến lập này chẳng đồng với lập luận ác kiến của ngoại đạo.

Đại Huệ! Thế nào là lập luận ác kiến của ngoại đạo? Ấy là cảnh giới vọng tưởng của tự kiến chấp, chẳng biết do chấp tự tâm sở hiện, vì chẳng thông đạt ngăn mé (tự tánh cùng khắp không gian thời gian, vốn chẳng có ngăn mé, vì khởi tâm chấp thật thành có ngăn mé). Đại Huệ! Vì tánh ngu si của phàm phu, ở nơi bất nhị của tự tánh vô tánh (Đệ Nhất Nghĩa) lập ra nhị kiến luận (pháp tương đối).

Lại nữa, Đại Huệ! Cái nhân vọng tưởng khổ của tam giới diệt thì các duyên của vô minh, ái nghiệp liền diệt. Nay ta sẽ thuyết những cảnh huyền hóa tùy theo kiến chấp của tự tâm sở hiện.

Đại Huệ! Nếu có Sa Môn, Bà La Môn muốn khiến Nhân quả của sự hữu chung, vô chung, và sự vật thời gian có sở trụ... và những cái do chấp ám, giới, nhập (1) nơi sanh và trụ biến hiện (hoặc nói sanh rồi thì diệt), như sự vật hoặc sanh hoặc hữu, hoặc Niết Bàn, hoặc đạo, hoặc nghiệp, hoặc quả, hoặc chân lý, hoặc thường trụ, đều là đoạn diệt luận. Tại sao? Vì những sự việc kể trên vốn là vô thi (chẳng có sự bắt đầu), nên hiện tiền đều bất khả đắc.

Đại Huệ! Ví như cái bình bễ chẳng dùng được, như hạt giống cháy chẳng thể nảy mầm. Như thế, Đại Huệ! Nếu tánh ám, giới, nhập đã diệt, nay diệt, sẽ diệt điều do kiến chấp vọng tưởng của tự tâm Vô nhân mà có, thì sự sanh khởi chẳng có thứ lớp.

Đại Huệ! Nếu lại nói cái thức vô chung, hữu chung do ba duyên kiến, tướng, thức hòa hợp sanh khởi, thì con rùa nên mọc lông, ép cát phải ra dầu, tông họ ắt phải tự hoại, vì trái với nghĩa quyết định. Cái thuyết Hữu chung, vô chung có lỗi như thế, nếu theo đó kiến lập sự nghiệp đều hư dối vô nghĩa.

(1) Ám, Nhập, Giới: Ám là ngũ âm, tức sắc, thọ tướng, hành, thức. Nhập là lục nhập, tức lục căn nhiếp thọ lục trần, có sự cảm thọ, gọi là lục nhập. Giới là thập bát giới, tức lục căn tiếp xúc lục trần sinh ra lục thức, gọi là thập bát giới.

Đại Huệ! Cái thuyết ba duyên hợp sanh của ngoại đạo, lập ra phương tiện Nhân quả tự tướng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, tướng hữu chung, vô chung từ xưa đến nay đã thành sự thật, giác tướng xoay chuyển, thừa kế với nhau, là do lỗi tập khí tự sanh kiến chấp mà thuyết như thế.

Đại Huệ! Phàm phu ngu si, say mê tà tướng, trí huệ bị ác kiến nuốt mất, đem cái thuyết vô Trí lại vọng xưng là Nhất Thiết Trí.

Đại Huệ! Nếu các Sa Môn, Bà La Môn lia kiến chấp tự tánh, biết trong ngoài tâm hiện như mây nổi, như vòng lửa, như thành Càn Thát Bà, như dương diệm, như bóng trắng trong nước, như mộng huyền, những vọng tưởng hư dối từ vô thi chẳng lia tự tâm. Nếu nhân duyên vọng tưởng diệt hết, lia năng thuyết sở thuyết, năng quán sở quán của vọng tưởng, kiến lập thân của Tạng thức, nơi cảnh giới thức có thọ dụng, nhiếp thọ và kể nhiếp thọ v.v... Đối với những việc kể trên đều chẳng tương ưng, chẳng có tất cả cảnh giới ấy, lia sanh trụ diệt, lia tự tâm khởi, lia tùy chỗ nhập mà phân biệt, Bồ Tát này được như thế thì chẳng bao lâu sẽ chứng đắc sanh tử và Niết Bàn bình đẳng, được đại bi phương tiện khéo léo mà chẳng thấy có sự mở mang phương tiện.

Đại Huệ! Nơi tất cả chúng sanh thấy đều như huyền, chẳng Do nhân duyên, xa lia cảnh giới trong ngoài, ngoài tâm chẳng thấy pháp khác, lần lượt nhập chỗ Vô Tướng, từ cảnh giới Tam muội của Địa này đến Địa kia, phân biệt quán xét, thấu rõ tam giới như huyền, sẽ chứng đắc như huyền Tam muội, siêu việt tự tâm hiện, trụ nơi Bát Nhã

Ba La Mật, lia bỏ phương tiện, lia Kim Cang Dụ và Tam Ma Đề, liền vào thân Như Lai, liền vào thân thông biến hóa tự tại, từ bi phương tiện, đầy đủ trang nghiêm; vào tất cả cõi Phật và chỗ ngoại đạo, bình đẳng như như, lia tâm, ý, ý thức, ấy là sự lần lượt chuyển thân của Bồ Tát, cho đến chứng đắc Pháp thân Như Lai, cuối cùng qui về Vô sở Đắc.

Đại Huệ! Cho nên muốn đắc vào Pháp thân Như Lai, phải xa lia ám, giới, nhập và nhân duyên làm phương tiện của tâm, duy tâm thẳng quán xét lỗi vọng tướng tập khí hư dối từ vô thi, sanh, trụ, diệt là vọng tướng hư dối, Phật Địa vô sanh, tư duy tam giới chẳng thật có, đến Tự giác Thánh trí, tự tâm tự tại, đến chỗ hành vô sở hành, như hạt châu Ma Ni tùy sắc (hạt châu tự chẳng có màu sắc, mà tùy màu sắc của người xem hiện ra màu sắc), nghĩa là tùy tâm lượng vi tế của chúng sanh mà biến hóa thân hình, nên chư Địa lần lượt được tương tục kiến lập. Cho nên, này Đại Huệ! Việc tự thành tựu pháp thiện phải siêng tu học.

-Khi ấy Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn nói tâm, ý, ý thức, tướng năm pháp tự tánh là tất cả chư Phật, Bồ Tát sở hành, cảnh giới sở duyên chẳng phải hòa hợp, hiển bày tất cả pháp do tự tâm hiện, thành tướng chơn thật. Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm là Phật thuyết cảnh giới Tạng thức của pháp thân, ở nơi trụ xứ của chư Đại Bồ Tát tại núi Ma La Da trong biển thuộc nước Lăng Già.

-Khi ấy, Thế Tôn bảo Đại Huệ Bồ Tát rằng: Do bốn Nhân duyên mà nhãn thức chuyển. Thế nào là bốn? 1.- Tự tâm bất giác hiện ra nhiếp thọ. 2.- Lỗi tập khí hư vọng từ vô thi. 3.- Chấp trước tự tánh của tánh thức. 4.- Muốn thấy đủ thứ sắc tướng. Ấy gọi là bốn thứ nhân duyên từ dòng suối chảy của Tạng thức, sanh ra làn sóng của chuyển thức.

Như nhãn thức chuyển thì tất cả vi trần, lỗ chân lông của tất cả các căn đều sanh, các cảnh giới khác theo đó sanh khởi cũng như thế. Ví như gương sáng hiện các sắc tướng, ví như gió lớn thổi nước biển thì gió cảnh giới bên ngoài thổi biển của tâm, nổi làn sóng thức cũng vậy. Bởi vì tướng sở tác khác hay chẳng khác, do nghiệp duyên hòa hợp sanh tướng, lại chấp trước sâu vào, chẳng thể liễu tri tự tánh của các sắc, nên cái thân năm thức theo đó mà chuyển.

Đại Huệ! Cái thân năm thức kia đều do cái biết của tướng phần đoạn sai biệt mà có, nên biết đó là cái thân của ý thức. Cái thân chuyển kia chẳng tự cho là tướng của Ta chuyển, vì tự tâm hiện vọng tướng chấp trước mà chuyển, nên mỗi mỗi tướng hư vọng cùng chuyển; do phần đoạn sai biệt, phân biệt cảnh giới gọi là chuyển. Như người tu hành vào thiền chánh định, chuyển tập khí vi tế mà chẳng tự biết, lại cho là thức diệt rồi mới nhập thiền định, thật thì thức chẳng diệt mà nhập chánh định. Vì chúng tử tập khí chẳng diệt nên cảnh giới chuyển mà thức chẳng diệt, chẳng vì không nhiếp thọ mà diệt vậy.

Đại Huệ! Bờ bến cứu cánh của Tạng thức vi tế như thế, ngoài chư Phật và Trụ địa Bồ Tát ra, các Thanh Văn, Duyên Giác, ngoại đạo tu hành sở đắc, dù có sức trí huệ của Tam muội, tất cả chẳng thể đo lường liễu tri được.

Ngoài tướng trí huệ khéo léo phân biệt, phán đoán nghĩa cú, thắng tiến vô biên, Thiện căn thuần thực, lia vọng tướng hư dối của tự tâm hiện, tĩnh tọa trong núi rừng, tu hành trải qua các bậc hạ, trung, thượng, được thấy vọng tướng lưu chú của tự tâm, được vô lượng quốc độ chư Phật quán đánh, được sức tự tại thân thông Tam muội, được biết các Thiện tri thức, quyến thuộc Phật tử, những tâm, ý, ý thức kia, chúng sanh nghiệp ái vô tri vào biển sanh tử, cảnh giới tư tưởng hư vọng ấy v.v... đều do tự tâm sở hiện.

Đến đây, các thứ nhân duyên kể trên thấy đều đã siêu thoát. Cho nên Đại Huệ! Những người tu hành nên gần gũi bậc Tri thức tối thắng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Ví như sóng biển cả,
Là do gió thổi mạnh.
Sóng to vỗ biển rộng,
Chẳng có lúc ngừng nghỉ.
Biển Tạng thức thường trụ,
Gió cảnh giới lay động.
Mỗi mỗi sóng của Thức,
Ào ạt mà nổi dậy.
Các thứ màu sắc đẹp,
Các thứ đồ ăn ngon,
Các thứ hoa quả tốt,
Ánh sáng của nhật nguyệt,
Hoặc khác hoặc chẳng khác,
Như biển nổi làn sóng.
Bảy thức cũng như thế,
Tâm cảnh hòa hợp sanh.
Như nước biển biến chuyển,
Nổi đủ thứ làn sóng.
Bảy thức cũng như thế,
Tâm cảnh hòa hợp sanh.
Nói chỗ Tạng thức kia,
Mỗi mỗi các thức chuyển.
Là do ý thức kia,
Suy nghĩ nghĩa các tướng.
Có tám tướng chẳng hoại,
Vô Tướng vốn vô Tướng.
Ví như làn sóng biển,
Nước biển chẳng sai biệt.
Thức tâm cũng như thế,
Chẳng thể có khác biệt.
Tâm gọi Tích tập nghiệp,
Ý gọi rộng Tích tập.

Thức do thức nhận biết,
Hiện cảnh nói có năm (1).

(1) Hiện cảnh nói có năm: Tiền ngũ thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, hiện cảnh tiền trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Đại Huệ Bồ Tát dùng kệ hỏi Phật:

Những sắc tướng xanh đỏ,
Do các thức sanh khởi.
Nổi pháp như làn sóng,
Nghĩa ấy xin Phật thuyết.

Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Những sắc tướng xanh đỏ,
Làn sóng vốn chẳng có.
Đều do tâm tích tập,
Phàm phu nếu khai ngộ,
Nghiệp kia vốn chẳng có,
Do tự tâm nghiệp thọ.
Lìa năng nhiếp, sở nhiếp,
Đồng như làn sóng kia,
Kiến lập thân thọ dụng,
Là hiện thức chúng sanh.
Nơi các nghiệp hiện kia,
Đều như làn sóng nước.

*

Đại Huệ Bồ Tát lại dùng kệ nói rằng:

Tánh làn sóng biển cả,
Ào ạt vẫn biết được.
Tạng cùng nghiệp cũng vậy,
Tại sao chẳng hiểu biết?

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Phàm phu chẳng trí huệ,
Tạng thức như biển cả.
Nghiệp tướng như làn sóng,
Theo đó dụ cho hiểu.

*

Đại Huệ Bồ Tát lại dùng kệ hỏi:

Mặt trời sáng soi khắp,
Chúng sanh thượng, trung, hạ.
Như Lai soi thế gian,
Khai thị lời chơn thật.
Tại sao chia nhiều thừa,
Thuyết pháp nói chẳng thật?
Khi ấy, Thê Tôn dùng kệ đáp rằng:
Nếu nói lời chơn thật,
Tâm họ chẳng chơn thật.
Ví như làn sóng biển,
Như bóng gương, mộng huyễn.
Tất cả cùng lúc hiện,
Cảnh giới tâm cũng thế.

(Bản thể của tâm cùng khắp không gian, thời gian, nên cùng lúc hiện, chẳng có trước sau)

Nay cảnh giới chẳng đủ,
Là do nghiệp chuyển sanh,
Thức do thức nhận biết,
Ý do ý cho vậy.
Năm thức tùy cảnh hiện,
Chẳng thứ lớp nhất Định.
Ví như thợ vẽ khéo,
Và học trò thợ vẽ.
Bút màu vẽ hình tướng,
Thuyết ta cũng như thế.
Màu sắc vốn vô nghĩa,
Chẳng phải bút hay lụa.
Vì thỏa lòng chúng sanh,
Vẽ đủ thứ hình tướng.
Dùng lời nói khai thị,
Thật nghĩa lia văn tự.
Phân biệt tiếp sơ cơ,
Tu hành đến chơn thật.
Chỗ chơn thật tự ngộ,
Lìa năng giác, sở giác.

Đây vì Phật tử nói,
Kẻ ngu vọng phân biệt.
Thế gian đều như huyễn,
Dù hiện chẳng chơn thật.
Thuyết pháp cũng như thế,
Tùy sự lập phương tiện.
Lương y trị bệnh nhân,
Tùy bệnh mà cho thuốc.
Thuyết pháp chẳng ứng cơ,
Nơi họ thành phi thuyết.
Tùy tâm lượng chúng sanh,
Như Lai ứng cơ thuyết.
Phi cảnh giới vọng tưởng,
Thanh văn chẳng có phần.
Vì thương xót kẻ mê,
Thuyết cảnh giới tự giác.

Lại nữa Đại Huệ! Nếu Đại Bồ Tát muốn biết hiện lượng của tự tâm, nhiếp thọ và kẻ nhiếp thọ đối với cảnh giới vọng tưởng, phải lìa phong tục tập quán thế gian. Ngày đêm sáu thời thường tự cảnh tỉnh, phương tiện tu hành, phải lìa ngôn luận của người ác kiến và các tướng thừa Thanh Văn, Duyên Giác, thông đạt tướng vọng tưởng của tự tâm hiện.

Lại nữa Đại Huệ! Đại Bồ Tát kiến lập trí huệ, nơi ba tướng của Thánh trí nên siêng tu học.

Thế nào là ba tướng của Thánh trí? Ấy là tướng vô sở hữu, tướng nhất thiết chư Phật tự nguyện xứ, tướng cứu cánh Tự Giác Thánh trí. Tu hành được đến đây rồi, phải xả bỏ tướng bệnh của trí huệ tâm, được lên Bồ Tát đệ Bát Địa, ấy là do quá trình tu tập ba tướng kể trên mà sanh khởi.

Đại Huệ! Nói Tướng vô sở hữu, là theo cách tu tập những tướng Thanh Văn, Duyên Giác và ngoại đạo mà sanh khởi. Nói Tướng Tự Nguyện Xứ, là nói chỗ chư Phật xưa tự nguyện tu mà sanh khởi. Nói Tướng Cứu Cảnh Tự Giác Thánh Trí, là đối với tất cả pháp tướng chẳng chấp trước, được tiến hành đến đắc Tam muội thân như huyễn của chư Phật mà sanh khởi. Đây gọi là ba tướng Thánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng Thánh trí này, thì được đến cảnh giới cứu cánh của Tự Giác Thánh trí. Cho nên Đại Huệ! Ba tướng Thánh trí nên siêng tu học.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát biết tâm niệm của chúng Đại Bồ Tát đang nghĩ tên Kinh Thánh Trí Phân Biệt Tự Tánh, nên thừa sức oai thần của tất cả Phật, bạch rằng: Thế Tôn! Cúi xin Phật thuyết kinh Thánh Trí Phân Biệt Tự Tánh, y theo Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, phân biệt nghĩa một trăm lẻ tám câu, theo đó thuyết Đại Bồ Tát vào tự tướng và cộng tướng của vọng tưởng tự tánh. Vì phân biệt thuyết tự tánh vọng tưởng thì được khéo quan sát nhơn pháp vô ngã, tẩy sạch vọng tưởng, soi sáng chư Địa, siêu việt tất cả Thanh Văn, Duyên Giác và thiên định của ngoại đạo, biết

khấp cảnh giới sở hành bất khả tư nghì của Như Lai, lia bỏ năm pháp tự tánh. Dùng pháp thân trí huệ của chư Phật Như Lai khéo tự trang nghiêm, khởi cảnh giới huyễn, lên Đâu Suất Thiên Cung, Sắc Cứu Cánh Thiên Cung trong tất cả cõi Phật, cho đến được Pháp thân thường trụ của Như Lai (như Phật Thích Ca từ Đâu Suất Thiên Cung giáng sinh thành Phật).

Phật bảo Đại Huệ: Có một thứ ngoại đạo, khởi vọng tưởng chấp trước đoạn diệt, xóa hết cái nhân giác tri, cho tất cả hư vô như thỏ không sừng, cho tất cả pháp cũng như thế. Ngoài ra còn có ngoại đạo căn cứ theo chỗ vi tế của Đà La Phiêu (chơn lý), vọng chấp các pháp mỗi mỗi sai biệt, sanh kiến chấp ấy, cho là không có sừng thỏ, thì lại nghĩ tưởng phải có sừng trâu. Đại Huệ! Họ rơi vào nhị kiến hữu và vô, chẳng rõ cảnh giới tâm lượng của tự tâm, vọng tự thêm bớt, kiến lập thân thọ dụng, vọng tưởng có căn cứ số lượng. Đại Huệ! Tất cả pháp tánh cũng như thế, lia hữu lia vô, chẳng nên suy tưởng cho là thật có hay thật không.

Đại Huệ! Nếu lia hữu, vô mà cho thỏ không sừng là tưởng thật không, cho trâu có sừng là tưởng thật có, đều gọi là tà tưởng. Đại Huệ! Theo cảnh giới Thánh trí, nên lia nhị kiến đối đãi.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Người chẳng vọng tưởng thấy tướng vô sanh rồi, theo đó suy nghĩ quán xét, chẳng sanh vọng tưởng, nói là vô ư?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải quán xét chẳng sanh vọng tưởng mà nói vô. Tại sao? Vì vọng tưởng do chấp thật mà sanh; như theo chấp thật có và không sừng mà sanh ra vọng tưởng. Nếu chẳng chấp thật thì lia hai tướng tương đối. Do quán hữu nên nói thỏ không sừng, do quán vô nên nói trâu có sừng. Đại Huệ! Vì pháp tương đối chẳng phải chánh nhân, nên nói hữu nói vô, cả hai đều chẳng thành. Nói thành là do chấp pháp tương đối mà thành.

Đại Huệ! Lại còn có ngoại đạo chấp trước việc sắc không sanh khởi kiến chấp, chẳng biết thực tế của hư không, nói lia sắc lia hư không, sanh khởi kiến chấp ngăn mé của vọng tưởng.

Đại Huệ! Hư không là sắc, thuộc về sắc chủng. Sắc là hư không, do năng tri, sở tri mà kiến lập, phân biệt tánh sắc tánh không. Đại Huệ! Phải biết tứ đại chủng sanh khởi, tự tướng riêng biệt, chẳng trụ hư không, nhưng không phải chẳng có hư không.

Như thế Đại Huệ! Vì chấp pháp tương đối, quán trâu có sừng nên nói thỏ không sừng. Nếu đem sừng trâu phân tích thành vi trần, lại phân tích vi trần cho đến cực vi thì sát na chẳng có sở trụ. Họ quán theo như thế nào mà nói là vô ư! Nếu quán vật khác thì pháp cũng như vậy.

Khi ấy, Thế Tôn bảo Đại Huệ Bồ Tát rằng: Nên lia sừng thỏ, sừng trâu, sắc tướng hư không, kiến chấp vọng tưởng. Các Đại Bồ Tát nên suy xét vọng tưởng do tự tâm hiện, Bồ Tát vào tất cả quốc độ, dùng phương tiện của tự tâm dạy bảo chúng sanh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tất cả sắc và tâm,
Sanh khởi từ nơi không.
Thân thọ dụng kiến lập,
Tạng thức hiện chúng sanh.
Tâm, ý và ý thức,
Pháp tự tánh có năm (1).

Vô ngã có hai thứ (2),
Do Như Lai rộng thuyết.
Dài, ngắn, và có, không,
Lần lượt sanh lẫn nhau.
Vi Không lập nghĩa Có;
Vi Có lập nghĩa Không.
Nêu phân biệt vi trần,
Vọng sắc chẳng thể sanh.
Chỗ an lập tâm lượng,
Không nên có ác kiến
Phi cảnh giới giác tướng,
Tường Thanh Văn cũng thế,
Cảnh giới của tự giác,
Cứu thế phương tiện thuyết.

1) Năm pháp của Tự tánh: Tướng, danh, phân biệt, chánh trí và như như.

(2) Hai thứ vô ngã: 1.- Nhân (người) Vô ngã 2.- Pháp vô ngã.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát vì trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện, lại hỏi Như Lai rằng: Bạch Thế Tôn! Làm sao trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện của tất cả chúng sanh? Ấy là pháp Đốn hay Tiệm ư?

Phật bảo Đại Huệ: Phi Tiệm phi Đốn, cũng Tiệm cũng Đốn. Nói Tiệm, ví như trái Yêm Ma La Tiệm chín mùi; như đại địa Tiệm sanh vạn vật, Như Lai trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện của tất cả chúng sanh cũng như thế, nói Đốn, ví như gương sáng Đốn hiện tất cả sắc tướng vô Tướng; như ánh sáng mặt trời Đốn soi tất cả sắc tướng, Như Lai trừ sạch dòng suối ý thức do tự tâm hiện của tất cả chúng sanh cũng như thế.

Đại Huệ! Pháp Y Phật thuyết tất cả pháp vào tự tướng và cộng tướng là tập khí do tự tâm hiện, vọng tưởng tương tục do tự tâm so sánh chấp trước, mỗi mỗi không thật như huyễn. Thật ra, mỗi mỗi so sánh chấp trước đều bất khả đắc.

Lại nữa, Đại Huệ! Vì so sánh chấp trước duyên khởi tự tánh, sanh ra tướng vọng tưởng của tự tánh. Đại Huệ! Như nhà ảo thuật, nương cỏ cây, ngói đá làm ra đủ thứ cảnh vật huyễn hóa, do đó sanh khởi bao nhiêu hình sắc, sanh khởi đủ thứ vọng tưởng, những vọng tưởng kia vốn chẳng chơn thật.

Như thế, Đại Huệ! Y theo tánh duyên khởi sanh khởi vọng tưởng, y mỗi mỗi vọng tưởng hình thành mỗi mỗi sự vật hiện hành, ấy gọi là Y Phật thuyết pháp.

Đại Huệ! Nói Hóa Phật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, lìa âm, giới, nhập, giải thoát, thức tướng phân biệt, là do quán xét kiến lập, siêu việt kiến chấp ngoại đạo và kiến chấp cõi vô sắc.

Đại Huệ! Nói Pháp Phật, là lìa phan duyên, lìa tất cả sở tác, tướng căn và số lượng đều diệt, chẳng phải tướng ngã chấp và cảnh giới sở chấp của phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác và ngoại đạo. Ấy là do tướng cứu cánh sai biệt của Tự Giác Thánh Trí

kiến lập. Cho nên, Đại Huệ! Tướng cứu cánh sai biệt của Tự Giác Thánh trí nên siêng tu học, và kiến chấp do tự tâm hiện cần phải diệt trừ.

Lại nữa, Đại Huệ! Có hai thứ tướng phân biệt thông với thừa Thanh Văn, ấy là: Chấp tướng Đắc Tự Giác Thánh Sai biệt và tướng so sánh chấp trước tánh vọng tướng của tự tánh.

Thế nào là tánh "Đắc Tự Giác Thánh Sai biệt" của Thanh Văn? Ấy là cảnh giới Chơn Đắc, vô thường, khổ, không, vô ngã, lia dục tịch diệt, dứt âm, giới, nhập, tự cộng tướng, ngoài bất hoại tướng, như thật biết tâm được tịch lặng. Tâm tịch lặng xong, được Thiền định giải thoát Tam muội đạo quả. Nhưng chánh thọ giải thoát ấy chẳng lia tập khí biến dịch sanh tử bất tư nghi, đắc tự giác Thánh, ham trụ thừa Thanh Văn, ấy gọi là tướng Đắc Tự Giác Thánh Sai biệt của Thanh Văn.

Đại Huệ! Ham trụ Đắc Tự Giác Thánh Sai biệt của Đại Bồ Tát, chẳng phải ham pháp môn diệt và ham chánh định, chỉ vì thương xót chúng sanh, và theo đúng bản nguyện mà không thủ chứng. Đại Huệ! Đại Bồ Tát đối với các tướng Đắc Tự Giác Thánh Sai biệt của thừa Thanh Văn ham thích, chẳng nên tu học.

Đại Huệ! Thế nào là so sánh chấp trước tánh vọng tướng tự tánh của thừa Thanh Văn? Ấy là đại chủng xanh, vàng, đỏ, trắng, địa, thủy, hỏa, phong, chẳng do tạo tác mà sanh tự tướng, cộng tướng, chỉ là cái phương tiện của Phật thuyết. Người Thanh Văn do đó khởi tự tánh vọng tướng, Đại Bồ Tát đối với pháp ấy nên biết nên xả, liền nhập pháp vô ngã tướng và diệt như vô ngã tướng, lần lượt tiến đến chư Địa, ấy gọi là tướng so sánh chấp trước tánh vọng tướng tự tánh của thừa Thanh Văn.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Thế Tôn sở thuyết cảnh giới thường bất tư nghi của Đệ Nhất Thánh Trí và cảnh giới Đệ Nhất Nghĩa, chẳng phải những ngoại đạo sở thuyết nhân duyên thường bất tư nghi ư?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải nhân duyên đắc thường bất tư nghi của ngoại đạo. Tại sao? Thường bất tư nghi của những ngoại đạo, chẳng do tự tướng thành. Nếu thường bất tư nghi chẳng do tự tướng thành thì có sao được hiển hiện thường bất tư nghi? Lại nữa, Đại Huệ! Bất tư nghi nếu do tự tướng thành thì ắt phải là pháp thường, nếu do người làm ra thì chẳng thể thành thường bất tư nghi, vì do làm mới có, chẳng phải thường có vậy.

Đại Huệ! Ta nói Đệ Nhất Nghĩa thường bất tư nghi, tướng nhân thành Đệ Nhất Nghĩa là lia tánh phi tánh, nên đắc tướng tự giác mà vô Tướng. Cái nhân của Đệ Nhất Nghĩa Trí, vì có cái nhân lia tánh phi tánh, ví như hư không vô Tác, Niết Bàn tận diệt, nên chính pháp ấy tự thường, chẳng do tạo tác thành thường. Như thế, chẳng đồng với Định luận thường bất tư nghi của ngoại đạo.

Đại Huệ! Thường bất tư nghi này do chư Như Lai Tự Giác Thánh Trí chứng đắc, nên thường bất tư nghi của Tự Giác Thánh Trí, cần phải tu học.

Lại nữa, Đại Huệ! Pháp thường bất tư nghi của ngoại đạo chẳng có tánh thường, vì có cái nhân của tướng khác, chẳng phải cái nhân của sức tướng tự thành. Lại nữa, Đại Huệ! Pháp thường bất tư nghi của ngoại đạo có sở tác, tánh phi tánh vô thường, theo kiến chấp suy tư tự cho là thường.

Đại Huệ! Pháp ta cũng dùng nhân duyên như thế, vì tánh phi tánh, chẳng lập sở tác, chẳng có thường kiến, nơi cảnh giới Tự Giác Thánh Trí, nói cái thường ấy tự vô nhân (chẳng có sự bắt đầu). Đại Huệ! Nếu các ngoại đạo lập cái nhân tướng thành thường bất tư nghi, lập cái nhân của tự tướng, nói tánh phi tánh, thì đồng như sừng thỏ, vì pháp thường bất tư nghi của họ chỉ có ngôn thuyết vọng tướng. Bọn ngoại đạo có cái

lỗi như thế. Tại sao? Vì chỉ có ngôn thuyết vọng tưởng, đồng như sừng thỏ, chẳng phải do tự tướng vốn sẵn đầy đủ.

Đại Huệ! Pháp thường bất tư nghi của Ta do tướng tự giác chứng đắc, lia sở tác, tánh phi tánh, nên tự vốn là thường, chẳng phải ngoài tánh phi tánh, suy nghĩ pháp vô thường cho là thường. Đại Huệ! Nếu ngoài tánh phi tánh, pháp vô thường suy nghĩ cho là thường, là cái thuyết thường bất tư nghi của ngoại đạo. Vì họ chẳng biết cái tướng của tự nhân thường bất tư nghi vốn sẵn đầy đủ, nên xa cách với tướng cảnh giới đắc Tự Giác Thánh Trí, họ chẳng nên thuyết.

Lại nữa, Đại Huệ! Các Thanh Văn sợ cái khổ của vọng tưởng sanh tử mà cầu Niết Bàn, chẳng biết tất cả tánh sai biệt của sanh tử Niết Bàn là vọng tưởng phi tánh, do cảnh giới các căn thô nghi, cho là Niết Bàn, chẳng phải chuyên Tạng thức thành Tự Giác Thánh Trí vậy.

Thế nên, Phật đối với phàm phu nói có Tam thừa, nói những tâm lượng vốn chẳng thật có, họ chẳng biết cảnh giới tự tâm hiện của chư Như Lai nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, mà so sánh chấp trước cảnh giới ngoài tâm hiện, nên thường lưu chuyển trong vòng sanh tử.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp vốn vô sanh, ấy là quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật sở thuyết. Tại sao? Nói Tự Tâm Hiện, là tánh phi tánh, lia hữu phi hữu mà sanh. Đại Huệ! Tất cả tánh vô sanh thì tất cả pháp như sừng thỏ, mà phàm phu ngu si, vì tự tánh vọng tưởng chấp cho là thật.

Đại Huệ! Tất cả pháp vô sanh, là cảnh giới của Tự Giác Thánh Trí, tất cả tướng tự tánh của tất cả tánh vốn vô sanh, chẳng phải hai thứ cảnh giới vọng tưởng nhị kiến của phàm phu, kiến lập tướng tự tánh của sắc thân và tài (sở hữu của thân). Đại Huệ! Chuyển cái tướng năng nhiếp, sở nhiếp của Tạng thức mà phàm phu đọa vào nhị kiến của sanh, trụ, diệt, hy vọng tất cả tánh có sanh, sanh những vọng tưởng hữu và phi hữu, chẳng phải Thánh Hiền vậy.

Lại nữa, Đại Huệ! Có năm thứ chủng tánh vô gián. Thế nào là năm? Ấy là: Thanh Văn thừa vô gián chủng tánh, Duyên Giác thừa vô gián chủng tánh, Như Lai thừa vô gián chủng tánh, Bất Định chủng tánh và Các biệt chủng tánh (ngoại đạo chủng tánh).

Thế nào là Thanh Văn thừa vô gián chủng tánh? Nếu có người nghe nói đến âm, giới, nhập, tự cộng tướng, lúc ấy lỗ chân lông toàn thân cảm thấy nhẹ nhàng yên vui và ham tu trí tướng, chẳng tu tướng duyên khởi phát ngộ, khởi tâm đoạn dứt tập khí phiền não, nhưng chẳng đoạn, chẳng độ bất tư nghi biến dịch sanh tử, chỉ độ phần đoạn sanh tử, cho là sanh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, sau này chẳng thọ sanh nữa, như thật biết tu tập nhân vô ngã, cho đến chứng đắc Niết Bàn của Thanh Văn, ấy gọi là Thanh Văn Thừa vô Gián Chủng Tánh.

Đại Huệ! Thế nào là Duyên Giác thừa vô gián chủng tánh? Nếu có người nghe nói những khác biệt của nhân duyên vô gián, toàn thân lông dựng lên, roi lệ đầm dề, đối với những tướng chẳng phải mười hai nhân duyên thì cảm thấy không thích, mỗi mỗi tự thân mỗi mỗi thần thông, hoặc lia hoặc hợp, đủ thứ biến hóa, lúc nghe thuyết này, tâm liền ngộ nhập. Nếu biết họ thuộc về Duyên Giác Thừa vô gián chủng tánh rồi, tùy thuận căn tánh của họ mà vì họ thuyết pháp Duyên Giác Thừa, ấy gọi là tướng Duyên Giác Thừa vô gián Chủng Tánh.

Đại Huệ! Như Lai thừa vô gián Chủng Tánh có bốn thứ: 1.- Tự tánh pháp vô gián chủng tánh. 2.- Lia tự tánh pháp vô gián chủng tánh. 3.- Đắc tự giác Thánh vô gián chủng tánh. 4.- Ngoài sát thù thắng (ngoài quốc độ thù thắng, có nghĩa là vô sở trụ)

Vô gián chủng tánh. Đại Huệ! Nếu người nghe thuyết bốn việc này, và lúc nghe thuyết cảnh giới bất tư nghi thân tài (ngã và ngã sở) kiến lập do tự tâm hiện, tâm chẳng kinh sợ, ấy gọi là tướng như Lai Thừa vô gián Chủng Tánh.

Đại Huệ! Bất Định Chủng Tánh là: Khi người nghe thuyết ba thứ chủng tánh kể trên, tùy theo lúc nghe chủng tánh nào thì ngộ nhập chủng tánh ấy, theo đó tu tập mà thành tựu. Như nghe thuyết thừa Thanh Văn thì thành chủng tánh Thanh Văn, nghe thuyết thừa Duyên Giác thì thành chủng tánh Duyên Giác, nghe thuyết thừa Như Lai thì thành chủng tánh Như Lai, ấy gọi là Bất Định Chủng Tánh.

Đại Huệ! Các Biệt vô gián là: Những chúng sanh còn chấp thật kiến giác như ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, tăng trưởng thiện căn, sĩ phu v.v... mà cầu chứng Niết Bàn. Lại nghe lời thuyết pháp của ngoại đạo, cho tất cả tánh đều có kẻ tác, nói đó là Niết Bàn, cho như thế là giác ngộ, đối với pháp vô ngã chẳng có phần, nên họ không thể giải thoát. Ấy là những người tu Thanh Văn thừa mà thuộc về ngoại đạo Vô gián chủng tánh, chẳng xuất luân hồi mà cho là xuất, ấy gọi là Các Biệt vô gián Chủng Tánh.

Đại Huệ! Người sơ Trị Địa (1) nói kiến lập chủng tánh là vì muốn siêu nhập vô sở hữu Địa, nên có sự kiến lập này. Người tự tu tự giác, phải dứt sạch tập khí phiền não, thấy pháp vô ngã, từ đặc Tam muội của Thanh Văn, cho đến năm thứ chủng tánh kia, cuối cùng đều sẽ chứng đắc Pháp Thân Tối Thắng của Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tu Đà Hoàn Nhập Lưu,
Tư Đà Hàm Vãng Lai.
A Na Hàm Bất Hoàn,
Đền quả A La Hán.
Gọi là thừa Thanh Văn.
Tam thừa và Nhất Thừa,
Phi thừa đúng ta thuyết.
Phàm phu kém trí huệ.
Chư Thánh xa lìa tịch.
Pháp môn Đệ Nhất Nghĩa,
Xa lìa giáo Nhị thừa,
Trụ nơi vô sở hữu.
Sao lại lập Tam thừa.
Chư thiên pháp vô lượng,
Vô sắc Tam Ma Đề,
Thọ tướng thủy tịch diệt.
Cũng chẳng có tâm lượng.

(1) Trị Địa: Trị tâm địa như khai thác đất hoang.

Lược Giải:

Bốn câu trước là tứ quả của Thanh Văn, Phi Thừa tức là Tối Thượng Thừa, chẳng thuộc tam thừa và Nhất thừa, nên nói Phi Thừa. Tịch đối với động, còn nằm trong tương đối, chư Thánh chẳng trụ nơi tịch, nên nói Xa Lìa Tịch. Trụ Nơi vô sở hữu là trụ nơi vô sở trụ, chứ chẳng phải chấp không. Lập Tam Thừa là tạm thiết lập phương tiện để độ chúng sanh. Pháp Thiên vô lượng, chẳng thể kể xiết, như phạm phu thiên, ngoại đạo thiên, Tiểu thừa thiên, Đại thừa thiên, mỗi mỗi đều có nhiều thứ. Nay nói vô sắc, là gồm có bốn thứ thiên quán của vô sắc Giới. Tam Ma Đề là thay cho ba thứ thiên quán của giáo môn. Nói chung tất cả thiên đều muốn đối trị các bệnh chấp ngã uẩn. Hai thứ Thọ Tướng là thay cho ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), nên nói Thọ Tướng Thủy Đều Diệt. Tâm Lượng là chỉ số lượng của tâm, vì bản thể của tâm cùng khắp không gian và thời gian, chẳng có số lượng, nên nói Chẳng Có Tâm Lượng.

Lược Giải hết

CHÁNH VĂN:

- Đại Huệ! Nói Nhất Xiển Đề thật chẳng phải Nhất Xiển Đề. Nếu Nhất Xiển Đề là thật, thì ai chuyển được ai? Vậy thế gian làm sao giải thoát? Đại Huệ! Có hai thứ Nhất Xiển Đề:

1.- Xả bỏ tất cả Thiện căn và xả bỏ phát nguyện chúng sanh từ vô thi. Sao nói xả bỏ tất cả Thiện căn? Ấy là vì phi báng Bồ Tát Tạng và nói lời ác rằng: "Chẳng phải tùy thuận kinh luật mà được giải thoát". Vì xả bỏ tất cả Thiện căn nên chẳng thể chứng nhập Niết Bàn.

2.- Bồ Tát vì độ tất cả chúng sanh được chứng Niết Bàn mà có bản nguyện phương tiện tự chẳng thủ chứng Niết Bàn. Đại Huệ! Pháp Niết Bàn kia, gọi là Pháp Tướng chẳng Niết Bàn. Đây cũng thuộc về loại Nhất Xiển Đề.

-Đại Huệ bạch Phật rằng: Thế Tôn! Tại sao nhất định chẳng thủ chứng Niết Bàn?

-Phật bảo Đại Huệ: Bồ Tát Nhất Xiển Đề, biết tất cả pháp vốn đã là Niết Bàn, chẳng cầu thủ chứng Niết Bàn nữa, mà chẳng phải xả bỏ tất cả Thiện căn, thành Nhất Xiển Đề kia vậy.

Đại Huệ! Người Nhất Xiển Đề xả bỏ tất cả Thiện căn, lại nhờ thần lực Như Lai, cũng có thể tái phát thiện căn. Tại sao? Vì Như Lai chẳng xả bỏ tất cả chúng sanh. Do đó, nên nói Bồ Tát Nhất Xiển Đề chẳng thủ chứng Niết Bàn.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát phải thấu hiểu ba thứ tự tánh. Thế nào là ba thứ tự tánh (1)? Ấy là: Vọng tưởng tự tánh (Biến kế sở chấp), Nhân duyên tự tánh (Y tha khởi) và thành tựu tự tánh (Viên thành thật). Vọng tưởng tự tánh do chấp trước tướng sanh.

(1) Ba thứ tự tánh: Có hai thứ: A. Là ba tánh: Thiện, Ác, vô ký (thuộc về danh số). B. Là ba tánh: Biến kế sở chấp, Y tha khởi và Viên thành thật (thuộc về thuật ngữ).

Ghi Chú:

A. Tánh Thiện, Ác, vô ký:

1.- Tánh Thiện: Là làm những việc có lợi ích cho bản thân và người khác nơi đời hiện tại và vị lai, tin tưởng tâm Thiện là do chúng từ Thiện căn sở tạo tất cả việc Thiện, cũng gọi là Thiện nghiệp.

2.- Tánh Ác: Do ác tâm tham dục sanh khởi, tạo tất cả nghiệp, vì phạm tổn hại đến mình hoặc người khác nơi đời hiện tại và vị lai, thuộc về tánh Ác, cũng gọi là Ác

nghiệp.

3.- Tánh vô ký: Là pháp phi thiện phi ác, chẳng có chút niệm nào dính mắc sự lợi ích hay tổn hại, chẳng thể ghi ra để phân biệt. Trong Duy Thức có hai thứ vô ký: Vô Ký có che lấp và vô ký chẳng che lấp. Nói "Vô Ký có che lấp" là có tác dụng rất yếu của mê vọng, dù chẳng có sức để lợi ích hay tổn hại mình và người, nhưng có cái thể mê vọng che lấp Thánh đạo, những sự vật đồng như chướng này đều thuộc vô ký có che lấp, như thức thứ bảy. Nói "Vô Ký chẳng che lấp" là bản thể chẳng phải mê vọng, tự tánh rất yếu, chẳng có chút sức để lợi ích hay tổn hại cho mình và người, gọi là vô ký chẳng che lấp, như thức thứ tám và nội căn ngoại khí v.v... Đồng như tánh này đều thuộc vô ký chẳng che lấp. Gọi chung là tánh vô ký.

B. Tánh Biến, Y, Viên:

1.- Tánh Biến Kế Sở Chấp: Do tập khí vọng tưởng của phàm phu có tánh chấp thật, so sánh chấp trước tất cả pháp gọi là Biến Kế. Vì vọng tưởng biến kế mê chấp, chấp tất cả tánh thật có hay thật không, như thấy sợi dây làm tưởng cho là con rắn, nhưng thật thì chẳng có bản thể của rắn, chỉ là vọng tình mê chấp cho là rắn thôi, ấy gọi là Biến Kế Sở Chấp.

2.- Tánh Y Tha Khởi: Là y theo Nhân duyên mà sanh khởi tất cả vạn pháp. Chữ Tha thay cho Nhân duyên, do chủng tử của thức thứ tám làm đệ nhất nhân, đồng thời nhờ mỗi mỗi trợ duyên khác mà sanh khởi các tướng, là vọng tưởng mà tự tồn tại, cũng như sợi dây do bố gai, công cụ, Nhân công làm nhân duyên mà sanh khởi, gọi là tánh Y Tha Khởi.

3.- Tánh Viên Thành Thật: Nghĩa là viên mãn thành tựu tánh chơn thật, cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là như như, tức là thể tánh của tất cả pháp vô vi. Pháp tánh ở đây có hai nghĩa: Nói "Pháp Tánh tùy duyên" là tánh Y Tha Khởi, thuộc nghĩa thật của Đại thừa; hoặc nói "Pháp tánh là Sở Y" do tánh Y tha mà kiến lập, thuộc nghĩa quyền của Đại thừa (phương tiện sở lập).

Nhưng trong ba thứ tánh này, tánh Biến Kế Sở Chấp là vọng hữu, tánh Y Tha Khởi là giả Hữu, tánh Viên Thành Thật là thật Hữu. Còn nói ngược lại, tánh Biến Kế Sở Chấp là thật vô, tánh Y Tha Khởi là tương tự Hữu, tánh Viên Thành Thật là chơn Hữu, ba tánh này đầy đủ trong mọi sự vật. Như pháp quá khứ, vị lai, lông rùa sừng thỏ, cho là thật thì thuộc tánh Biến Kế Sở Chấp v.v... Nói tóm lại, pháp vô vi thuộc tánh Viên Thành Thật, ví như bông hoa, do vọng tưởng mê chấp cho là có tướng hoa thật, là tánh Biến Kế Sở Chấp, biết là từ Nhân duyên sanh khởi, giả hiện tướng hoa, là tánh Y Tha Khởi, ngộ được thật tế của hoa, ngoài tánh và phi tánh, là tánh Viên Thành Thật vậy.

Ghi chú hết

-Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Sao nói vọng tưởng tự tánh từ tướng sanh?

-Phật bảo Đại Huệ: Sự tướng của duyên khởi tự tánh, do tướng hành hiển bày tướng sự, đối với tướng so đo chấp trước, thành có hai tướng vọng tưởng tự tánh, do Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phương tiện kiến lập, gọi là danh tướng chấp trước tướng và sự tướng chấp trước tướng. Nói Danh Tướng Chấp Trước Tướng là chấp trước các pháp trong ngoài; Sự Tướng Chấp Trước Tướng là theo việc trong ngoài của tự tướng cộng tướng sanh khởi chấp trước như thế. Ấy gọi là tướng của hai thứ vọng tưởng tự tánh, vì nương theo nhân duyên mà sanh nên gọi là duyên khởi tự tánh.

Thế nào là Thành Tụ Tụ Tánh? Ấy là lia vọng tướng của hai thứ danh tướng và sự tướng, tức là cảnh giới sở hành của Tụ Giác Thánh Trí do Thánh Trí sở chứng đắc, ấy gọi là Thành Tụ Tụ Tánh, cũng gọi là Tâm Như Lai Tạng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Danh tướng và phân biệt,
Vớ hai thứ tụ tánh.
Chánh trí và Như như,
Thành tụ năm pháp tướng.

Đại Huệ! Ấy gọi là Quán Sát Ngũ Pháp Tụ Tánh Tướng Kinh. Cảnh giới sở hành của Kinh này là ý thú Tụ Giác Thánh Trí, chúng Đại Bồ Tát cần phải tu học.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát khéo quán hai thứ tướng vô ngã. Thế nào là hai thứ tướng vô ngã? Ấy là Nhơn vô ngã và Pháp vô ngã.

Thế nào Nhơn vô ngã Tướng? Là lia ngã và ngã sở, lia tụ duyên của Âm, Giới, Nhập, lia sự sanh khởi vô minh nghiệp ái, lục căn nhiếp thọ lục trần sanh ra lục thức, những chấp trước ấy đều phải lia. Vì tất cả căn, thân (Chánh báo), khí giới (Y báo) đều do tụ tâm hiện, là tướng của tụ vọng tướng, như dòng nước, như chùng tử, như đèn, như gió, như mây, sát na lần lượt hoại. Thổ động như khí vượn, ưa chỗ bất tịnh như con ruồi, không biết đủ như gió thổi lửa, nhân tập khí hư ngụy từ vô thi như bánh xe đạp nước, đủ thứ thân sắc, sanh tử luân hồi trong lục đạo như huyền thuật và thần chú mà tùy cơ phát khởi trí huệ, khéo biết tất cả tướng kia đều chẳng thật thì phá được nhơn ngã chấp, ấy gọi là Nhơn vô ngã tướng.

Thế nào là Pháp vô ngã tướng? Biết âm, giới, nhập là vọng tướng, tướng tụ tánh, lia ngã, ngã sở, những âm, giới, nhập tịch tụ, do dây trói của nghiệp ái lần lượt duyên nhau sanh khởi, thật tướng vốn chẳng lay động, các pháp cũng thế. Lia tướng vọng tướng tụ cộng tướng chẳng thật, do sức vọng tướng của phàm phu sanh ra, chẳng phải Thánh Hiền, vì tụ tánh lia tâm, ý, ý thức và năm pháp.

Đại Huệ! Đại Bồ Tát khéo quán tất cả pháp vô ngã, khéo tu pháp vô ngã, thì Đại Bồ Tát chẳng bao lâu sẽ chứng đắc Sơ Địa, quán tướng Địa vô sở hữu, quán sát mở mang giác huệ, đến Hoan Hỷ Địa, lần lượt tiến lên, siêu việt tướng cửu địa, chứng Pháp Vân Địa, ngay đó biến lập vô lượng bửu trang nghiêm, ngồi Đại Bửu Liên Hoa trong Đại Bửu cung điện, đồng một loại như tướng vua, có những quyền thuộc Bồ Tát từ tất cả cõi Phật đến vây quanh, được tay Phật quán đảnh, giống như sự quán đảnh của Thái Tử Chuyển Luân Thánh Vương. Từ phàm phu tu tập, sanh khởi cảnh giới huyền của tụ tánh, tới địa vị siêu Phật tử, cho đến pháp Tụ Giác Thánh Trí, sẽ được Pháp thân tụ tận của Như Lai, hiện pháp vô ngã, ấy gọi là Pháp vô ngã tướng. Chúng Đại Bồ Tát cần nên tu học.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin Phật thuyết pháp kiến lập và phủ định, khiến con và chư Đại Bồ Tát lia kiến lập và phủ định của ác kiến nhị biên, chóng được vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thế Tôn hứa khả sự thỉnh cầu của Đại Huệ Bồ Tát mà thuyết kệ rằng:

Kiến lập và phủ định,
Vốn chẳng có tâm lượng.
Thân thọ dụng kiến lập,

Tâm phàm chẳng thể biết.

Ngu si chẳng trí huệ,

Chấp kiến lập phủ định.

Khi ấy, Thế Tôn muốn hiển bày đại nghĩa này mà bảo Đại Huệ rằng: Có bốn thứ phi hữu mà lại có kiến lập. Thế nào là bốn?

1. Phi hữu tướng kiến lập.
2. Phi hữu kiến kiến lập.
3. Phi hữu nhân kiến lập.
4. Phi hữu tánh kiến lập.

Ấy gọi là bốn thứ kiến lập. Còn nói phủ định nghĩa là: Ở nơi sở lập kia vốn vô sở đắc, vì quán sát sai lầm mà khởi tâm phủ định, ấy gọi là Tướng Kiến Lập Phủ định.

Lại nữa, Đại Huệ! Thế nào là Phi hữu Tướng Kiến Lập Tướng? Ấy là: Tự cộng tướng của âm giới nhập vốn phi hữu mà khởi tâm chấp trước, cho là thế này thế kia, gọi là Phi hữu Tướng Kiến Lập Tướng. Phi hữu tướng kiến lập tướng này, là lỗi vọng tưởng hư vọng từ vô thi, do đủ thứ tập khí kiến chấp mà sanh khởi.

Đại Huệ! Phi hữu Kiến Kiến Lập Tướng là kiến chấp âm, giới, nhập, ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, nuôi dưỡng thiện căn (kê làm), sĩ phu (kê thọ nhận), v.v... như thế gọi là Phi hữu Kiến Kiến Lập Tướng.

Phi hữu nhân Kiến Lập Tướng là khi ý thức sơ khởi chẳng từ nhân sanh, lúc trước vốn chẳng sanh, lúc sau mới như huyền mà sanh, vốn chẳng có vật làm nhân. Như nhãn thức do vọng tưởng sắc, không, sáng tối mà sanh thức, thức sanh rồi liền diệt, ấy gọi là Phi hữu nhân Kiến Lập Tướng.

Đại Huệ! Phi hữu Tánh Kiến Lập Tướng là tự tánh của ba pháp vô vi: Hư không, Niết Bàn và trạch diệt (do sức trí huệ mà chứng đắc pháp diệt) vốn chẳng có tự tánh, như lông rùa sừng thỏ, lia có và không mà hiện, ấy gọi là Phi hữu Tánh Kiến Lập Tướng.

Kiến lập và phủ định là do vọng tưởng của phàm phu chẳng khéo quán sát tự tâm hiện lượng, chẳng phải chỗ thấy của Thánh Hiền. Bậc Đại Bồ Tát nên siêng tu học, lia hai thứ ác kiến kiến lập và phủ định.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát phải khéo biết tâm, ý, ý thức, năm pháp của tự tánh và hai thứ tướng vô ngã; vì sự yên ổn của chúng sanh, nên tiến đến cứu cánh. Như hạt châu như ý hiện ra đủ thứ sắc tướng, là do nhân duyên vọng tưởng phân biệt mà sanh khởi, đại chúng nơi tất cả pháp hội của Như Lai, nghe Phật thuyết pháp như mộng huyền, như ánh sáng, như bóng trăng trong nước, pháp ấy lia sanh diệt đoạn thường và lia Thanh Văn, Duyên Giác, được trăm ngàn Tam muội, cho đến trăm ngàn ức na do tha Tam muội. Đắc Tam muội xong, dạo khắp các cõi Phật, cúng dường chư Phật, lên các Thiên cung hoàng dương Tam Bảo, thị hiện thân Phật, có chúng Thanh Văn, Bồ Tát vây quanh. Dùng tự tâm hiện lượng để độ thoát chúng sanh, phân biệt diễn thuyết ngoài tánh vô tánh, khiến thấy đều xa lia kiến chấp có và không v. v...

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phật tử khéo quán sát,

Thế pháp do tâm tạo.

Thị hiện đủ thứ thân,

Sức thần thông tự tại.

Tất cả đều thành tựu,

Sở tác vô chướng ngại.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin Thế Tôn vì chúng con thuyết tất cả pháp tánh không, lia tướng tự tánh vốn vô sanh bất nhị, khiến chúng con và chư Bồ Tát giác ngộ, lia hai thứ vọng tưởng Có và Không, vô sanh, bất nhị và lia tướng tự tánh.

Đại Huệ! Nói sơ lược có bảy thứ không là: Tướng không, tự tánh không, hành không, vô hành không, tất cả pháp lia ngôn thuyết không, Đệ Nhất Nghĩa Thánh Trí Đại không và Bi bỉ không.

Thế nào là Tướng Không? Ấy là tự tướng cộng tướng của tất cả pháp không, vì tướng tự tha và cộng đều chẳng thể sanh, do vọng tưởng phân biệt đối đãi với nhau tích tụ mới có. Nếu quán sát phân tích thì cứu cánh là vô tướng. Vì vô tướng nên tướng chẳng trụ, nên nói tất cả tướng tướng không, gọi là Tướng Không.

Thế nào là Tánh Tự Tánh Không? Ấy là tự tánh của chính mình vốn vô sanh, tức là tự tánh của tất cả pháp không, nên nói Tánh Tự Tánh Không.

Thế nào là Hành Không? Ấy là hành âm lia ngã, ngã sở, do tác nghiệp sở thành, nghĩa là từ nhân duyên hòa hợp mà sanh, ấy gọi là Hành Không.

Thế nào là Vô Hành Không? Duyên nhau sanh khởi theo Hành Không như thế này, tự tánh vốn vô tướng, ấy gọi là Vô Hành Không.

Thế nào là Tất Cả Pháp Lia Ngôn Thuyết Không? Vì vọng tưởng tự tánh chẳng có ngôn thuyết, nên tất cả pháp lia ngôn thuyết, ấy gọi là Tất Cả Pháp Lia Ngôn Thuyết Không.

Thế nào là Tất Cả Pháp Đệ Nhất Nghĩa Thánh Trí Đại Không? Vì người đắc Tự Giác Thánh Trí thì tất cả kiến chấp tập khí đều không, ấy gọi là Tất Cả Pháp Đệ Nhất Nghĩa Thánh Trí Đại Không.

Thế nào Bi Bỉ Không? Nghĩa là ở nơi kia chẳng có cái không kia, gọi là Bi Bỉ Không. Đại Huệ! Ví như người mẹ của Lộc Tử là nữ cư sĩ Tỳ Xá, vì xây dựng Tịnh xá cho Tỳ Kheo ở, chẳng nuôi voi, ngựa, trâu, dê v.v... Nay nói Bi Không, chẳng phải nơi kia không có chúng Tỳ Kheo, cũng chẳng phải Tịnh xá trống rỗng không, cũng chẳng phải Tỳ Kheo tánh không, cũng chẳng phải chỗ khác không có voi, ngựa, nghĩa là tự tướng của tất cả pháp, cái kia, ở nơi kia chẳng có cái kia, ấy gọi là Bi Bỉ Không. Nói chung trong bảy thứ Không, Bi Bỉ Không là cái không rất thô, người nên xa lia.

Đại Huệ! Nói Chẳng Tự Sanh chẳng phải vô sanh, ngoài trụ chánh định ra, gọi là vô sanh, nghĩa là lia tự tánh tức là vô sanh. Sự lưu chú tương tục từng sát na vốn lia tự tánh và tánh dị thực (lúc sau chín mùi) hiện ra tất cả tướng đều lia tự tánh, cho nên nói tất cả tướng lia tự tánh.

Sao nói Bất Nhị? Vì tất cả pháp như âm, dương, dài, ngắn, trắng, đen v.v... đều là nhị, vì các tướng làm nhân với nhau mới có, chẳng phải ngoài Niết Bàn có sanh tử, chẳng phải ngoài sanh tử có Niết Bàn, sanh tử Niết Bàn chẳng có tướng trái nhau; tất cả pháp cũng như thế, nên gọi là Bất Nhị. Cho nên pháp Không, pháp vô sanh, pháp Bất Nhị, pháp lia tướng tự tánh cần nên tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Ta thường nói pháp Không,

Xa lìa nơi đoạn trường.
Sanh tử như mộng huyễn,
Mà nghiệp tách chẳng hoại.
Hư không và Niết Bàn,
Tịch diệt cũng như thế.
Phàm phu chấp vọng tưởng,
Bậc Thánh lìa hữu vô.

Khi ấy, Thế Tôn lại bảo Đại Huệ rằng: Đại Huệ! pháp Không, pháp vô sanh, pháp Bất Nhị, pháp lìa tự tánh v.v... đều có ghi vào kinh giáo của Phật, tất cả kinh điển đều thuyết nghĩa này. Vì tùy thuận tâm hy vọng của chúng sanh mà phương tiện phân biệt thuyết để hiển bày nghĩa lý chẳng phải ở nơi ngôn thuyết có sự chơn thật. Như bày nai khát nước, mê hoặc đuổi theo dương diệm (ánh nắng mặt trời phản chiếu) cho là nước, nhưng dương diệm chẳng phải nước thật. Các pháp sở thuyết của Phật ghi trong kinh điển cũng như thế. Vì muốn khiến phàm phu phát tâm hoan hỷ, tinh tấn tu hành, chẳng phải có Thánh Trí thật ở nơi ngôn thuyết. Cho nên phải nương theo nghĩa, chớ chấp ngôn thuyết.

PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

-Quyển Hai-

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Pháp sở thuyết trong kinh Phật nói Tự Tánh của Như Lai Tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi. đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sanh, vì áo nhớ ám, giới, nhập che khuất, nên bị cấu bần vọng phân biệt tham, sân, si sở ô nhiễm, giống như bửu vật vô giá ẩn trong áo nhớ. Mà ngoại đạo có cái thuyết "Chơn Ngã là kẻ tác giả thường trụ, lìa nơi y chỉ, tự tại chẳng diệt". Vậy, cái nghĩa "Như Lai Tạng" của Phật sở thuyết, há chẳng đồng như cái thuyết "Chơn Ngã" của ngoại đạo ư?

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói "Như Lai Tạng", chẳng đồng với cái thuyết "Chơn Ngã" của ngoại đạo. Đại Huệ! Ta có lúc nói Không, vô Tướng, vô nguyện, Như thật tế, Pháp tách, Pháp thân Niết Bàn, Lìa tự tánh, Bất sanh bất diệt, Bản Lai tịch tịnh, Tự tánh Niết Bàn v.v... dùng những danh từ này để thuyết Như Lai Tạng xong, ấy là vì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác muốn đoạn dứt sự e sợ danh từ vô ngã của phàm phu, nên nói cảnh giới lìa vọng tưởng, vô sở hữu là Như Lai Tạng.

Đại Huệ! Bậc Bồ Tát vị lai, hiện tại, chẳng nên sanh ngã kiến chấp trước. Ví như thợ gốm nơi một đồng đất dùng phương tiện nhơn công, nước, cây, bánh xe quay để làm ra các món đồ gốm, thì Như Lai cũng như thế; ở nơi pháp vô ngã lìa tất cả tướng của vọng tưởng, dùng đủ thứ trí huệ, phương tiện khéo léo, hoặc thuyết Như Lai Tạng, hoặc thuyết vô ngã. Do nhân duyên này, nên cái thuyết Như Lai Tạng của ta chẳng đồng với cái thuyết chơn ngã của ngoại đạo. Vì khai mở cái trói chấp ngã của các ngoại đạo, nên có cái thuyết Như Lai Tạng, khiến họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật, ngộ nhập cảnh giới ba cửa giải thoát, mong họ chóng được vô Thượng Bồ Đề. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phải thuyết Như Lai Tạng như thế. Nếu chẳng như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Cho nên, Đại Huệ! Vì lìa kiến chấp của ngoại đạo cần phải y theo pháp vô ngã của Như Lai Tạng mà tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Nhơn Ngã và ngũ âm,
Nhân duyên với vi trần.
Tự tánh vốn tự tại,
Duy tâm vọng phân biệt.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát quán chúng sanh đời vị lai, lại thỉnh Thế Tôn: Cúi xin Thế Tôn thuyết về đại phương tiện tu hành chẳng gián đoạn của chư Đại Bồ Tát.

Phật bảo Đại Huệ: Đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ Tát phải thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn?

1. Khéo phân biệt tự tâm hiện.
2. Quán ngoài tánh phi tánh.
3. Liả kiến chấp sanh trụ diệt.
4. Được sự an lạc của đắc Tự Giác Thánh Trí.

Ấy gọi là thành tựu bốn pháp Đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ Tát.

- Thế nào là Khéo Phân biệt Tự Tâm Hiện của bậc Đại Bồ Tát? Ấy là quán ngăn mé duy tâm của tam giới, liả ngã, ngã sở, chẳng lay động, chẳng khứ Lai, biết do tập khí hư ngụy huân tập từ vô thủy, kiến lập thân (ngã), tài (ngã sở), tùy theo vọng tưởng trôi buộc hiện đủ thứ sắc hành của tam giới, ấy gọi là khéo phân biệt tự tâm hiện của bậc Đại Bồ Tát.

- Thế nào là Khéo Quán Ngoài Tánh Phi Tánh? Là nói quán tự tánh của tất cả tánh do vọng tưởng tập khí hư ngụy từ vô thủy làm nhân mà thành, tất cả tánh đều giống như dương diệm, mộng huyễn v.v... Đại Bồ Tát khéo quán như thế, gọi là Khéo Quán Ngoài Tánh Phi Tánh.

- Thế nào là Đại Bồ Tát Khéo Liả Kiến Chấp Sanh, Trụ, Diệt? Nói tất cả tánh như mộng huyễn, tự tánh, tha tánh và cộng tánh vốn chẳng sanh, liền được vào cảnh giới vô sanh của tự tâm, liễu tri ngăn mé của tự tâm qui vô sở đắc nên chẳng liả mà tự liả. Đã rõ ngăn mé của tự tâm, nên quán được ngoài tánh phi tánh, tất cả pháp sanh ở nơi tam giới trong ngoài đều bất khả đắc; quán được pháp sanh liả tự tánh, thì kiến chấp về pháp sanh phải diệt. Vậy, khéo biết tự tánh của các pháp như huyễn thì chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn xong thì liả kiến chấp sanh trụ diệt. Ấy gọi là Đại Bồ Tát khéo phân biệt Liả Kiến Chấp Sanh, Trụ, Diệt.

- Thế nào là Đại Bồ Tát Đắc Sự An Lạc Của Tự Giác Thánh Trí? Vì Đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn rồi thì trụ nơi Bồ Tát Đệ Bát Địa, được liả tâm, ý, ý thức, năm pháp tự tánh và hai tướng vô ngã, chứng đắc Ý Sanh Thân.

Đại Huệ Bồ Tát hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Ý Sanh Thân?

Phật bảo Đại Huệ: Nói Ý Sanh Thân, ví như sự đi nhanh chóng của ý đi qua vách đá vô ngại, cho đến khoảng cách số dặm vô lượng ở phương xa, vì trước kia ý đã thấy, ghi nhớ chẳng quên, tự tâm lưu chú chẳng ngừng, thì Ý Sanh Thân cũng như thế, thành chẳng chướng ngại. Đại Huệ! Ý và thân như thế được sanh cùng một lúc, ý sanh thân của Đại Bồ Tát thuộc Thánh chủng diệu tướng trang nghiêm, do như huyễn Tam muội, có sức thần thông tự tại, nên trong một lúc cùng sanh, cũng như ý sanh, chẳng có chướng ngại, tùy theo cảnh giới của bốn nguyện ghi nhớ mà thành tựu cho chúng sanh, đắc sự an lạc của Tự Giác Thánh Trí. Như thế, Đại Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, trụ Đệ Bát Địa, lần lượt xả bỏ tâm, ý, ý thức, năm pháp tự tánh và hai tướng vô

ngã, thì chứng đắc Ý Sanh Thân. Ấy gọi là Đại Bồ Tát được sự an lạc của Tự Giác Thánh Trí.

Nói tóm lại, thành tựu bốn pháp đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ Tát kể trên, cần nên tu học.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Thế Tôn rằng: Cúi xin Phật thuyết tướng nhân duyên của tất cả các pháp, do giác được tướng nhân duyên, khiến con và các Bồ Tát được lìa tất cả tánh của vọng kiến hữu vô, chẳng vọng chấp các pháp Tiệm sanh, hoặc Đốn sanh, hoặc Tiệm Đốn cộng sanh.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng, là ngoại duyên và nội duyên. Ngoại Duyên là: Cục đất, cây cọc, bánh xe, sợi dây, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện làm duyên, sanh ra cái bình như bình đất, còn các thứ tợ, lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lạc v.v... do ngoại duyên phương tiện sanh ra cũng như thế. Ấy gọi là tướng ngoại Duyên.

- Thế nào là Nội Duyên? Vì có vô minh ái nghiệp các pháp hòa hợp gọi là năng duyên, từ đó sanh khởi các pháp âm, giới, nhập, gọi là sở duyên. Các pháp do tự tâm sở hiện vốn chẳng sai biệt, mà phàm phu vọng chấp, thành có sai biệt, ấy gọi là pháp Nội Duyên.

Đại Huệ! Nói về nhân gồm có sáu thứ, ấy là: Đương hữu nhân, Tương tục nhân, Tướng nhân, Tác nhân, Hiện thị nhân, Đối đãi nhân.

1. Đương hữu nhân: Vì thức thứ tám từ vô thi đến nay hay làm nhân cho tất cả pháp, từ nhân sanh quả, bất khả tư nghì, đương lúc đó làm nhân, nên gọi là Đương hữu nhân.

2. Tương Tục nhân: Vì bên trong nương thức thứ tám và thức thứ sáu, phan duyên ngoại cảnh, từ đó pháp trong ngoài làm nhân sanh quả như ngũ ấm chủng tử v.v... do hiện hành huân tập chủng tử, lại do chủng tử huân tập hiện hành, mà quả nhiễm tịnh theo đó liên tục sanh khởi chẳng dừng, nên gọi là Tương Tục nhân.

3. Tướng nhân: Do cái đẳng vô gián duyên (duyên chẳng gián đoạn) làm ra tướng vô gián, sanh ra quả tương tục. Nơi tương tục có tướng vô gián đã lìa nơi nhân mà chưa đến nơi quả, vì nó chẳng gián đoạn cho nên tương tục. Vì ở nơi chính giữa của nhân và quả mà có tướng, nên gọi là Tướng nhân.

4. Tác nhân: Tức là tăng thượng duyên, ấy là tạo nghiệp tăng thượng mà sanh ra quả, cũng như Chuyện Luân Vương, do thân thể chứng đắc Luân Vương làm bản nhân mà bánh xe Thất Bửu từ hư không bay đến, ấy là sự tăng thượng. Vì cánh chẳng thể sanh quả, phải nhờ tâm làm tăng thượng, Luân Vương mới có thể làm ra thắng nhân. Vì tâm làm tăng thượng duyên cho cảnh (Bánh xe bay), nên gọi là Tác nhân.

5. Hiện Thị Nhân: Sự vọng tưởng sanh rồi thì hiện cái tướng năng tác, sở tác, như cây đèn chiếu soi hiện thị sắc tướng v. v... gọi là Hiện Thị Nhân.

6. Đối Đãi Nhân: Là lúc pháp diệt thì sự tương tục đoạn dứt, mà ngay đó tánh “chẳng vọng tướng” sanh khởi. Đại Huệ! Tự tướng vọng tưởng của phàm phu chẳng lần lượt sanh, chẳng cùng chúng sanh. Tại sao? Nếu cùng lúc sanh thì chẳng phân biệt được năng tác, sở tác, vì chẳng có tướng nhân. Nếu lần lượt sanh thì chẳng có tự tướng, cho nên chẳng thể có lần lượt sanh, như chẳng sanh con thì không được gọi là cha. Đại Huệ! Vì cha với con làm nhân đối đãi với nhau, không có cha thì không sanh được con, không có con thì không được gọi là cha; cha con đối đãi nhau mà sanh, nên gọi là Đối Đãi Nhân.

Đại Huệ! nói tóm lại, các thứ tướng sanh đều do các thứ nhân của tự tánh vọng tưởng chấp tướng mà sanh. Vì tự tâm hiện ra thọ dụng mà có tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh; thực ra Luân Lược Sanh và Cùng Lúc Sanh hai thứ đều chẳng thể sanh. Cho nên phải lia hai thứ kiến chấp đó.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tất cả đều vô sanh,
Cũng không nhân duyên diệt.
Ở nơi tướng sanh diệt,
Mà khởi nhân duyên tướng.
Pháp diệt rồi lại sanh,
Do nhân duyên tương tục.
Vi đoạn dứt si mê,
Của tất cả chúng sanh.
Nên thuyết pháp duyên khởi,
Các pháp thật vô sanh.
Do tập khí mê hoặc,
Từ đó hiện tam giới.
Duyên thật vốn vô sanh,
Lại cũng chẳng có diệt.
Tất cả pháp hữu vi,
Như hoa đốm trên không.
Nếu lia bỏ kiến chấp,
Năng nhiếp và sở nhiếp.
Chẳng có vô nhân sanh,
Và đã sanh, sẽ sanh.
Sự sanh vốn chẳng có,
Thầy chi là ngôn thuyết.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì chúng con nói tướng của Tâm Kinh và ngôn thuyết của vọng tưởng. Con và các Đại Bồ Tát nếu khéo biết tướng Tâm Kinh và ngôn thuyết của vọng tưởng, thì được thông đạt hai nghĩa năng thuyết và sở thuyết, chóng chứng đắc vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng hai thứ năng thuyết và sở thuyết tẩy sạch trần cấu của tất cả chúng sanh.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Lành thay! Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Có bốn thứ tướng ngôn thuyết vọng tưởng là: Tướng ngôn thuyết, Mong ngôn thuyết, Vọng tưởng chấp trước ngôn thuyết, và vô thi vọng tưởng ngôn thuyết.

1. Tướng ngôn Thuyết: Là từ tự tâm vọng tưởng chấp trước sắc tướng mà sanh.

2. Mộng ngôn Thuyết: Là cảnh giới xưa kia đã trải qua, nay tùy niệm tưởng nhớ mà sanh, Nếu giác ngộ rồi thì cảnh giới “Vô tánh” được sanh.

3. Vọng Tưởng Chấp Trước Ngôn Thuyết: Là như trước kia do oán ghét tạo thành nghiệp, nay tùy niệm tưởng nhớ mà sanh.

4. Vô thi Vọng Tưởng ngôn Thuyết: Là lỗi từ vô thi hư ngụy, chấp trước tập khí của tự chủng mà sanh. Ấy gọi là bốn thứ tướng của vọng tưởng ngôn thuyết.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại dùng nghĩa này khuyên thỉnh Thế Tôn: Cúi xin Phật thuyết lại cảnh giới sở hiện của vọng tưởng ngôn thuyết. Bạch Thế Tôn! Ấy là ở nơi nào? Do có gì? Tại sao? Nhân gì mà sanh ra ngôn thuyết vọng tưởng của chúng sanh?

Phật bảo Đại Huệ: Do đầu, ngực, cổ họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng, hòa hợp mà phát ra âm thanh.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Ngôn thuyết với vọng tưởng là khác hay chẳng khác?

Phật bảo Đại Huệ: Ngôn thuyết và vọng tưởng, chẳng phải khác hay chẳng khác. Tại sao? Vì là vọng tưởng làm nhân sanh ra tướng ngôn thuyết. Nếu ngôn thuyết với vọng tưởng khác nhau thì vọng tưởng chẳng nên làm nhân; nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển bày nghĩa lý. Nhưng sự thật thì chẳng như vậy. Cho nên chẳng phải khác hay chẳng khác.

Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Vậy ngôn thuyết là Đệ Nhất Nghĩa hay sở thuyết là Đệ Nhất Nghĩa?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ngôn thuyết là Đệ Nhất Nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là Đệ Nhất Nghĩa. Tại sao? Nói "Đệ Nhất Nghĩa" là do ngôn thuyết sở nhập, nghĩa là sự an vui của bậc Thánh, mới gọi là Đệ Nhất Nghĩa, chẳng phải ngôn thuyết là Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa là do Thánh Trí tự giác sở chứng đắc, chẳng phải cảnh giới của ngôn thuyết vọng tưởng, cho nên, ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển thị Đệ Nhất Nghĩa. Lại nữa, Đại Huệ! Vì do tự tâm hiện lượng sở nhập nên mỗi mỗi tướng ngoài tánh phi tánh. Thì vọng tưởng ngôn thuyết chẳng hiển thị Đệ Nhất Nghĩa. Cho nên, Đại Huệ! Phải lìa tướng ngôn thuyết và vọng tưởng, mới có thể hiển bày được Đệ Nhất Nghĩa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Các Pháp chẳng tự tánh,
Cũng chẳng phải ngôn thuyết.
Không Không nghĩa sâu tột,
Phàm phu chẳng thể liễu.
Tự tánh của pháp tánh,
Lìa ngôn thuyết phân biệt.
Sanh tử và Niết Bàn,
Các pháp như mộng huyễn.
Như vua và Trưởng giả,
Vì muốn các con vui.
Trước cho vật tương tự,

Sau ban đồ chơn thật.
Nay ta cũng như thế,
Trước thuyết pháp tương tự,
Sau mới vì họ giảng,
Pháp thật tế tự chúng.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin Thế Tôn thuyết những pháp: Nhất hay dị, đồng hay chẳng đồng, hữu và vô, hay chẳng hữu chẳng vô, thường hay vô thường, chỗ chẳng hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ hành của Tự Giác Thánh Trí, là vọng tưởng tự tướng cộng tướng, vào Đệ Nhất Nghĩa chơn thật. Các địa tương tục, dần dần tiến lên, đến chỗ tướng cùng tột thanh tịnh, liền vào tướng địa của Như Lai, chẳng mở mang bản nguyện. Ví như hạt châu Ma Ni có nhiều hình sắc cảnh giới vô biên tướng hạnh, nay chỉ hiện tượng bộ phận trong tự tâm, nơi tất cả các pháp, nếu con và các vị Đại Bồ Tát, lia kiến chấp tự tướng cộng tướng của vọng tưởng tự tánh như trên, sẽ chứng được vô Thượng Bồ Đề, khiến tất cả chúng sanh đầy đủ sung mãn tất cả an lạc.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay! Lành thay! Người khéo hỏi ta các nghĩa như thế, là thương mến tất cả chư Thiên, người đời, khiến họ được nhiều an lạc và nhiều lợi ích. Đại Huệ! hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì người phân biệt giải thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Lành thay! Thế Tôn, con xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Phạm phu ngu si, chẳng biết tâm lượng, chấp lấy tánh trong ngoài, dựa theo vọng tưởng chấp trước nhất, dị, đồng, và chẳng đồng, hữu và vô, và phi hữu, phi vô, thường và vô thường v.v... làm nhân, huân tập tự tánh, ví như bầy nai khát nước, thấy dương diệm tưởng là nước, mê hoặc đuổi theo mà không biết chẳng phải nước. Phạm phu cũng thế, do vọng tưởng hư ngụy từ vô thi sở huân tập mà bị tam độc đốt tâm, ham cảnh giới sắc, thấy sanh, trụ, diệt, chấp tánh trong ngoài, nên đọa nơi vọng kiến nhiếp thọ, sanh ra tư tưởng nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu, phi vô, thường và vô thường v. v... Như thành Càn Thát Bà vốn chẳng phải thành, mà phạm phu vô trí lại cho là có thành thiệt, ấy là do tập khí chấp trước từ vô thi mà hiện tướng, thật ra chẳng phải có thành, cũng chẳng phải không có thành. Như thế, ngoại đạo do tập khí chấp trước hư ngụy từ vô thi, mà nương theo kiến chấp nhất, dị, đồng, chẳng đồng... chẳng khéo liễu tri tự tâm hiện lượng. Ví như có người nằm mơ, thấy nam nữ, voi ngựa xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ, đủ thứ trang nghiêm, tự thân thọ dụng trong đó, sau khi thức rồi vẫn còn tưởng nhớ. Đại Huệ! Ý người thế nào? Người ấy tưởng nhớ việc mộng trước kia mãi mãi chẳng bỏ như thế, là có trí huệ chăng?

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Không ạ, Thế Tôn!

Phật bảo Đại Huệ: Phạm phu như thế, chẳng biết tánh do tự tâm hiện như mộng huyễn, nương nơi kiến chấp nhất, dị, đồng, chẳng đồng v.v... Ví như bức tranh vốn chẳng cao thấp mà phạm phu cho là có cao thấp, vì bị ác kiến ăn nuốt, hoặc chấp trí huệ của ngoại đạo. Như thế, từ ngoại đạo xưa cho đến ngoại đạo đời vị lai, tập khí ác kiến sung mãn, do đó tự hoại hoại tha. Ngoại đạo cũng lập luận vô sanh, mà lọt vào ác kiến, phi báng nhân quả, cũng nói là vô, lại nhổ gốc thiện căn, hoại nhân thanh tịnh. Họ đọa vào kiến chấp tự sanh, tha sanh, cộng sanh và tư tưởng hữu vô, chìm nơi kiến lập và phi báng, do ác kiến này nên đọa địa ngục.

Ví như mắt nhắm, thấy có hoa đốm mà nói với chúng rằng: “Các người xem đây, ấy là hoa đốm, cứu cánh Phi tánh Phi vô tánh, thấy như chẳng thấy”. Vì ngoại đạo này vọng sanh hy vọng, dựa theo kiến chấp nhất, dị, đồng hay chẳng đồng v.v... mà phi báng chánh pháp, tự đọa và khiến người khác đọa theo.

Ví như vòng lửa chẳng phải vòng mà phạm phu tưởng là vòng. Ngoại đạo ác kiến hy vọng như thế, do đó tất cả tánh sanh. Ví như bọt nước giống như hạt châu Ma Ni, phạm phu Tiểu thừa chẳng có trí huệ lại tưởng là châu Ma Ni, và phi châu Ma Ni, chấp trước đuổi theo. Nhưng bọt nước kia chẳng phải châu Ma Ni, chẳng phải lấy hay chẳng lấy. Chỉ vì Ác kiến của ngoại đạo do tập khí huân tập như thế, ở nơi vô sở hữu mà nói có sự sanh, do duyên theo hữu lại nói có sự diệt.

Lại nữa, Đại Huệ! Có ba thứ lượng (1) và năm phần luận (2) mỗi mỗi kiến lập xong, đem sự đặc Thánh Trí tự giác, lia hai tự tánh, vọng tưởng chấp trước cho là có tánh.

(1) Ba Thứ Lượng: Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng. Nghĩa chữ Lượng là sự hiểu biết đúng với mức độ của nghĩa lý, gọi là lượng.

a. Hiện Lượng: Là sự vật hiện hữu trước mắt đang thấy, được hiểu biết, gọi là hiện lượng, cũng như thấy đang mưa biết là mưa.

b. Tỷ Lượng: Là do thí dụ so sánh mà biết, cũng như sáng mới thức dậy, thấy ngoài sân sau vườn, mặt đất ướt đều hết, biết là đêm qua có mưa, gọi là tỷ lượng.

c. Thánh Ngôn Lượng: Nghĩa là không thấy mưa, không thấy mặt đất ướt, chỉ nghe chỉ nghe bậc Thánh nói đêm qua có mưa, vì tin lời nói của bậc Thánh không có nói dối, gọi là Thánh ngôn lượng.

(2) Năm Phần Luận: Là ba chi Tông, Nhơn, Dụ, và Hợp với Kết, tức là năm phần luận, cũng gọi là nhân Minh Luận, người Tây phương gọi là Logic, dùng để chứng minh sự vật có đúng lý hay không.

- Đại Huệ! Tâm, ý, ý thức, thân tâm chuyển biến tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp v.v... Các vọng tưởng đoạn dứt, thì người tu hành Như Lai Địa, Tự Giác Thánh Trí, chẳng ở nơi những vọng tưởng ấy, khởi tưởng cho là tánh phi tánh. Nếu người tu hành có cảnh giới như thế, chấp lấy tướng sanh có tánh phi tánh, ấy tức là chấp lấy có sự nuôi dưỡng thiện căn, và chấp lấy ngã tướng như tướng.

- Đại Huệ! Thuyết pháp tánh tự tánh, tự tướng cộng tướng, tất cả đều là Hóa Phật sở thuyết, chẳng phải Pháp Phật thuyết. Những ngôn thuyết ấy đều do kiến chấp hy vọng của phạm phu mà thuyết. Chẳng phải vì người ham trụ chánh định, đặc Tự giác Thánh Trí, đặc biệt kiến lập thẳng vào tự tánh pháp. Nay phương tiện hiển thị, ví như trong nước có bóng cây hiện, ấy cũng chẳng phải bóng, chẳng phải phi bóng, chẳng phải hình cây, chẳng phải phi hình cây. Chỉ do ngoại đạo chẳng biết hiện lượng của tự tâm, theo vọng tưởng chấp trước huân tập thành kiến chấp, nương theo đó sanh tướng nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu, phi vô, thường, vô thường v.v... Tự tâm hiện lượng ví như gương sáng, tùy duyên hiện hiện tất cả sắc tướng mà chẳng khởi vọng tưởng. Ấy chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, mà thấy tướng phi tướng, phạm phu vọng tưởng cho là tướng thật. Ngoại đạo có ác kiến như thế, tướng tự tâm hiện vọng tưởng chấp trước, nương nơi nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, v.v... mà sanh kiến chấp, cũng như gió với nước hòa hợp mà sanh ra âm thanh. Ấy chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh. Ví như đại địa chỗ chẳng có cây, do thấy dương diệm vọng cho là có dòng sông, làm sóng nổi dậy, ấy chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh, tham Vô Tham (Tham tức là chấp thật ở chỗ chẳng thể chấp thật mà chấp cho là thật), phạm

phu cũng như thế, vì do tập khí hư nguy từ vô thi huân tập vọng tưởng chấp trước, nương theo sanh, trụ, diệt, nhất, dị, đồng, chẳng đồng, v.v... phan duyên tự trụ những việc ấy, cũng như dương diệm nổi làn sóng kia.

- Ví như có người dùng sức chú thuật, khiến tử thi, người máy hoạt động như hình chúng sanh, nhưng thật chẳng phải chúng sanh. Tất cả những việc kể trên, đều do ác kiến hy vọng của ngoại đạo hý luận chấp trước sự chẳng thật mà kiến lập.

- Đại Huệ! Vì muốn thành tựu sự đắc Tự Giác Thánh Trí, phải lìa những ác kiến vọng tưởng sanh, trụ, diệt, nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu vô, phi hữu, phi vô, thường, vô thường, v.v...

Khi ấy Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Bóng cây hiện trong nước,
Như hoa đốm dương diệm.
Quán tam giới như thế,
Cứu cánh được giải thoát.
Ví như nai khát nước,
Khiến tâm mê loạn chuyển.
Cho dương diệm là nước,
Thật thì chẳng phải nước.
Do chủng tử ý thức,
Hoạt động hiện cảnh vọng.
Phàm phu sanh vọng tưởng,
Như mắt bị bệnh nhắm.
Nơi vô thi sanh tử,
Chấp có tánh nhiếp thọ.
Nếu ngược chột tháo chột,
Xả lìa tham nhiếp thọ (1).
Như huyền chú máy động,
Như mây nổi điện chớp.
Quán thế được giải thoát,
Dứt hẳn ba tương tục (2),
Nơi thật chẳng kẻ tạo,
Như dương diệm hư không.
Dù biết pháp như thế,
Thật thì vô sở Tri.
Ngôn giáo lập giả danh,
Giả danh chẳng có tướng.
Lại theo đó khởi vọng,

Ngũ âm và hiện hành.
Như bức tranh hoa đóm,
Mộng huyễn Càn Thát Bà.
Vòng lửa và dương diệm.
Từ không hiện thành có.
Nhất dị, thường, vô thường,
Đồng chẳng đồng cũng vậy.
Lỗi tương tục vô thi,
Do phàm phu si vọng.
Như gương sáng Ma Ni,
Hiện ra nhiều sắc tướng.
Thật thì chẳng có gì,
Tất cả tánh hiển hiện.
Cảnh mộng huyễn cũng thế,
Mỗi mỗi sắc tướng hiện,
Đều chẳng thật như vậy.

(1) *Nhiếp thọ: Có sự thọ nhận.*

(2) *Ba tương tục: Thế giới tương tục, Chúng sanh tương tục và Nghiệp quả tương tục.*

- Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai thuyết pháp lia tứ cú như thế. Là nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu, phi vô, thường, vô thường, lia nơi hữu vô, kiên lập, phủ nhận, phân biệt kết tập, chơn đế duyên khởi, đạo diệt, giải thoát... Sự thuyết pháp của Như Lai lấy đó làm gốc, phi tánh, phi tự tại, phi vô nhân, phi vi trần, phi thời, phi tự tánh tương tục mà vì chúng sanh thuyết pháp. Lại nữa, Đại Huệ! Vì tẩy sạch phiền não chướng và sở tri chướng, ví như thương chủ vì dẫn chúng đến nơi bảo sở, nên theo thứ lớp kiến lập một trăm lẻ tám câu vô sở hữu này, khéo phân biệt Tam thừa (phá phiền não chướng) và tướng Thập Địa (phá Sở tri chướng).

- Lại nữa, Đại Huệ! Có bốn thứ thiên. Thế nào là bốn? 1. Phàm phu sở hành thiên. 2. Quán sát nghĩa thiên. 3. Phan duyên như thật thiên. 4. Như Lai thiên.

- Thế nào là Phàm Phu Sở Hành Thiên? Là nói Thanh Văn, Duyên Giác, ngoại đạo tu hành, quán nhân vô ngã tánh, tự tướng cộng tướng, lỏng xương liền nhau, vô thường, khổ, tướng bất tịnh, v.v... do chấp trước làm gốc. Chỉ quán các tướng như thế, chẳng quán cái khác, thứ lớp tiến tới, tướng chẳng trừ diệt, ấy gọi là Phàm Phu Sở Hành Thiên.

- Thế nào là Quán Sát Nghĩa Thiên? Nói quán nhơn (người) Vô ngã, tướng cộng tướng, ngoại đạo, biết tự và tha đều vô tánh, xong quán pháp vô ngã, Nghĩa hành tướng của Thập Địa Bồ Tát thừa, dần dần tiến lên, gọi là Quán Sát Nghĩa Thiên.

- Thế nào là Phan Duyên Như Thật Thiên? Là nói vọng tưởng: hai thứ vô ngã là vọng tưởng; chỗ như thật thì chẳng sanh vọng tưởng, ấy gọi là Phan Duyên Như Thật Thiên.

- Thế nào là Như Lai Thiên? Nói nhập Như Lai Địa, đắc ba thứ tướng trụ chánh định của Tự Giác Thánh Trí thì thành tựu việc bất tư nghi của chúng sanh, gọi là Như Lai Thiên.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phàm phu sở hành thiên,
Quán sát tướng nghĩa thiên.
Phan duyên như thật thiên,
Như Lai thanh tịnh thiên.
Ví như hình nhựt nguyệt,
Bát Đầu Ma (hoa sen đỏ) trong bùn,
Như lửa diệt nơi không,
Người tu hành quán sát,
Mỗi mỗi tướng như thế,
Ngoại đạo chấp tướng thiên.
Thanh Văn và Duyên Giác,
Đọa nơi cảnh giới không.
Nếu xả bỏ tất cả,
Thì là vô sở hữu.
Tất cả cõi chư Phật,
Dùng tay bất tư nghi,
Nhất thời xoa đầu họ,
Thuận nhập tướng Chơn Như.

Lược Giải:

Phàm phu thiên chỉ dứt trừ vọng tướng, Bồ Tát thì xu hướng Chơn Như, đều chẳng phải thật trong sạch. Nếu là Như Lai Thanh Tịnh Thiên thì Thánh phàm bình đẳng, thể tự như như, dùng cái tâm chẳng sanh diệt làm nhân địa, để tu chứng thành tựu quả địa Phật. Ngoại đạo thì chấp tướng mà cầu nhập định, lúc thấy hình nhựt nguyệt sáng tỏ, hoặc thấy hoa sen mọc nơi đất bùn mà chẳng nhiễm, cho là sự chứng đắc. Thanh Văn, Duyên Giác thì chán sanh tử nên xả thân diệt trí, lần lượt diệt sạch thì đọa nơi chấp không. Đạo của ngoại đạo vì không phá ngã chấp, dù tu thiên đắc được thần thông, cũng chẳng thể ra khỏi luân hồi. Như Lai Thiên thì xa lìa tất cả. Nói vô sở hữu có nghĩa là vô sở trụ, chẳng phải chấp thật không, nên được vào tướng Chơn Như, chứng quả bất tư nghi, khởi dụng bất tư nghi. Ấy là Như Lai Thanh Tịnh Thiên vậy.

Lược giải hết

Chánh Văn:

Khi ấy Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn nói pháp Niết Bàn, thuyết pháp nào gọi là Niết Bàn?

Phật bảo Đại Huệ: Tập khí tự tánh của tất cả thức đều là pháp sanh tử, như tập khí Tạng thức (Thức thứ tám), tập khí ý (Thức thứ bảy), tập khí ý thức (Thức thứ sáu), tập khí kiến (Tiền Ngũ Thức). Nếu chuyển được các tập khí ấy, tức là chuyển sanh tử, gọi là Niết Bàn. Cái Niết Bàn của Ta và chư Phật sở thuyết, tức là cảnh giới tánh không của các pháp.

- Lại nữa, Đại Huệ! Niết Bàn là cảnh giới của Thánh Trí Tự Giác, lia đoạn thường (phi đoạn phi thường), lia vọng tưởng tánh phi tánh. Thế nào là phi thường? Là vọng tưởng của tự tướng cộng tướng đoạn dứt nên phi thường. Thế nào là phi đoạn? Nói tất cả bậc Thánh quá khứ, vị lai, hiện tại đều được tự giác nên phi đoạn. Đại Huệ! Niết Bàn bất hoại bất tử. Nếu Niết Bàn tử thì phải thọ sanh tương tục; nếu hoại, thì phải đọa tướng hữu vi. Cho nên Niết Bàn lia hoại lia tử, là chỗ quy y của người tu hành.

- Lại nữa, Đại Huệ! Niết Bàn phi xả phi đắc, phi đoạn phi thường, phi nhứt nghĩa, phi đa nghĩa, gọi là Niết Bàn.

- Lại nữa, Đại Huệ! Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác dựa theo khổ, không, vô thường, vô ngã, quán sát các pháp tự tướng cộng tướng vốn chẳng thật thể, quán Thập nhị nhân duyên cũng thế, đều là cảnh giới náo động, chẳng ưa thân cận, ham chỗ tịch lặng, tri kiến chẳng điên đảo thì vọng tưởng chẳng sanh. Vì họ chẳng thể chuyển Thức thành trí, trông thấy chỗ tịch lặng của Thức ám cho là Niết Bàn, thật thì chẳng phải cứu cánh.

- Lại nữa, Đại Huệ! Có hai thứ tướng tự tánh. Thế nào là hai? 1.- Tướng chấp trước ngôn thuyết tự tánh: Là do tập khí chấp trước hư vọng của ngôn thuyết từ vô thi mà sanh khởi. 2.- Tướng chấp trước sự tự tánh: Là do bất giác hiện ra ngăn mé tự tâm mà sanh khởi.

- Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai dùng hai thứ thần lực kiến lập, khiến Đại Bồ Tát đánh lễ chư Phật, hỏi nghĩa và nghe pháp thọ giáo. Thế nào là hai thứ thần lực kiến lập? 1.- Là hiện thân thuyết pháp. 2.- Là vô ngôn thuyết, chỉ dùng tay quán đánh, truyền thọ địa vị Như Lai.

- Đại Huệ! Đại Bồ Tát chứng Sơ Địa, trụ nơi thần lực của Phật, nhập Đại thừa Chiếu Minh Tam Muội. Nhập Tam Muội này rồi, thì mười phương thế giới, tất cả chư Phật dùng sức thần thông thị hiện tất cả thân diệu ngôn thuyết, như Đại Bồ Tát Kim Cang Tạng, và như các Đại Bồ Tát khác đã thành tựu tướng công đức như thế. Đại Huệ, ấy gọi là Sơ Địa Bồ Tát.

- Bậc Đại Bồ Tát được thần lực Tam muội chánh thọ, là do tích chứa Thiện căn từ trăm ngàn kiếp sở thành tựu. Đối trị tướng sở trị (Tập khí xuất thế gian) thứ lớp tiến lên chư Địa, cho đến Pháp Vân Địa, thông đạt cứu cánh, trụ nơi cung điện Đại Liên Hoa vi diệu, ngôi tòa sư tử Đại Bửu Liên Hoa, được quyền thuộc của các Đại Bồ Tát cùng loại vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm thân thể, như hoa Chiêm Bặc bằng vàng, như ánh sáng nhật nguyệt. Các Bồ Tát từ mười phương đến, nơi tòa đại Liên Hoa trong cung điện mà quán đánh, cũng như sự quán đánh của Tự Tại Chuyển Luân Thánh Vương và Thái Tử Đê Thích, ấy gọi là thần lực Bồ Tát trụ nơi hai thứ thần lực, thì sẽ gặp mặt chư Phật Như Lai, nếu chẳng thế thì chẳng thể gặp.

- Lại nữa, Đại Huệ! Những pháp hạnh thần túc, tam muội, phân biệt của Đại Bồ Tát, tất cả đều trụ nơi hai thứ thần lực của Như Lai. Đại Huệ! Nếu Đại Bồ Tát lia hai thứ thần lực Phật mà có biện tài thuyết pháp, thì tất cả phàm phu cũng phải có biện tài thuyết pháp. Tại sao? Vì chẳng cần trụ nơi thần lực mà tự có vậy.

- Đại Huệ! Khi Như Lai vào thành, hiện sức oai thần của Phật, khiến các thứ vô tình như núi đá, cây cối và nhạc cụ, thành ấp, cung điện đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, hưởng là người có tâm thức, dù mù, điếc, câm, ngọng có vô lượng khổ, đều được giải thoát. Như Lai có vô lượng thần lực như thế để lợi lạc chúng sanh.

Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Do nhân duyên nào, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác gia hộ thần lực cho bậc Bồ Tát đang trụ Tam muội chánh thọ và khi được Thăng Tiến Địa quán đánh?

Phật bảo Đại Huệ: Vì lia ma nghiệp phiền não nên chẳng đọa thiên của Thanh Văn thừa; vì đắc Như Lai Tự Giác Địa và đắc pháp tinh tấn, nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, đều dùng thần lực kiến lập chư Đại Bồ Tát. Nếu chẳng dùng thần lực kiến lập, ắt phải đọa ác kiến vọng tưởng của ngoại đạo, hoặc đọa Thanh Văn thừa, hoặc đọa hy vọng của chúng ma, chẳng thể đắc vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó, chư Phật Như Lai đều dùng thần lực nhiếp thọ chư Đại Bồ Tát.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Thần lực của chư Phật,
Do đại nguyện trong sạch.
Quán đánh bậc Bồ Tát,
Sơ Địa đến Thập Địa.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Phật thuyết duyên khởi tức là thuyết nhân duyên sanh, chẳng thuyết đạo do tự tâm vọng tưởng phân biệt mà sanh. Thế Tôn! Ngoại đạo cũng thuyết nhân duyên, nói vi trần sanh khởi lúc ban sơ là nhớ tánh thẳng tự tại của thân ngã, các tánh khác sanh khởi cũng như thế. Nhưng Thế Tôn nói nhân duyên hay sanh ra các tánh, là dùng hữu gián Tất Đàn hoặc vô gián Tất Đàn (lý thành tựu) để giáo hóa chúng sanh.

Thế Tôn! Ngoại đạo cũng thuyết hữu sanh và vô hữu sanh, Thế Tôn cũng thuyết vô hữu sanh, sanh rồi diệt. Như Thế Tôn sở thuyết Thập Nhị Nhân duyên, từ vô minh duyên hành cho đến lão tử, ấy là vô nhân thuyết của Thế Tôn, chẳng phải hữu nhân thuyết. Thế Tôn kiến lập cái thuyết như vậy, nói “có cái này nên có cái kia”, chẳng phải kiến lập cái nghĩa Tiệm sanh. Cái thuyết “Quán tánh thẳng” của ngoại đạo, chẳng phải cái thuyết của Như Lai vậy? Tại sao? Vì ngoại đạo thuyết cái nhân chẳng từ duyên sanh mà có sở sanh. Nhưng Thế Tôn thì thuyết quán nhân có quả, quán quả có nhân, nói nhân duyên tạp loạn như vậy, thế thì duyên nhau đến vô cùng tận vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Ta chẳng thuyết vô nhân và thuyết nhân duyên tạp loạn, cái này có nên cái kia có, và năng nhiếp sở nhiếp đều phi tánh, là giác được tự tâm hiện lượng. Đại Huệ! Nếu chấp trước năng nhiếp sở nhiếp thì chẳng giác được tự tâm hiện lượng và ngoài cảnh giới tánh phi tánh, họ có cái lỗi như thế, chẳng phải cái thuyết duyên khởi của ta. Ta thường thuyết Do nhân duyên hòa hợp mà sanh các pháp, chẳng phải vô nhân sanh.

Đại Huệ lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả tánh ư? Thế Tôn! Nếu vô tánh thì ngôn thuyết chẳng sanh, cho nên ngôn thuyết hữu tánh, nghĩa là có tất cả tánh.

Phật bảo Đại Huệ: Vô tánh mà có ngôn thuyết, như lông rùa sừng thỏ, là hiện ngôn thuyết của thế gian. Đại Huệ! Chẳng phải tánh, chỉ là ngôn thuyết mà thôi. Như lời người nói “Ngôn thuyết Hữu tánh, có tất cả tánh” đó, lập luận của người ắt bị lật đổ.

Đại Huệ! Chẳng phải tất cả quốc độ đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ là tạo tác thôi. Hoặc có cõi Phật dùng ngó nhìn để hiển bày pháp, hoặc có cõi Phật làm ra hình tướng, hoặc nhượng mây, hoặc chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hắng, hoặc tưởng niệm, hoặc lay động, các cõi Phật ấy đều chẳng nhờ ngôn thuyết mà hiển bày các pháp. Đại Huệ! Như thế giới Hương Tích và quốc độ Phổ Hiền Như Lai, chỉ dùng ngó nhìn, khiến các Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn và Tam Muội Thù Thắng. Cho nên chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả tánh. Đại Huệ! Như người đã thấy, các loại ruồi, lán, trùn, kiến trong thế giới này, những chúng sanh ấy chẳng có ngôn thuyết cũng làm xong công việc.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Như hư không sừng thỏ,
Và con của Thạch Nữ.
Không mà có ngôn thuyết,
Tánh vọng tưởng như thế.
Nhân duyên hòa hợp sanh,
Phàm phu khởi vọng tưởng.
Chẳng thể đúng như thật,
Nên luân hồi tam giới.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Âm thanh hiển bày nghĩa Chơn thường ấy nương theo việc gì mà thuyết?

Phật bảo Đại Huệ: Vì sự mê hoặc mà thuyết. Do chúng sanh mê hoặc, nên chư Thánh thị hiện âm thanh thuyết pháp giáo hóa, gọi là Thanh Giáo, mà chẳng phải điên đảo. Đại Huệ! Như dương diệm, vòng lửa, hoa đốm, thành Càn Thát Bà, mộng huyền, bóng trong gương v.v... là điên đảo của thế gian, chẳng phải minh trí của bậc Thánh vậy, nhưng chẳng phải không có hiện ra những việc trên.

Đại Huệ! Bọn mê hoặc có đủ thứ vọng hiện kể trên, chẳng phải mê hoặc tạo ra vô thường. Tại sao? Vì lìa tánh phi tánh vậy. Đại Huệ! Thế nào là mê hoặc lìa tánh phi tánh? Là nói mỗi mỗi cảnh giới của tất cả phàm phu, cũng như bọn ma quỷ thấy sông Hằng là lửa, chẳng thấy nước. Tánh mê hoặc này chỉ hiện nơi ngạ quỷ mà thôi, nơi chúng sanh khác thì hiện tánh chẳng mê hoặc, chứ chẳng phải vô tánh, vì họ đều thấy nước sông Hằng vậy. Tánh mê hoặc như thế, nên bậc Thánh lìa điên đảo và bất điên đảo, do đó nói mê hoặc là thường, vì mỗi mỗi tướng đều chẳng thể hoại vậy. Đại Huệ! Chẳng phải mỗi mỗi tướng mê hoặc hoại, chỉ là tướng vọng tưởng hoại, nên nói mê hoặc là thường.

Đại Huệ! Tại sao cho mê hoặc là chơn thật? Nếu nói theo Nhân duyên, nghĩa là bậc Thánh ở nơi pháp mê hoặc, chẳng khởi cái giác tưởng điên đảo hoặc bất điên đảo. Nếu ở nơi pháp mê hoặc mà có ít phần tự tướng thì chẳng phải Thánh Trí, vì có chút tự tướng tức là hý luận của phàm phu, chẳng phải sự tướng của Thánh Trí vậy. Phàm nói hữu vô là phàm phu vọng thuyết, chẳng phải Thánh ngôn thuyết. Kẻ mê hoặc nói điên đảo, bất điên đảo, đều thuộc vọng tưởng, y theo mê hoặc mà sanh khởi hai thứ chủng tánh, ấy là Thánh chủng tánh và phàm phu chủng tánh.

Thánh Chủng Tánh: Chia làm ba loại: Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Phật Thừa. Nếu Phàm phu vọng tưởng thì sanh Thanh Văn Thừa Chủng Tánh, vì chấp trước tự tướng cộng tướng, nên gọi là do vọng tưởng sanh khởi Thanh Văn Thừa

Chủng Tánh. Đại Huệ! Cũng theo vọng tưởng mê hoặc kia mà sanh khởi Duyên Giác Thừa Chủng Tánh, nghĩa là ngay nơi mê hoặc tự tướng cộng tướng kia chẳng tự chấp trước mà khởi Duyên Giác Thừa Chủng Tánh. Tại sao người trí cũng theo sự mê hoặc kia mà khởi Phật Thừa Chủng Tánh? Vì giác được tự tâm hiện lượng ngoài tánh phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, nên sanh khởi Phật Thừa Chủng Tánh, ấy gọi là ngay nơi mê hoặc kia mà khởi Phật Thừa Chủng Tánh.

Lại đối với mỗi mỗi sự và tánh, phạm phu khởi vọng tưởng thì sanh phạm phu chủng tánh. Cái nghĩa gọi là chủng tánh chẳng phải hữu sự, cũng chẳng phải vô sự Đại Huệ! Ngay sự mê hoặc chẳng vọng tưởng kia, những tâm, ý, ý thức, lỗi tập khí, pháp tự tánh, pháp chuyển biến v.v... của bậc Thánh đều gọi là Như, cho nên nói Như lia tâm. Ta nói câu này là hiển thị lia tướng, tức là cái thuyết lia tất cả tư tưởng.

Lược Giải:

Tư tưởng có hai thứ: Thế lưu bố tướng và chấp trước tướng. Phạm phu ở nơi tướng mê hoặc của Thế lưu bố tướng sanh khởi chấp trước tướng, thì thành điên đảo tướng. Bậc Thánh ngay nơi tướng mê hoặc của Thế lưu bố tướng mà chẳng khởi chấp trước tướng, nên không có điên đảo tướng. Cho nên nói tướng mê hoặc là “Thường”, cũng là “Như”, đều thuộc nghĩa này vậy.

Lược giải hết

Chánh Văn:

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Mê hoặc là hữu hay vô?

Phật bảo Đại Huệ: Pháp như huyền chẳng có tướng chấp trước. Nếu mê hoặc có tướng chấp trước thì tánh chấp trước chẳng thể diệt. Pháp duyên khởi của ta thuyết, ắt đồng như pháp nhân duyên Sanh của ngoại đạo.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu mê hoặc như huyền thì phải làm nhân cho mê hoặc khác?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải nhân duyên mê hoặc nên chẳng có lỗi. Đại Huệ! Huyền chẳng sanh lỗi, vì chẳng có vọng tưởng. Đại Huệ! Huyền từ chỗ mình liễu sanh khởi, chẳng từ chỗ lỗi tập khí vọng tưởng của chính mình sanh khởi, cho nên chẳng có lỗi. Đại Huệ! Ấy là do tâm mê hoặc của phạm phu chấp trước, chẳng phải Thánh Hiền vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Thánh chẳng thấy mê hoặc,
Trong đó cũng chẳng thật.
Trong đó nếu chơn thật,
Mê hoặc tức chơn thật.
Xa lia tất cả mê,
Nếu còn có tướng sanh,
Ấy cũng là mê hoặc,
Bất tịnh như bệnh nhậm.

- Lại nữa, Đại Huệ! Đã nói mê hoặc tức chơn thật, thì như huyền tức phi huyền, phi huyền tức như huyền. Chơn thể của phi huyền chẳng có tương tự, nay nói phi huyền, chẳng phải không thấy tất cả pháp như huyền.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Vì chấp trước đủ thứ tướng huyền nên nói tất cả pháp như huyền ư? Hoặc vì chấp trước đủ thứ tướng phi huyền mà nói tất cả pháp như huyền ư? Thế Tôn! Nếu như huyền và phi huyền có tánh khác biệt, ắt phải có tánh chẳng như huyền. Tại sao? Vì mỗi mỗi sắc tướng chẳng có nhân. Thế Tôn! Nếu mỗi mỗi sắc tướng chẳng có nhân mà hiện tướng như huyền, thì chẳng có đủ thứ tướng huyền để chấp trước, cho có tánh tương tự là như huyền.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải đủ thứ tướng huyền chấp trước tương tự, nói tất cả pháp như huyền. Vì tất cả pháp chẳng thật, chóng diệt như điện, ấy là như huyền. Ví như điện chớp hiện trong sát na, mới hiện liền diệt. Tất cả tánh như thế, đều chẳng thuộc nơi hữu và vô, chỉ do tự tâm vọng tưởng chấp có tự tướng cộng tướng, nếu quán sát tất cả pháp vô tánh, thì chẳng phải sự hiện sắc tướng chấp trước của phàm phu.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phi huyền chẳng thể dụ,
Thuyết pháp tánh như huyền,
Chẳng thật như điện chớp,
Cho nên nói như huyền.

Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Như Thế Tôn sở thuyết, tất cả tánh vô sanh như huyền, vậy chẳng phải pháp sở thuyết của Thế Tôn trước sau trái nhau ư? Sao nói vô sanh tánh như huyền?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ta nói "Vô sanh tánh như huyền" có lỗi trước sau trái nhau. Tại sao nói sanh mà vô sanh? Là dùng để giác hiện lượng nơi tự tâm, nói hữu phi hữu, ngoài tánh phi tánh, là phương tiện để hiện pháp vô sanh, chẳng phải cái thuyết của ta có lỗi trước sau trái nhau, vì bác bỏ cái thuyết nhân sanh của ngoại đạo, nên Ta thuyết tất cả tánh vô sanh. Đại Huệ! Ngoại đạo si mê, muốn cho hữu và vô hữu đều thật, vì chẳng biết do tự tâm vọng tưởng chấp trước đủ thứ nhân duyên mà sanh.

- Đại Huệ! Ta dùng cái thuyết vô sanh để thuyết, vì phá cái chấp hữu và vô. Đại Huệ! Ta thuyết tánh âm thanh (Thanh giáo), là vì đệ tử Ta tạo đủ thứ nghiệp mà nhiếp thọ sanh tử, và phá những người chấp vô kiến, đoạn kiến. Đại Huệ! Vì phàm phu đọa ác kiến hy vọng, chẳng biết tự tâm hiện lượng, vì khiến họ lìa các tướng tánh của tự tánh, nên thuyết tướng các pháp như huyền; vì phá tướng chấp trước Do nhân duyên sanh khởi của họ, nên nói tất cả pháp tự tánh như mộng huyền, là khiến lìa bỏ chấp trước ác kiến hy vọng tất cả pháp tự và tha, được thấy chỗ như thật, chẳng lập tà luận. Đại Huệ! Chỗ thấy tất cả pháp như thật, là siêu việt tự tâm hiện lượng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Vô Tác, tánh vô sanh,
Chấp tánh nhiếp sanh tử.
Quán sát pháp như huyền,
Nơi tướng chẳng khởi vọng.

- Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát khéo quán danh thân, cú thân, hình thân. Vì Đại Bồ Tát khéo quán danh, cú, hình, nên thuyết tướng danh, cú, hình, theo đó vào nghĩa cú thân, hình thân, chóng đắc vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tự giác như thế rồi, lại giác cho tất cả chúng sanh. Đại Huệ! Nói "danh thân", là y sự lập danh, gọi là danh thân; nói "cú thân" là trong cú có nghĩa thân, để quyết định nghĩa cứu cánh của tự tánh, gọi là cú thân. Nói "hình thân" là hiển thị nghĩa của danh cú, gọi là hình thân. Lại, nói hình thân, còn có nghĩa là dài ngắn cao thấp; nói thân, còn có nghĩa đường đi dấu vết, như đường đi dấu vết của voi, ngựa, người và thú v.v... Đại Huệ! Nói danh và hình, là dùng danh để hiển bày bốn âm vô sắc (Thọ, tướng, hành, thức) nên nói danh, vì hiện tự tướng nên nói hình, gọi chung là danh cú thân hình. Đối với ngăn mé của tướng danh cú thân hình, cần nên tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Danh thân với cú thân,
Và hình thân sai biệt,
Phàm phu vọng chấp trước,
Như voi mắc đầm lầy.

- Lại nữa, Đại Huệ! Người trí đời vị lai thông đạt nghĩa ta thuyết, dùng nghĩa lia kiên chấp tướng nhất, dị, đồng, chẳng đồng v.v... hỏi người vô Trí, thì họ đáp rằng: "Sự hỏi này chẳng đúng. Nói các sắc tướng thường hay vô thường, khác hay chẳng khác, ấy là chư hạnh của Niết Bàn, lập tướng sở tướng, y sở y, kiến sở kiến, tạo sở tạo, trần và vi trần, tu và kẻ tu v.v... là tướng lẫn lượt so sánh". Thật ra, những câu của người trí hỏi kẻ trên, là vô ký và chỉ hý luận của Phật thuyết, có nghĩa thâm sâu, người si mê như họ chẳng thể biết, vì họ không đủ trí huệ nghe pháp vậy. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, vì khiến họ lia sự kinh sợ, nên nói pháp vô ký và chỉ ký, cũng vì phá nhị kiến luận của ngoại đạo, chứ chẳng phải không thuyết.

- Đại Huệ! Cái thuyết của ngoại đạo, nói mạng tức là thân, những lời nói như thế mới là Vô Ký luận. Đại Huệ! Các ngoại đạo ngu si, nơi nhân lập vô Ký Luận, chứ chẳng phải sở thuyết của Ta. Đại Huệ! Sở thuyết của Ta lia năng nhiếp, sở nhiếp, chẳng sanh vọng tướng, chỉ để phá những kiến chấp của họ. Đại Huệ! Vì họ chấp trước năng nhiếp, sở nhiếp, chẳng biết tự tâm hiện lượng, nên phá sự chấp trước của họ. Đại Huệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, dùng bốn thứ ký luận vì chúng sanh thuyết pháp. Đại Huệ! Ta thường thuyết Chi Ký Luận, là vì người căn chưa thuần thực mà thuyết, chẳng phải vì người căn đã thuần thực thuyết.

- Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp Lìa nhân duyên sở tác, nghĩa là vô sanh, vì chẳng có kẻ tác, nên tất cả pháp vô sanh. Đại Huệ! Tại sao tất cả pháp lìa tự tánh? Vì lúc tự khởi giác quán, thấy tướng của tự tánh cộng tánh đều bất khả đắc, nên nói tất cả pháp vô sanh. Tại sao tất cả pháp chẳng thể đem lại, chẳng thể đem đi? Vì tự tướng cộng tướng bất khả đắc, nên muốn đem lại không có gì để đem lại, muốn đem đi không có gì để đem đi, nên nói tất cả pháp lìa đem lại đem đi. Đại Huệ! Tại sao tất cả pháp chẳng diệt? Vì chẳng có tánh tướng của tự tánh, thì tất cả pháp bất khả đắc, nên tất cả pháp chẳng diệt. Đại Huệ! Tại sao tất cả pháp vô thường? Vì tướng sanh khởi chẳng có tánh thường, nên nói tất cả pháp vô thường. Tại sao nói tất cả pháp thường? Vì tánh vô sanh chẳng có tướng sanh khởi, nên vô thường là thường, nên nói tất cả pháp thường.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Ký luận có bốn thứ (1):

Nhất hướng, phản cật vấn.
Phân biệt và chỉ luận,
Đề đối trị ngoại đạo.
Thầy Số Luận (2), Thắng Luận,
Hiện thị như thế này:
Pháp hữu và phi hữu,
Tất cả đều vô ký.
Nếu chánh giác phân biệt,
Tự tánh bất khả đắc.
Vi lia nơi ngôn thuyết,
Nên nói lia tự tánh.

(1) Kỳ Luận có bốn thứ: Phật Thích Ca vì phá chấp của ngoại đạo, có bốn cách đáp sự vấn nạn họ:

- 1.- Nhất Hướng: Khẳng Định đáp.*
- 2.- Phản Cật Vấn: Hỏi ngược lại.*
- 3.- Phân biệt: Bất Định đáp (đáp cả hai mặt).*
- 4.- Chỉ Luận: Tức là lương cứu, im lặng đáp.*

(2) Số Luận: Do môn đồ của Ngoại Đạo Tóc Vàng kiến lập, nói Số là số lượng để đo lường trí huệ, từ số mà sanh khởi Luận, luận cũng hay sanh ra số, nên gọi là Số Luận. Người tạo ra Số Luận và người học Số Luận gọi là Số Luận Sư.

Khi ấy Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết Tứ quả, Tứ hướng của thừa Thanh Văn về tướng thông nhau và sai biệt. Nếu Đại Bồ Tát khéo biết tướng thông và sai biệt của Tứ quả, Tứ hướng, thì có nhiều phương tiện vì chúng sanh thuyết pháp, khiến chúng sanh thông đạt cứu cánh, như hai thứ tướng vô ngã và trừ sạch hai thứ phiền não và sở tri chướng, trải qua tướng chư Địa, đến cảnh giới cứu cánh bất tư nghì của Như Lai. Giống như hạt châu Ma Ni tùy sắc, khéo dùng tất cả pháp cảnh giới vô tận thân tài để nhiếp thọ, lợi ích tất cả chúng sanh.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, nay Ta vì ngươi thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Lành thay Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Có ba thứ Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hoàn quả sai biệt. Thế nào là ba? Nghĩa là hạ, trung, thượng. Hạ đó, bảy đời sanh mới vào Niết Bàn; Trung đó, ba hoặc năm đời mới vào Niết Bàn; Thượng đó, ngay đời ấy liền vào Niết Bàn. Ba hạng này còn tam kết hạ, trung, thượng, ấy là: Thân kiến, nghi kiến và giới thủ kiến, đó là tam kết sai biệt, dần dần tiến lên thì đắc quả A La Hán.

Thân kiến có hai thứ: Là Câu Sanh (mới sanh đã sẵn có) và vọng tưởng, như duyên khởi vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng, là nương theo duyên khởi tự tánh thì các thứ vọng tưởng tự tánh chấp trước sanh khởi. Vì tướng vọng tưởng chẳng thật, phi hữu, phi vô, cũng chẳng phải hữu và vô mà phạm phu vọng tưởng chấp trước mỗi mỗi tự tánh vọng tưởng, như con nai đang khát tưởng dương diệm là nước, đó là thân kiến vọng tưởng của Tu Đà Hoàn. Bậc này tu theo nhơn (người) vô ngã, nhiếp thọ pháp vô tánh, dứt trừ vô tri chấp trước lâu đời.

- Đại Huệ! Câu sanh là thân kiến của Tu Đà Hoàn, chấp có tự thân tha thân v.v... Vì có tướng bốn âm vô sắc, có năng tạo và sở tạo lần lượt làm nhơn tướng mà sanh ra sắc. Vì đại chủng và sắc chẳng phải một, nên Tu Đà Hoàn quán pháp hữu và vô chẳng hiện thì thân kiến liền đoạn. Thân kiến đoạn thì tham dục chẳng sanh, ấy gọi là tướng thân kiến hết.

- Đại Huệ! Tướng nghi là tướng thấy được các pháp thiện (Tức là đắc nhơn vô ngã thì lý nghi dứt) và hai thứ vọng tưởng thân kiến ở trên đã dứt, thì pháp nghi chẳng sanh. Không ở nơi khác khởi kiến chấp nghi bậc Sư là tịnh hay là bất tịnh thì nghi Sư (Thầy) dứt. Đến đây, nghi lý, nghi pháp, nghi Sư đều hết, ấy gọi là tướng nghi của Tu Đà Hoàn đoạn dứt.

- Đại Huệ! Thế nào là giới thủ kiến? Tu Đà Hoàn chẳng thủ giới, vì thấy rõ tướng khổ nơi vị lai thọ sanh nên chẳng thủ. Đại Huệ! Nói thủ là sự quyết định thực tập khổ hạnh tinh tấn của phạm phu, cầu sanh cảnh giới thú vui của cõi Trời. Bậc họ chẳng thủ, là hồi hướng chỗ tối thắng tự giác, vốn lia vọng tưởng, tu pháp vô lậu, hành tướng phương tiện, dù chẳng thủ, nhưng cũng thọ trì giới chi (Giới phần vô lậu), ấy gọi là đoạn dứt tướng giới thủ của Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn đoạn dứt tam kết, tham si chẳng sanh, nên Tu Đà Hoàn nghĩ như thế, nói “Ta chẳng thành tựu các kết này”, ắt có hai lỗi: Đoạn thân kiến và các kết chẳng dứt.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Phật nói nhiều tham dục, vậy họ đoạn dứt tham dục gì?

Phật bảo Đại Huệ: Họ đoạn dứt những trói buộc như yêu thích người nữ, tham trước đủ thứ phương tiện, tạo thân khẩu ác nghiệp, thọ sự vui trước mắt mà gieo khổ đời vị lai v.v... chẳng sanh tham dục kể trên. Tại sao? Vì họ đắc sự vui của Tam muội chánh thọ, nên họ đoạn dứt tham dục thế gian mà chẳng phải đoạn dứt sự ham Niết Bàn.

- Đại Huệ! Thế nào là tướng Tư Đà Hàm? Ấy là Đốn chiếu soi sắc tướng vọng tưởng, chẳng sanh tướng thấy tướng sanh. Vì khéo thấy được tướng thiền hạnh, nên vắng Lai thế gian này một lần, mong dứt sạch khổ để đắc Niết Bàn, nên gọi là Tư Đà Hàm.

- Đại Huệ! Thế nào là A Na Hàm? Nghĩa là đoạn dứt sự sanh kiến chấp lỗi lầm của kết tập (Tập khí phiền não), chẳng sanh vọng tưởng sắc tướng nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, tánh phi tánh, gọi là A Na Hàm.

- Đại Huệ! Nói là A La Hán, là do sức sáng suốt giải thoát Tam muội của chư Thiên, dứt sạch tất cả khổ, phiền não của vọng tưởng tánh phi tánh, nên gọi là A La Hán.

Đại Huệ bạch Phật rằng: Thế Tôn! Phật thuyết ba hạng A La Hán, nói A La Hán này là thuộc hạng nào? Thế Tôn! Vì đặc tịch tịnh của đạo Nhất thừa, nên Đại Bồ Tát phương tiện thị hiện A La Hán để giúp Phật giáo hóa.

Phật bảo Đại Huệ: Đặc tịch tịnh là đạo Nhất thừa của Thanh Văn, chẳng phải thừa khác. Thừa khác là hành hạnh Bồ Tát, do phương tiện khéo léo của bốn nguyện, nên ở nơi chúng sanh thị hiện thọ sanh và giúp Phật giáo hóa, cũng vì trang nghiêm quyền thuộc của Phật vậy. Đại Huệ! Ở nơi vọng tưởng thuyết đủ thứ pháp, nói đắc quả đắc thiền, thiền giả nhập thiền, thấy đều xa lia, thị hiện chứng đắc tự tâm hiện lượng, đắc tướng quả, gọi là đắc quả. Lại nữa, Đại Huệ! Muốn siêu việt thiền của vô lượng vô sắc giới, nên lia tướng tự tâm hiện lượng. Đại Huệ! Nói chánh thọ, thọ tướng, siêu việt tự tâm hiện lượng là chẳng đúng. Tại sao? Vì còn có tâm lượng vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Chư thiên Tứ vô lượng,

Vô sắc Tam Ma Đề.
Tất cả thọ, tướng diệt,
Tâm lượng vốn không có (1).
Sơ quả và nhị quả,
Tam quả A Na Hàm.
Tứ quả A La Hán,
Đều dứt tâm mê hoặc.
Thiền giả duyên thiền định,
Đoạn chấp thấy Chơn Đé.
Dù vọng tưởng vô lượng,
Giác ngộ liền giải thoát.

(1) Bốn câu trước của bài kệ là chỉ các thứ thiền phàm phu, ngoại đạo và Tiểu thừa, đã được giải ở trên.

- Lại nữa, Đại Huệ! Có hai thứ giác, là quán sát giác và Tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp trước kiến lập giác.

- Đại Huệ! Nói Quán Sát Giác là tướng tự tánh của giác tánh, nếu quán sát sự phân biệt, lia tứ cú bất khả đắc, ấy gọi là quán sát giác. Đại Huệ! Nói Tứ Cú là lia nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu, phi vô, thường, vô thường gọi là tứ cú. Đại Huệ! Lia tứ cú này gọi là Nhất Thiết Pháp. Tứ cú quán sát Nhất Thiết Pháp này cần nên tu học.

- Đại Huệ! Thế nào là Tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp trước kiến lập giác? Là nói tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp trước, tướng vọng tưởng chẳng thật, như địa, thủy, hỏa, phong; tứ đại chủng và tướng tông, nhơn, thí dụ, giác được chỗ kiến lập chẳng thật mà chấp trước kiến lập, ấy gọi là tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp trước kiến lập giác.

- Nếu Đại Bồ Tát thành tựu hai thứ giác tướng này, đến tướng cứu cánh của tướng nhơn pháp vô ngã thì khéo biết phương tiện vô sở hữu giác, quán sát Hành Địa, đắc Sơ Địa, vào trăm Tam muội đắc sai biệt Tam muội, thị hiện trăm Phật và trăm Bồ Tát, biết các việc trong trăm kiếp quá khứ và vị lai, ánh sáng tự tâm chiếu soi trăm quốc độ, biết tướng từng bậc của chư Địa Bồ Tát. Đại nguyện thù thắng, thần lực tự tại, đến Pháp Vân Địa quán đánh, sẽ chứng đắc Như Lai Tự Đắc Địa, khéo dùng tâm Thập Vô Tận Cú (1) để thành tựu cho chúng sanh, đủ thứ biến hóa quang minh trang nghiêm, đắc Tự Giác Thánh Lạc Tam Muội Chánh Thọ.

(1) Thập vô tận cú: Cũng là mười thứ bất nhị của Như Lai. Chư Phật có mười thứ quyết định bất nhị:

1.- Tất cả chư Phật khéo thuyết lời thọ ký bất nhị.

2.- Hay tùy thuận tâm niệm chúng sanh, khiến họ thỏa nguyện bất nhị.

3.- Khéo biết tam thể tất cả Phật và Phật sở giáo hóa tất cả chúng sanh thể tánh bình đẳng bất nhị.

- 4.- Hay biết thế pháp và pháp tánh của chư Phật chẳng sai biệt, quyết định bất nhị.
- 5.- Khéo biết tam thế chư Phật đồng một thiện căn bất nhị.
- 6.- Hay thấu rõ tất cả pháp, diễn thuyết nghĩa lý bất nhị.
- 7.- Đầy đủ trí huệ của tam thế chư Phật bất nhị.
- 8.- Biết tất cả sát na nơi tam thế bất nhị.
- 9.- Biết tam thế tất cả cõi Phật vào trong một cõi bất nhị.
- 10.- Biết lời nói của tất cả tam thế chư Phật tức là lời nói của một Phật bất nhị.

- Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát nên khéo tạo sắc tứ đại chúng. Thế nào là Bồ Tát khéo tạo sắc tứ đại chúng? Đại Huệ! Đại Bồ Tát giác được chơn đề thì tứ đại chúng chẳng sanh, ở nơi tứ đại chẳng sanh mà quán sát như thế, quán sát rồi giác được ngăn mé danh tướng của vọng tưởng, ngăn mé của tự tâm hiện và ngoài tánh phi tánh, gọi là tâm hiện vọng tưởng ngăn mé. Quán tam giới kia, tánh lia tạo sắc của tứ đại chúng, thông đạt tứ cú, lia ngã, ngã sở, tự tướng như thật tướng và lia trụ phần đoạn sanh tử, thành tựu tự tướng vô sanh.

- Đại Huệ! Tứ đại chúng kia làm sao sanh khởi tạo sắc? Là nói vọng tưởng thắm nhuần đại chúng, trước sanh nội, ngoại thủy giới, rồi cái năng sanh của vọng tưởng đại chúng, sanh nội, ngoại hỏa giới. Vọng tưởng đại chúng phiêu động, sanh nội, ngoại phong giới, vọng tưởng đại chúng ngăn cách, sanh nội, ngoại địa giới. Do chấp sắc và hư không chấp trước lý tà thì có ngũ uẩn tập hợp, sự tạo sắc của tứ đại chúng do đó sanh khởi.

- Đại Huệ! Nói Thức Âm là do ham thích đủ thứ sự thích cảnh giới của lục trần dính mắc chẳng bỏ, nên phải tương tục thọ sanh nơi các loài khác. Đại Huệ! Địa, thủy, hỏa, phong tứ đại chúng và sở tạo sắc pháp v.v... là do thức âm duyên theo nghiệp mà sanh ra tứ đại, chẳng phải tứ đại tự làm duyên mà sanh ra thức âm. Tại sao? Vì hình tướng tự tánh, chỗ sở tác chỉ là phương tiện vô tánh, nên đại chúng chẳng sanh. Đại Huệ! Hình tướng tự tánh là do chỗ sở tác phương tiện hòa hợp mà sanh, chẳng phải vô hình. Cho nên tướng tứ đại tạo tác là vọng tưởng của ngoại đạo, chẳng phải thuyết của Ta.

- Lại nữa, Đại Huệ! Nay sẽ thuyết tướng tự tánh của các âm. Thế nào là tướng tự tánh của các âm? Nói ngũ âm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bốn âm phi sắc là thọ, tưởng, hành, thức. Đại Huệ! Nói sắc âm là tứ đại và tạo sắc mỗi mỗi có tướng riêng khác biệt. Đại Huệ! Bốn âm vô sắc chẳng phải vô sắc mà có bốn số (Thọ, tưởng, hành, thức) như hư không. Ví như hư không siêu việt tướng số mà lia nơi số, chẳng có số lượng mà vọng tưởng nói là một hư không. Đại Huệ! Như thế, bốn âm vô sắc cũng siêu việt tướng số mà lia nơi số, lia tánh phi tánh, lia tứ cú. Nói tướng số là ngôn thuyết của phàm phu, chẳng phải Thánh Hiền vậy.

- Đại Huệ! Bạc Thánh như huyền, mỗi mỗi sắc tướng lia sự dựng lập, khác hay chẳng khác, cũng như thân bóng mộng của sĩ phu, lia khác và chẳng khác. Đại Huệ! Nói Thánh Trí đồng như tướng vọng tưởng của ngũ âm hiện, gọi là tướng tự tánh của các âm, người nên diệt trừ. Diệt rồi thuyết pháp tịch tịnh, dứt tất cả kiến chấp của các ngoại đạo nơi tất cả cõi Phật.

- Đại Huệ! Lúc nói tịch tịnh, là thấy pháp vô ngã tịnh, và vào Bất Động Địa (Đệ Bát Địa). Vào Bất Động Địa rồi, đắc vô lượng Tam muội tự tại và đắc ý sanh thân, đắc như huyền Tam muội, thông đạt sự cứu cánh sáng tỏ tự tại, cứu giúp lợi ích tất cả

chúng sanh, giống như đại địa nuôi dưỡng chúng sanh, Đại Bồ Tát phổ độ chúng sanh cũng như thế.

- Lại nữa, Đại Huệ! Các ngoại đạo có bốn thứ Niết Bàn. Thế nào là bốn? 1. Tánh của tự tánh phi tánh Niết Bàn. 2. Mỗi mỗi tướng của tự tánh phi tánh Niết Bàn. 3. Tướng giác của tự tánh phi tánh Niết Bàn. 4. Tương tục lưu chú của tự tướng cộng tướng nơi ngũ âm đoạn dứt Niết Bàn. Ấy gọi là bốn thứ Niết Bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp sở thuyết của Ta. Đại Huệ! Pháp của Ta thuyết là các thức của vọng tưởng diệt, gọi là Niết Bàn.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn há chẳng kiến lập thức thứ tám ư?

Phật đáp: Kiến lập.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Nếu kiến lập thì tại sao chỉ lia ý thức (Thức thứ sáu) mà chẳng lia thức thứ bảy?

Phật bảo Đại Huệ: Vì lia sự phan duyên của thức thứ sáu thì thức thứ bảy chẳng sanh. Ý thức là phân biệt cảnh giới phần đoạn của Tiền ngũ thức, đang lúc phân biệt, liền sanh khởi chấp trước, thì những tập khí nuôi dưỡng nơi tạng thức, khởi hiện hành huân tập chủng tử, do thức thứ bảy truyền vào ý thức, tức là cùng trong thức thứ tám vậy. Chấp trước ngã và ngã sở thì nhân duyên tư duy sanh khởi, thân tướng chẳng hoại, tạng thức do ý thức phan duyên thì cảnh giới tự tâm hiện, tâm chấp trước liền sanh. Các thức lần lượt làm nhân với nhau, cũng như làn sóng biển, do ngọn gió của cảnh giới tự tâm hiện thổi, làn sóng các thức hoặc sanh hoặc diệt cũng như thế. Cho nên, ý thức diệt thì thức thứ bảy theo đó cũng diệt.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết rằng:

Ta chẳng trụ Niết Bàn.
Tướng năng tác, sở tác.
Tánh Niết Bàn ta thuyết,
Lia vọng tưởng nhĩ diệt.
Do thức phan duyên nhau,
Thành đủ thứ thân hình.
Gốc nhân chính là tâm,
Nơi nương tựa của thức.
Như dòng nước đã cạn,
Thì làn sóng chẳng khởi.
Vậy ý thức diệt rồi,
Thì các thức chẳng sanh.

- Lại nữa, Đại Huệ! Nay ta sẽ thuyết tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự tánh. Nếu đối với tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự tánh mà khéo phân biệt, thì người và các Đại Bồ Tát được lia vọng tưởng, đến chỗ Tự giác Thánh Trí, chẳng còn vọng tưởng thì mỗi mỗi tướng và hành duyên khởi từ vọng tưởng tự tánh và năng nhiếp sở nhiếp đều đoạn dứt, cũng là giác được kiến chấp thân thông của ngoại đạo.

- Đại Huệ! Thế nào là tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự tánh? Là gồm ngôn thuyết vọng tưởng, sở thuyết sự vọng tưởng, tướng vọng tưởng, lợi vọng tưởng, tự

tánh vọng tướng, nhân vọng tướng, kiến vọng tướng, thành vọng tướng, sanh vọng tướng, bất sanh vọng tướng, tương tục vọng tướng, phược bất phược (trói chẳng trói) vọng tướng, ấy gọi là tướng thông phân biệt của vọng tướng tự tánh.

- Đại Huệ! Thế nào là Ngôn Thuyết vọng tướng? Là chấp đủ thứ điều âm nhạc, cho là vui thú, gọi là Ngôn Thuyết vọng tướng.

- Thế nào là Sở Thuyết Sự vọng tướng? Là nói có sự sở thuyết của tự tánh, do Thánh Trí hiểu biết, theo đó mà sanh ngôn thuyết vọng tướng, gọi là Sở Thuyết Sự vọng tướng.

- Thế nào là Tướng vọng tướng? Là ngay nơi sự sở thuyết kia, như nai đang khát, tưởng dương diệm là nước, mỗi mỗi chẳng thật mà chấp là thật, nói tướng của tứ đại, tất cả tánh đều thuộc vọng tướng, gọi là Tướng vọng tướng.

- Thế nào là Lợi vọng tướng? Nói ham thích đủ thứ vàng bạc châu báu, gọi là Lợi vọng tướng.

- Thế nào là Tự Tánh vọng tướng? Nói tự tánh có sự thật chấp trì như thế, chẳng khác với vọng tướng ác kiến, gọi là Tự Tánh vọng tướng.

- Thế nào là nhân vọng tướng? Nói hoặc nhân hoặc duyên để phân biệt hữu và vô thì tướng nhân sanh, gọi là nhân vọng tướng.

- Thế nào là Kiến vọng tướng? Là đối với hữu, vô, nhất, dị, đồng, chẳng đồng, những vọng tướng ác kiến của ngoại đạo, nổi vọng tướng chấp trước, gọi là Kiến vọng tướng.

- Thế nào là Thành vọng tướng? Là đối với tư tưởng ngã và ngã sở, lập thành luận quyết định, gọi là Thành vọng tướng.

- Thế nào là Sanh vọng tướng? Nói duyên theo tánh hữu và vô, sanh khởi chấp trước, gọi là Sanh vọng tướng.

- Thế nào là Bất sanh vọng tướng? Là nói tất cả tánh vốn vô sanh vô chủng, Do nhân duyên sanh cái thân vô nhân (chẳng có cái nhân bắt đầu), gọi là Bất sanh vọng tướng.

- Thế nào là Tương Tục vọng tướng? Là nói vật này vật kia liên hệ lẫn nhau, như kim và chỉ liên nhau mới có thể may vá, gọi là Tương Tục vọng tướng.

- Thế nào là Phược Bất Phược vọng tướng? Nói trói chẳng trói là do nhân duyên chấp trước, như phương tiện của sĩ phu hoặc trói hoặc mở trói, gọi là Phược Bất Phược vọng tướng.

- Đại Huệ! Nơi tướng thông và phân biệt của vọng tướng tự tánh này, tất cả phạm phủ chấp trước cho là hữu và vô. Đại Huệ! Do duyên khởi mà chấp trước mỗi mỗi vọng tướng của tự tánh chấp trước, hiện ra đủ thứ thân hình như huyền, phạm phủ vọng tướng, thấy mỗi thứ huyền tướng khác nhau. Đại Huệ! Mỗi thứ tướng huyền chẳng phải khác, cũng chẳng phải không khác. Nếu nói “khác” thì huyền chẳng phải nhân của mỗi thứ kia; nếu nói “chẳng khác” thì huyền và mỗi thứ kia chẳng sai biệt mà lại thấy sai biệt. Do đó, nói chẳng phải khác cũng chẳng phải không khác. Cho nên, Đại Huệ! Ngươi và các Đại Bồ Tát, đối với vọng tướng tự tánh, duyên khởi tướng như huyền, khác hay chẳng khác, hữu hay vô, chớ nên chấp trước.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Trói tâm nơi cảnh giới,

Trí giác tưởng chuyển theo.

Thắng giải vô sở trụ,
Trí huệ bình đẳng sanh.
Vọng tưởng thì tánh hữu,
Nơi duyên khởi thì vô.
Vọng tưởng và nhiếp thọ,
Phi vọng tưởng duyên khởi.
Mỗi mỗi phân biệt sanh,
Như huyền lại chẳng thành.
Dù hiện đủ thứ tướng,
Vọng tưởng cũng chẳng thành.
Chấp trước là lỗi lầm,
Đều do tâm trói sanh.
Vọng tưởng vốn vô tri,
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tánh các vọng tưởng này,
Tức là duyên khởi kia.
Vọng tưởng có đủ thứ,
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tục Đế Đệ Nhất Nghĩa,
Ngoại đạo chấp thành ba (1).
Cho là vô nhân sanh,
Dứt vọng tưởng Tục Đế,
Là cảnh giới bậc Thánh.
Ví như sự tu hành,
Một không (hư không) hiện nhiều mây.
Hư không vốn chẳng mây,
Lại hiện mây như thế.
Tâm cũng như hư không,
Vọng tưởng hiện nhiều sắc.
Do duyên khởi mà hiện,
Chẳng phải sắc phi sắc,
Ví như luyện vàng ròng,
Lọc bỏ các tạp chất,
Vàng thiệt liền hiện ra.
Vọng tưởng sạch cũng vậy.

Tự tánh chẳng vọng tưởng,
Vi duyên khởi thành có.
Kiến lập và phủ định,
Thầy đều do vọng tưởng.
Vọng tưởng nếu vô tánh,
Mà có tánh duyên khởi.
Vô tánh sanh hữu tánh,
Hữu tánh sanh vô tánh,
Nương nhau nơi vọng tưởng,
Mà thành tướng duyên khởi.
Danh tướng thường theo nhau,
Mà sanh các vọng tưởng,
Độ thoát các vọng tưởng,
Rồi thành trí trong sạch,
Gọi là Đệ Nhất Nghĩa.
Duyên khởi có sáu thứ,
Vọng tưởng có mười hai.
Tự giác và nhĩ diệm,
Vốn chẳng có sai biệt.
Năm pháp đều chân thật,
Tự tánh có ba thứ.
Tu hành thấu nghĩa này,
Chẳng ngoài nơi như như.
Các tướng và duyên khởi,
Đều gọi "khởi vọng tưởng".
Các tướng vọng tưởng kia,
Từ duyên khởi mà sanh.
Giác huệ khéo quán sát,
Vô duyên vô vọng tưởng.
Thành tự tánh vô sanh,
Thế nào giác vọng tưởng.
Do tự giác vọng tưởng,
Kiến lập hai tự tánh:
Là hiện cảnh vọng tưởng,
Và cảnh giới bậc Thánh.

Vọng tưởng như tranh vẽ,
Duyên khởi tức vọng tưởng.
Nếu nói khác vọng tưởng,
Là luận của ngoại đạo.
Do nhị kiến hòa hợp,
Sanh năng tưởng, sở tưởng.
Lìa hai năng, sở ấy,
Thành trí huệ bình đẳng.

(1) Tục Đế Đệ Nhất Nghĩa, Ngoại đạo chấp thành ba: ngoại đạo nói Đệ Nhất là từ ban sơ sanh giác, Đệ Nhị từ giác sanh ngũ tâm, Đệ Tam từ ngũ tâm sanh ngũ trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng biết căn bản của duyên khởi, lại cho là vô nhân sanh, thành ra ở ngoài Nhị đế chơn và tục.

Đại Huệ bỏ tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng Tự Giác Thánh Trí và Nhất Thừa, khiến con và các bồ tát khéo tự giác, chẳng nhờ người khác mà thông đạt Phật pháp.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ bỏ tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Theo sở tri của bậc thánh xưa là vọng tưởng vô tánh, từng đời truyền thọ nhau, nghĩa là đại bồ tát tự ở nơi thanh tịnh quán sát tự giác, chẳng do người khác mà được lìa kiến chấp vọng tưởng. Dần dần tiến lên, vào địa vị Như Lai, ấy gọi là Tướng Tự Giác Thánh Trí.

- Đại Huệ! Thế nào là Tướng nhất Thừa? Ấy là giác được đạo Nhất Thừa, ta nói là Nhất Thừa. Thế nào là giác được đạo Nhất Thừa? Là nói nhiếp sở nhiếp của vọng tưởng, chỗ như thật thì chẳng sanh vọng tưởng, gọi là Nhất Thừa Giác. Đại Huệ! Nói Nhất Thừa Giác, trừ Như Lai ra, chẳng phải hàng ngoại đạo, Thanh Văn, Duyên Giác và vua Phạm Thiên có thể giác được, nên gọi là Nhất Thừa.

Đại Huệ bỏ tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Tại sao nói Tam Thừa mà chẳng nói Nhất Thừa?

Phật bảo Đại Huệ: Vì tất cả Thanh Văn, Duyên Giác đối với pháp Niết Bàn chẳng thể tự chứng, nên chẳng nói Nhất Thừa. Do Như Lai muốn điều phục tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, truyền thọ pháp tịch tịnh, bậc họ nhờ phương tiện mà đắc giải thoát, chẳng phải do sức của chính mình chứng đắc, nên chẳng nói Nhất Thừa.

- Lại nữa, Đại Huệ! Đối với người chẳng dứt tập khí nghiệp chướng phiền não, nên chẳng vì tất cả Thanh Văn, Duyên Giác nói Nhất Thừa. Đối với người chẳng dứt được pháp vô ngã chẳng lìa phần đoạn sanh tử, nên thuyết Tam Thừa. Đại Huệ! Các bậc họ nếu dứt được lỗi tập khí và giác được pháp vô ngã, thì tất cả lỗi tập khí phiền não chẳng sanh khởi, đối với sự phi tánh chấp trước ham thích mùi vị của Tam-muội, bậc vô lậu đã giác được, giác rồi lại ra vào thế gian, dần dần từ bậc vô lậu đến chỗ Bồ Đề viên mãn, sẽ chứng đắc tự tại Pháp thân bất tư nghi của Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Chư Thiên và Phạm chúng,

Thừa Thanh Văn, Duyên Giác.
Chư Phật Như Lai Thừa,
Ta thuyết những thừa này.
Cho đến tâm thức chuyển,
Các thừa chẳng cứu cánh.
Nếu tâm thức diệt sạch,
Thì chẳng thừa vô Thừa.
Chẳng có "Thừa" kiến lập,
Nên ta nói Nhất Thừa.
Vì dẫn dắt chúng sanh,
Phân biệt nói các thừa.
Giải thoát có ba thứ;
Nhân (người) và pháp vô ngã.
Phiền não sở tri chương
Xa lìa được giải thoát.
Như gỗ nổi mặt biển,
Tùy làn sóng xoay chuyển.
Bậc Thanh Văn cũng thế,
Bị tướng gió thổi trôi.
Tu tập diệt phiền não,
Còn tập khí sót lại.
Ham mùi vị Tam muội,
An trụ cõi vô lậu.
Chẳng đến chỗ cứu cánh,
Cũng chẳng có lui sụt.
Đắc các thân Tam muội,
Bất giác (uông) qua nhiều kiếp.
Ví như người say rượu,
Rượu tiêu rồi mới tỉnh.
Pháp "giác" họ cũng thế,
Cuối cùng vẫn thành Phật.

-Quyển Ba-

Khi ấy, Thế Tôn bảo Đại Huệ bồ tát rằng: Nay ta sẽ thuyết tướng thông phân biệt của ý sanh thân, ngươi hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ.

Đại Huệ bỏ tất bạch Phật rằng: Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Có ba thứ ý sanh thân. Thế nào là ba? Ấy là: Tam muội lạc Chánh thọ ý sanh thân, Giác pháp tự tánh Tánh ý sanh thân, và Chủng loại Câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Người tu hành liễu tri cái tướng ấy, từ Sơ Địa dần dần tiến lên, thì được ba thứ thân này.

- Đại Huệ! Thế nào là Tam Muội Lạc Chánh Thọ Ý Sanh Thân? Ấy là Tam muội lạc Chánh thọ của Bồ Tát Tam Địa, Tứ Địa và Ngũ Địa, an trụ nơi biên tâm, tự tâm tịch tịnh, mỗi mỗi làn sóng của “thức tướng” chẳng sanh khởi, biết cảnh giới tự tâm hiện tánh phi tánh, gọi là Tam muội lạc Chánh thọ ý sanh thân.

- Đại Huệ! Thế nào là Giác Pháp Tự Tánh Tánh Ý Sanh Thân? Là Bồ Tát Đệ Bát Địa quán sát các pháp như huyễn, thấy vốn chẳng có thì thân tâm chuyển biến, đặc như huyễn Tam muội và nhiều Tam muội môn khác. Sức tướng vô lượng tự tại quang minh như điệu hoa trang nghiêm, chóng được như ý. Cũng như mộng huyễn, trăng đáy nước, bóng trong gương, phi năng tạo, phi sở tạo, như tạo sở tạo, tất cả sắc mỗi mỗi khác biệt đều đầy đủ trang nghiêm, do đại chúng trong tất cả cõi Phật đều thông đạt pháp tự tánh, nên gọi là Giác Pháp Tự Tánh Tánh Ý Sanh Thân.

- Đại Huệ! Thế nào là Chủng Loại Câu Sanh vô hành Tác Ý Sanh Thân? Là nói giác được tất cả Phật pháp, theo duyên đó tự đặc tướng hành, ấy gọi là Chủng Loại Câu Sanh vô hành Tác Ý Sanh Thân. Đại Huệ! Đối với sự quán sát giác liễu nơi ba thứ thân tướng này, cần nên tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phi thừa phi Đại thừa,
Phi thuyết phi văn tự.
Phi đế (Chơn đế) phi giải thoát,
Phi cảnh giới hữu vô.
Pháp Đại thừa Sở chứng
Tự tại Tam Ma Đề
Mỗi mỗi ý sanh thân,
Hoa trang nghiêm tự tại.

Lược giải:

Bài kệ ở cuối quyển hai nói vô Thừa và chẳng kiến lập Thừa, nên ta nói “Nhất Thừa”, đã chỉ rõ ba thứ ý sanh thân kia. Hai thứ ý sanh thân trước thuộc về Đại thừa, một thứ ý sanh thân sau thuộc về phi thừa, nên bài kệ này chỉ tụng về Chủng Loại vô Hành Tác Ý Sanh Thân, duy có Nhất Thừa này, chẳng có thừa khác, nên nói Nhất Thừa tức là Phi Thừa vậy. Phi thừa chẳng phải Đại Thừa, nhưng phải nhờ nghĩa Đại Thừa để hiển bày nghĩa Phi Thừa, cũng là nghĩa của bài kệ này vậy.

Lược giải hết

Chánh Văn:

Khi ấy, Đại Huệ bỏ tất bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói “Thiện nam, tín nữ hành nghiệp Ngũ Vô gián mà chẳng đọa địa ngục A Tỳ”. Thế Tôn! Tại sao Thiện nam, tín nữ hành nghiệp Ngũ Vô gián mà chẳng đọa địa ngục A Tỳ?

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ bỏ tất bạch Phật rằng: Lành thay thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Thế nào là nghiệp Ngũ Vô Giác? Ấy là giết cha mẹ, hại La Hán, phá hòa hợp tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.

- Đại Huệ! Nói giết cha mẹ ở đây là ám chỉ hai thứ căn bản của sự thọ sanh, do tham ái làm mẹ, vô minh làm cha, đoạn dứt hai thứ căn bản ấy, gọi là giết cha mẹ.

- Thế nào là hại La Hán? Dụ như con chuột bị độc chết, thì những tai hại do con chuột gây ra đều chẳng sanh khởi nữa, cũng như các pháp phiền não tập khí cứu cánh đoạn dứt, gọi là hại La Hán.

- Thế nào là phá hòa hợp Tăng? Là nói các tướng tập khí phiền não khác nhau của ngũ ấm hòa hợp tích tụ, tất cả đều được đoạn dứt, gọi là phá hòa hợp Tăng.

- Thế nào là ác tâm làm thân Phật ra máu? Vì chẳng biết bản thể của bảy thứ thức là do tự tâm biến hiện, chẳng ngoài tự tướng cộng tướng, nay dùng ác tâm (tâm mãnh liệt) của Tam Vô lậu giải thoát (Không, vô Tướng, vô nguyện) để đoạn dứt bảy thứ thức nơi tự tánh Phật, gọi là ác tâm làm thân Phật ra máu. Nếu Thiện nam, tín nữ hành những việc vô giác này, gọi là ngũ vô giác, cũng gọi là Đẳng vô giác.

- Lại nữa, Đại Huệ! Có pháp ngoài Ngũ Vô giác, nay ta sẽ thuyết, ngươi và các Đại Bồ tát nghe nghĩa này rồi, nơi đời vị lai chẳng đọa ngu si.

- Thế nào là ngoài Ngũ Vô giác? Nghĩa là nếu người muốn chứng đắc pháp Ngũ Vô giác kể trên, mà thực hành theo ba cửa giải thoát (Không, vô Tướng, vô nguyện trong kinh Đại Bát Nhã) thì mỗi mỗi đều chẳng thể chứng đắc pháp Ngũ Vô giác, như dùng cửa Không cũng chẳng thể chứng đắc, dùng cửa Vô Tướng cũng chẳng thể chứng đắc, dùng cửa vô Nguyện cũng chẳng thể chứng đắc, nên nói ở ngoài Ngũ Vô giác.

- Ngoài trừ pháp này ra, còn có các pháp, nhờ thần lực biến hóa mà hiện vô giác. Như thần lực biến hóa của Thanh Văn, thần lực biến hóa của Bồ Tát, thần lực biến hóa của Như Lai v.v... Đối với những kẻ tạo tội vô giác, vì sự sám hối tội lỗi và trừ nghi cho họ, cũng vì khuyến phát nhân lành cho họ, nên nhờ thần lực biến hóa mà hiện vô giác. Trừ khi người giác được tự tâm hiện lượng, lìa được vọng tưởng thân tài, lìa sự nhiếp thọ ngã và ngã sở, hoặc lúc gặp Thiện tri thức khiến khai ngộ bản tâm thì mới được giải thoát sự sanh tử tương tục nơi các cõi, chứ chẳng phải trước kia đã tạo tội vô giác mà chẳng bị đọa địa ngục vô giác vậy.

Lược giải:

"Ba cửa Giải Thoát" Tại sao chẳng thể chứng đắc pháp Ngũ Vô giác? Vì pháp đã Không, Vô tướng, Vô nguyện thì năng sở đều bất, dĩ nhiên không có kẻ năng chứng để chứng cái pháp sở chứng, thì làm sao có sự chứng đắc ư?

Nói về Thần Lực Biến Hóa, cũng như năm trăm vị Tỳ Kheo trong hội Linh Sơn, đã đắc bốn thứ thiên định và năm thứ thần thông, nhưng chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhân, nhờ sức thần thông của Túc Mạng Trí, mỗi mỗi tự thấy quá khứ giết cha hại mẹ và tạo nhiều tội nặng khác, nên trong tâm tự hoài nghi, do đó chẳng thể chứng nhập pháp thâm sâu. Cho nên, Văn Thù Bồ tát thừa oai thần Phật, bèn dùng tay cầm gương bén bức bách Như Lai (dụ cho ác tâm làm thân Phật chảy máu, cũng là một phương tiện để độ năm trăm vị Tỳ Kheo). Khi ấy, Thế Tôn bảo Văn Thù Bồ tát rằng: Thôi, thôi! Chớ nên phản nghịch hại ta; Ta ắt sẽ bị hại, ấy là khéo bị hại. Tại sao? Vì Văn Thù Bồ tát xưa nay đã chẳng có tướng nhân ngã. Chỉ vì trong tâm họ (năm trăm vị Tỳ

Kheo thấy có nhân ngã, khi nội tâm sanh khởi ngã, thì sẽ bị hại (người tu ắt phải phá ngã chấp), nên gọi là hại. Khi ấy, năm trăm vị Tỳ Kheo tự ngộ bản tâm như mộng, như huyền, nơi mộng huyền chẳng có nhân ngã, cho đến chẳng có cái năng sanh, sở sanh của cha mẹ, do đó, năm trăm vị Tỳ Kheo đồng thanh tán thán rằng:

- Văn Thù bậc Đại Trí, thấu tận đáy các pháp, khéo dùng phương tiện bực bách Như Lai, thị hiện dùng guom bén (năng hại) và thân Phật (sở hại) đều do tâm tạo, một tướng chẳng có hai, vô tướng ắt vô sở sanh, thì làm sao có sự giết hại kia!

Nay nói thần lực biến hóa của Như Lai, là dùng phương tiện khiến những kẻ tạo tội vô gián đều được giải thoát, cũng chứng tỏ "Nhất thiết duy tâm tạo" vậy.

Lược giải hết

Chánh Văn:

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tham ái gọi là mẹ,
Vô minh gọi là cha.
"Thức" giác ngộ là Phật,
Phiền não là La Hán
Ngũ ấm gọi là Tăng,
Hành vô gián đoạn ác.
Gọi là Ngũ Vô gián,
Chẳng đọa ngục A Tỳ.

Khi ấy, Đại Huệ bỏ tất lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng giảng thuyết thế nào là tri giác của Phật?

Phật bảo Đại Huệ: Giác được nhân và pháp vô ngã, liễu tri hai chương phiền não và sở tri, lìa hai thứ sanh tử phần đoạn và biến dịch, đoạn dứt hai thứ phiền não vô minh và ái nghiệp, ấy gọi là tri giác của Phật. Thanh Văn, Duyên Giác đắc được pháp này cũng gọi là Phật, Do nhân duyên này Ta thuyết Nhất Thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Khéo biết hai vô ngã,
Hai chương phiền não dứt.
Lìa hẳn hai sinh tử,
Gọi là tri giác Phật.

Đại Huệ bỏ tất bạch Phật rằng: Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn nơi đại chúng nói lời như thế: "Ta là tất cả Phật quá khứ và có đủ thứ thọ sanh. Xưa kia Ta làm Mạn Đà Chuyển Luân Thánh Vương, voi lớn sáu ngà và chim Anh Vũ, Thích Đề Hoàn Nhân, Tiên non Thiện Nhân v.v...thuyết trăm ngàn quyển Kinh Thọ Sanh" như thế?

Phật bảo Đại Huệ: Do bốn thứ bình đẳng nên Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, nơi đại chúng nói lời như thế: "Khi ấy Ta làm Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp".

Thế nào là bốn thứ bình đẳng? Ấy là Tự đẳng, Ngữ đẳng, Pháp đẳng và Thân đẳng. Vì bốn thứ bình đẳng này, nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ở trong chúng nói lời như thế.

- Thế nào là Tự Đẳng? Là danh tự xưng Ta là Phật, cũng xưng tất cả chư Phật, mà tự tánh của danh tự chẳng có sai biệt, ấy gọi là Tự Đẳng.

- Thế nào là Ngữ Đẳng? Ta dùng sáu mươi bốn thứ Phạm âm hiển bày tướng ngôn ngữ, các bậc Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng dùng sáu mươi bốn thứ Phạm âm hiển bày tướng ngôn ngữ như thế, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng có sai biệt. Tánh Phạm âm vi diệu như Ca Lăng Tần Già, gọi là Ngữ Đẳng.

- Thế nào là Thân Đẳng? Nói thân Ta với pháp thân chư Phật, sắc thân và tướng tốt chẳng có sai biệt, trừ khi vì điều phục các loại chúng sanh sai biệt, mới thị hiện mỗi mỗi sắc thân sai biệt, ấy gọi là Thân Đẳng.

- Thế nào là Pháp Đẳng? Nói Ta và chư Phật đều dùng Pháp Bồ Đề Phần ba mươi bảy Phẩm, lược thuyết trí vô chướng ngại của Phật Pháp, gọi là Pháp Đẳng. Gọi chung là bốn thứ pháp bình đẳng. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ở trong đại chúng nói lời như thế.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Ca Diếp, Câu Lưu Tôn,

Câu Na Hàm là Ta.

Dùng bốn pháp bình đẳng

Vì Phật tử thuyết pháp.

Đại Huệ! Bồ tát lại bạch Phật rằng: Như Thế Tôn sở thuyết “Ta từ đêm kia đắc Tối Chánh Giác, cho đến đêm kia nhập Niết Bàn, ở nơi khoảng giữa đó chẳng thuyết một chữ, cũng chẳng phải đã thuyết, chẳng phải sẽ thuyết, nói chẳng thuyết là Phật thuyết”.

Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác vì sao nói: Chẳng thuyết tức là Phật thuyết?

Phật bảo Đại Huệ: Ta vì hai pháp nên nói như thế. Thế nào là hai pháp? Là Duyên Tự Đắc pháp và Bốn Trụ pháp, gọi là hai pháp. Do hai pháp này nên ta nói như thế.

- Thế nào là Duyên Tự Đắc pháp? Là pháp do chư Như Lai chứng đắc, Ta cũng chứng đắc, chẳng thêm chẳng bớt. Cảnh giới cứu cánh của Duyên Tự Đắc pháp lia hai tướng ngôn thuyết và văn tự, chỉ có thể tự đắc, tự biết, nên gọi là Duyên Tự Đắc pháp.

- Thế nào là Bốn Trụ pháp? Là đạo pháp của bậc Thánh xưa như tánh vàng bạc chẳng hoại, thường trụ nơi pháp giới, vô thi vô chung. Hoặc Như Lai ra đời, hoặc chẳng ra đời, đạo pháp vẫn thường trụ nơi pháp giới như thế, gọi là Bốn Trụ pháp. Ví như sĩ phu đi trong đồng vắng, thấy con đường bằng phẳng hướng về cổ thành, liền đi theo đường đó vào thành, được thọ sự vui như ý. Đại Huệ! Ý người thế nào? Con đường và mỗi mỗi sự vui kia là do người ấy làm ra ư?

Đáp rằng: Không ạ, Thế Tôn.

Phật bảo Đại Huệ: Ta và quá khứ tất cả chư Phật thường trụ nơi pháp giới cũng như thế. Nên nói: “Ta từ đêm kia đắc Tối Chánh Giác, cho đến đêm kia nhập Niết Bàn, ở nơi khoảng giữa chẳng thuyết một chữ, cũng chẳng phải đã thuyết, chẳng phải sẽ thuyết”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Ta từ đêm thành đạo,
Đến đêm nhập Niết Bàn.
Nơi khoảng chính giữa này,
Chẳng thuyết một chữ nào.
Vi Duyên Tụ Đắc Pháp,
Và Pháp Bôn Trụ kia,
Nên Ta và chư Phật,
Thuyết pháp chẳng sai biệt.

Khi ấy, Đại Huệ bỏ tát lại thỉnh Thế Tôn: Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng hữu và vô của tất cả pháp, khiến con và các đại bồ tát lia tướng hữu và vô, chóng đắc vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ bỏ tát bạch Phật: Lành thay Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Người thế gian nương theo hữu và vô, đọa vào hai thứ dục kiến và tánh phi tánh, nếu chẳng lia tướng dục kiến thì chẳng thể lia sanh tử. Đại Huệ! Tại sao người thế gian nương theo hữu? Là nói thế gian Do nhân duyên sanh, chẳng phải không có từ hữu sanh, cũng chẳng phải vô sanh. Đại Huệ! Họ thuyết như thế là nói thế gian vô nhân mà có. Đại Huệ! Tại sao người thế gian nương theo vô? Vì họ thọ nhận tánh tham, sân, si rồi, sau lại vọng tưởng chấp trước tánh tham, sân, si là phi tánh, chẳng chấp lấy hữu, lại chấp lấy vô. Đại Huệ! Nếu chẳng chấp lấy Tánh hữu thì tánh tướng tịch tịnh, nên chư Như Lai và Thanh Văn, Duyên Giác chẳng chấp lấy tánh tham, sân, si cho là hữu hay vô.

- Đại Huệ! Trong đó có cái nào là hoại (đoạn diệt)?

Đại Huệ bỏ tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu họ trước kia chấp lấy tánh tham, sân, si rồi, về sau chẳng chấp lấy nữa, ấy gọi là hoại.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay! Lành thay! Đúng như ngươi hiểu. Đại Huệ! Chẳng những tánh tham, sân, si, phi tánh là hoại, đối với Thanh Văn, Duyên Giác và Phật, chẳng chấp lấy tham, sân, si cũng gọi là hoại. Tại sao? Vì trong ngoài bất khả đắc, nên tánh phiền não chẳng phải khác hay chẳng khác.

-Đại Huệ! Sự tham, sân, si hoặc trong, hoặc ngoài đều bất khả đắc. Vì tánh của tham, sân, si chẳng có bản thể, nên chẳng thể chấp lấy, cho nên nói hoại, là hoại tánh tham, sân, si chứ chẳng phải hoại Phật và Thanh Văn, Duyên Giác. Vì Phật và Thanh Văn, Duyên Giác tự tánh vốn đã giải thoát, chẳng có tánh làm nhân năng trói và sở trói. Đại Huệ! Nếu có trói thì phải có nhân trói, nói hoại như thế là chẳng có tướng để hoại.

- Đại Huệ! Vì thế nên ta nói: "Thà chấp lấy ngã kiến như núi Tu Di, chớ đừng khởi kiến chấp "Không" cho là vô sở hữu, thành kẻ tăng thượng mạn". Đại Huệ! Kẻ tăng thượng mạn chấp trước vô sở hữu, ấy gọi là hoại. Vì họ chẳng biết tự tâm hiện lượng, thấy ngoài tánh vô thường, sát na lần lượt biến hoại, âm, giới, nhập tương tục lưu chú biến diệt, nên đọa kiến chấp hy vọng tự tướng cộng tướng, lia tướng vọng tướng vẫn tự, chấp trước đoạn diệt, ấy gọi là hoại.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này, mà thuyết kệ rằng:

Tâm thấy hữu hoặc vô,
Là cảnh giới nhị biên.
Trừ sạch cảnh giới ấy,
Tâm bình đẳng tịch diệt.
Tâm chẳng chấp cảnh giới,
Hữu diệt chẳng phải vô.
Hữu vô đều như như,
Là cảnh giới Thánh Hiền.
Vô chủng mà sanh hữu,
Sanh rồi hữu lại diệt.
Nhân duyên hữu và vô,
Chẳng trụ giáo pháp ta.
Phi ngoại đạo phi Phật,
Phi ta cũng phi khác.
Do nhân duyên sanh khởi,
Tại sao có thể Vô!
Nhân duyên hợp nói hữu,
Nhân duyên tan nói vô.
Sanh kiến chấp tà luận,
Vọng tưởng chấp hữu vô.
Nếu biết pháp vô sanh,
Cũng là pháp vô diệt.
Quán pháp Không Tịch này,
Hữu vô thấy đều lìa.

Khi ấy, Đại Huệ bỏ tất bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì con và các Đại Bồ Tát thuyết tướng Tông Thông, khiến con và các đại bồ tát thông đạt tướng này. Thông đạt tướng này rồi thì khéo phân biệt tướng Tông Thông, chẳng theo giác tướng của chúng ma ngoại đạo, chóng thành tựu vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ bỏ tất bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát có hai thứ tướng thông là Tông Thông và Thuyết Thông.

- Đại Huệ! Nói Tông Thông là tướng duyên Tự Đắc Thắng Tiến, xa lìa vọng tưởng ngôn thuyết và văn tự, tiến vào tự tướng Tự Giác Địa của hàng vô lậu, xa lìa tất cả giác tướng hư vọng, hàng phục tất cả chúng ma ngoại đạo, phát huy ánh sáng của Duyên Tự Giác, ấy là tướng Tông Thông.

- Thế nào là tướng Thuyết Thông? Là nói mỗi mỗi giáo pháp trong chín bộ kinh, lia những tướng khác hay chẳng khác, hữu và vô v.v.. dùng phương tiện khéo léo tùy thuận căn tánh của chúng sanh mà ứng cơ thuyết pháp, khiến họ được độ thoát, gọi là tướng Thuyết Thông. Đại Huệ! Đối với hai tướng thông này, người và các Bồ Tát cần nên tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tướng Tông Thông, Thuyết Thông,
Duyên giáo pháp tự giác.
Khéo phân biệt chánh tà,
Chẳng theo giác (giác tướng) ngoại đạo
Nhu phạm phụ vọng tưởng,
Chẳng có tánh chơn thật.
Tại sao vọng chấp cho,
Phi tánh là giải thoát?
Quán sát pháp hữu vi,
Sanh và diệt tương tục.
Điên đảo Vô sở Tri,
Tăng trưởng theo nhị kiến.
Chơn Đế chi là một,
Niết Bàn là không lỗi
Quán sát việc thế gian,
Nhu hoa đóm mộng huyễn
Dù có tham sân si,
Có cũng như mộng huyễn.
Ái dục sanh ngũ âm,
Thân người vốn chẳng thật.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng vọng tưởng chẳng thật. Vọng tưởng đã chẳng thật, do đâu mà sanh khởi? Pháp gì gọi là vọng tưởng chẳng thật? Ở trong pháp nào có vọng tưởng chẳng thật?

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Người khéo hỏi Như Lai những nghĩa như thế, là thương xót tất cả Trời, Người thế gian, khiến họ được nhiều lợi ích và nhiều an lạc. Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì người mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Mỗi mỗi nghĩa lý là mỗi mỗi vọng tưởng chấp trước chẳng thật, do đó sanh khởi vọng tưởng. Đại Huệ! Người chẳng biết tự tâm hiện lượng, đọa kiến chấp hữu và vô, chấp trước năng nhiếp sở nhiếp, tăng trưởng kiến chấp của ngoại đạo. Do tập khí vọng tưởng, chấp trước đủ thứ nghĩa lý của ngoại đạo, đối với pháp Tâm, Tâm số (1) vọng tưởng chấp trước, cho là chỗ nhân duyên sanh khởi của ngã và ngã sở.

(1) *Pháp Tâm, Tâm Số: Tâm là tâm vương, gồm tám thứ thức, chấp cho là ngã. Tâm Số gồm năm mươi một thức, như tham, sân, si v.v.. cho là sở hữu của ngã, chấp là ngã sở.*

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu mỗi mỗi nghĩa lý mỗi mỗi chẳng thật, do tập khí vọng tưởng, chấp trước những pháp tâm và tâm số mà sanh khởi kiến chấp ngã và ngã sở. Thế Tôn! Nếu như thế thì mỗi mỗi tướng nghĩa của ngoại đạo, đọa tướng hữu và vô, lia tướng thấy, lia tánh phi tánh. Thế Tôn! Đệ Nhất Nghĩa cũng thế, lia tướng nhân căn lượng thí dụ phân biệt. Thế Tôn! Tại sao chỉ có một chỗ nghĩa vọng tưởng chẳng thật của ngoại đạo thì mỗi mỗi tánh vọng tưởng chấp trước sanh, mà chấp trước chỗ Đệ Nhất Nghĩa thì vọng tưởng bất sanh? Nói một sanh (ngoại đạo), một bất sanh (Phật), há chẳng phải Thế Tôn thuyết tà nhân Luận ư?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải vọng tưởng một sanh một bất sanh. Tại sao? Vì bậc Thánh vọng tưởng hữu vô bất sanh, nên ngoài hiện tánh phi tánh, do giác được tự tâm hiện lượng mà vọng tưởng bất sanh. Đại Huệ! Ta nói mỗi tướng vọng tưởng tự tâm của phàm phu, vì trước kia đã tạo nghiệp chấp trước phân biệt, nên mỗi mỗi tánh tướng vọng tưởng sanh. Nay muốn khiến phàm phu ngộ pháp vốn vô sanh, phải lia kiến chấp ngã và ngã sở, lia kiến chấp vọng tưởng năm pháp tự tánh, thì thân tâm chuyển biến, thấu rõ cảnh giới Cứu Cảnh Nhất Thiết Địa của Như Lai tự giác, Do nhân duyên này nên ta nói vọng tưởng từ chấp trước mỗi nghĩa chẳng thật mà sanh. Nếu ngộ nghĩa như thật thì chẳng sanh, mà được giải thoát mỗi mỗi vọng tưởng của tự tâm.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Từ nhân duyên hữu vô,
Mà sanh khởi thế gian.
Vọng tưởng chấp Tứ cú,
Chẳng rõ Thuyết Thông ta
Thế gian chẳng hữu sanh,
Cũng chẳng phải vô sanh.
Chẳng từ hữu, vô sanh,
Cũng chẳng phi hữu vô.
Tại sao những phàm phu,
Vọng tưởng chấp nhân duyên.
Tất cả pháp vô sanh,
Do nhân duyên có sanh.
Phi hữu cũng phi vô,
Cũng chẳng phải hữu vô.
Quán thế gian như thế,
Chuyển tâm đắc vô ngã.
Tất cả duyên sở tác,
Sở tác chẳng tự có.

Việc chẳng tự sanh việc,
Vi có lỗi hai việc.
Nếu chẳng lỗi hai việc,
Thì chẳng tánh đề đắc.
Quán các pháp hữu Vi,
Lìa năng duyên sở duyên.
Tâm lượng của vô Tâm,
Ta nói là tâm lượng.
Nơi tự tánh nói lượng,
Nhân duyên thấy đều lìa.
Tự tánh vốn trong sạch,
Ta gọi là tâm lượng
Phương tiện lập tục đế,
Bổn Lai chẳng sự thật,
Phương tiện lập ngũ âm,
Chẳng thật cũng như thế.
Có bốn thứ bình đẳng:
Tướng vô Tướng bình đẳng,
Sanh vô sanh bình đẳng,
Ngã Vô ngã bình đẳng,
Tu sở tu bình đẳng.
Vọng tưởng tập khí chuyển,
Có mỗi mỗi tâm sanh.
Cảnh giới hiện bên ngoài,
Là tâm lượng thể tục.
Ngoài hiện vốn chẳng có,
Tâm lại thấy đủ thứ.
Do kiến lập thân tài,
Ta nói là Tâm Lượng.
Lìa tất cả kiến chấp,
Năng tưởng và sở tưởng.
Vô đắc cũng vô sanh,
Ta nói là Tâm Lượng.
Phi tánh chẳng phi tánh,
Tánh phi tánh đều lìa.

Nơi tâm được giải thoát,
Ta nói là Tâm Lượng.
Như như với hư không,
Niết Bàn và pháp giới
Mỗi mỗi ý sanh thân,
Ta nói là Tâm Lượng.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn sở thuyết, Đại Bồ Tát nên thấu ngữ nghĩa. Thế nào là Bồ Tát khéo thấu ngữ nghĩa? Thế nào là ngữ? Thế nào là nghĩa?

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Thế nào là Ngữ? Là nói nương theo cổ họng, môi, lưỡi, răng, nước, cảm, hòa hợp vọng tưởng, sanh ra văn tự ngôn thuyết, do đó tập khí chấp trước sanh khởi, ấy gọi là Ngữ. Thế nào là Nghĩa? Là nói lia tất cả tướng vọng tưởng và ngôn thuyết mà hiển bày tánh nghĩa, ấy gọi Nghĩa. Đại Huệ! Đại Bồ Tát ở nơi tĩnh lặng, dùng huệ Văn, Tư, Tu, quán theo nghĩa này thì được duyên tự giác liễu, hướng vào thành Niết Bàn, cho đến thân tập khí chuyển biến rồi thì chứng cảnh giới tự giác, khéo quán tướng nghĩa Thắng Tiên từ Sơ Địa đến Thập Địa, ấy gọi là Đại Bồ Tát khéo thông tướng nghĩa.

- Lại nữa, nói Đại Bồ Tát khéo thông ngữ nghĩa là quán ngữ và nghĩa chẳng phải khác, chẳng phải không khác; quán nghĩa và ngữ cũng như thế. Nếu ngữ khác với nghĩa thì chẳng do ngữ mà hiểu nghĩa, thật thì do ngữ vào nghĩa, cũng như ngọn đèn chiếu soi mà hiện sắc tướng vậy.

- Lại nữa, Đại Huệ! Tự tánh Niết Bàn bất sanh bất diệt, Tam Thừa, Nhất Thừa, tâm và tự tánh vốn bình đẳng. Nếu duyên theo nghĩa ngôn thuyết chấp trước, thì đọa kiến chấp phủ nhận và kiến lập, cho có kiến lập khác biệt và vọng tưởng khác biệt, hiện mỗi mỗi vọng tưởng như huyền. Ví như mỗi mỗi tướng huyền, chúng sanh ngu si cho là vọng tưởng có khác biệt, chẳng phải Thánh Hiền vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Theo vọng tưởng ngôn thuyết,
Kiến lập nơi các pháp.
Do lỗi kiến lập ấy,
Chết rồi đọa địa ngục.
Trong âm chẳng có ngã,
Âm tức chẳng phải ngã.
Cũng chẳng phải vô ngã,
Chẳng như vọng tưởng kia.
Chấp tất cả có tánh,
Là vọng tưởng phạm phu.
Nếu như kiến chấp họ,

Tất cả thành Chơn Đệ.
Tất cả pháp vô tánh,
Dơ sạch thấy đều lia.
Kiến chấp họ chẳng thật,
Cũng chẳng phải đoạn diệt.

Lại nữa, Đại Huệ! Nay ta sẽ thuyết tướng Trí Thức, nếu người và các Bồ Tát khéo phân biệt được tướng Trí Thức, tức là thông đạt tướng Trí Thức, sẽ chóng đắc vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại Huệ! Có ba thứ trí là: Thế gian trí, xuất thế gian trí và xuất thế gian thượng thượng trí. Thế nào là Thế gian trí? Là nói tất cả phàm phu ngoại đạo chấp trước hữu và vô. Thế nào là xuất thế gian trí? Là nói tất cả Thanh Văn, Duyên Giác do chấp trước hy vọng chứng quả Niết Bàn, đọa tự tướng sở chứng cho là cộng tướng. Thế nào là xuất thế gian thượng thượng trí? Ta nói chư Phật Bồ Tát quán pháp vô sanh, thấy bất sanh bất diệt, lia pháp hữu và vô, duyên vô sự Trí, tự chứng đắc nhơn pháp vô ngã của địa vị Như Lai.

Đại Huệ! Sanh diệt là Thức, bất sanh bất diệt là Trí. Lại nữa đọa tướng vô Tướng và đọa mỗi mỗi nhân tướng hữu và vô là Thức, siêu việt tướng hữu vô là Trí. Lại nữa, nuôi dưỡng tướng là Thức, chẳng nuôi dưỡng tướng là Trí. Lại nữa, có ba thứ trí: Là biết sanh diệt, biết tự cộng tướng, biết bất sanh bất diệt. Lại nữa, tướng vô ngại là Trí, mỗi mỗi cảnh giới tướng ngại là Thức. Lại nữa, chấp ba sự hòa hợp (1) sanh tướng phương tiện là Thức, tướng tự tánh chẳng nhờ sự phương tiện là Trí. Lại nữa, đắc tướng là Thức, chẳng đắc tướng là Trí. Vì cảnh giới Tự Giác Thánh Trí chẳng xuất chẳng nhập, như bóng trăng trong nước, chẳng thể đắc vậy.

(1) Ba sự hòa hợp: 1.- Căn bản duyên của thức thứ tám. 2.- Tác ý, tức tự thể của thức thứ sáu. 3.- Chứng tử, tức do thức thứ sáu huân tập mà thành.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tích tụ nghiệp là Thức,
Chẳng tích tụ là Trí.
Quán sát tất cả pháp,
Thông đạt nghĩa vô sanh.
Khi đắc sức tự tại,
Thì gọi là trí huệ.
Tâm lia cảnh giới trói,
Trí giác tướng liền khởi.
Cho đến tướng Thắng Diệu,
Đại trí huệ tự sanh.
Xa lia tư duy tướng,
Tâm, ý, và ý thức.
Bồ Tát vô phân biệt,
Thanh Văn chẳng thể đến.

Tịch tịnh thắng tiến nhẫn (1)
Trí Như Lai trong sạch.
Khéo sanh Thắng nghĩa Đế,
Sở hành thầy xa lia.
Ta thuyết ba thứ trí,
Mơ mang tánh chơn thật.
Nhị thừa có chứng đắc,
Chấp trước nơi tự tánh.
Nơi tướng tư duy kia,
Nhiếp thọ tất cả tướng.
Thành Thanh Văn, Duyên Giác.
Bậc trí lia chư hữu,
Siêu việt những tâm lượng,
Là thanh tịnh Như Lai.

(1) Tịch tịnh thắng tiến nhẫn: Trong Kinh Nhơn Vương nói năm thứ nhẫn là: Điều phục nhẫn, Tín nhẫn, Thuận nhẫn, vô sanh nhẫn và Tịch diệt nhẫn.

- Lại nữa, Đại Huệ! Ngoại đạo có chín thứ Chuyển Biến Luận (1) sanh kiến chấp chuyển biến của ngoại đạo, ấy là: Hình Xứ chuyển biến, Tướng chuyển biến, Nhân chuyển biến, Thành chuyển biến, Kiến chuyển biến, Tánh chuyển biến, Duyên Phân Minh chuyển biến, Sở Tác Phân Minh chuyển biến, Sự chuyển biến, gọi là chín thứ kiến chấp chuyển biến.

(1) Chín thứ Chuyển Biến Luận Của Ngoại Đạo:

- 1.- Hình Xứ chuyển biến: Là nói chúng sanh luân hồi trong lục đạo, mỗi mỗi hình tướng và vức sở chuyển biến chẳng đồng.*
- 2.- Tướng chuyển biến: Là tướng của tứ đại ngũ ấm sanh, trụ, diệt chuyển biến chẳng đồng.*
- 3.- Nhân chuyển biến: Do chúng tử làm nhân, nhân diệt thì quả sanh, chuyển biến chẳng đồng.*
- 4.- Thành chuyển biến: Là nói do nhân duyên thành tựu các pháp, có thành có hoại, chuyển biến chẳng đồng.*
- 5.- Kiến chuyển biến: Nói các pháp tùy thời gian biến đổi, trước thấy thì đúng, sau thấy thì sai, chuyển biến chẳng đồng.*
- 6.- Tánh chuyển biến: Nói các pháp chuyển lạ thành quen, chuyển đắng thành ngọt, chuyển biến chẳng đồng.*
- 7.- Duyên Phân Minh chuyển biến: Nói mười hai nhân duyên sanh diệt chẳng ngừng, phân minh chuyển biến chẳng đồng.*
- 8.- Sở Tác Phân Minh chuyển biến: Do duyên sở tác thành quả, có sanh rồi lại diệt, chuyển biến chẳng đồng.*
- 9.- Sự chuyển biến: Nói căn, thân, khí giới (vũ trụ vạn vật) các pháp hữu vi cuối cùng đều phải biến hoại.*

Chín thứ chuyển biến này hoặc từ vô thành hữu, hoặc từ hữu thành vô, do đó vọng

- Đại Huệ! Tất cả ngoại đạo vì chấp hữu và vô, sanh khởi Chuyển Biến Luận. Thế nào là Hình Xứ chuyển biến? Là thấy nhiều hình xứ khác nhau, ví như vàng ròng chuyển biến thành các thứ đồ dùng thì có mỗi mỗi hình xứ hiển hiện, mà chẳng phải có tánh vàng chuyển biến. Tất cả chuyển biến cũng như thế. Hoặc có ngoại đạo tự sanh vọng tưởng như thế; từ vọng tưởng Hình Xứ chuyển biến cho đến Sự chuyển biến, tất cả tánh của chín thứ chuyển biến như thế, chẳng phải như vọng tưởng, cũng chẳng phải khác với vọng tưởng. Nên biết vọng tưởng chuyển biến của ngoại đạo, cũng như tô lạp, rượu, trái cây, v.v.. từ nhân ban sơ chuyển biến thành quả chín mùi, hoặc có hoặc không, tất cả đều do tự tâm hiện, ngoài tánh phi tánh, thật ra tự tâm chẳng có chuyển biến. Đại Huệ! Chúng sanh ngu si như thế, tự sanh vọng tưởng tu tập, thấy pháp hữu vô hoặc sanh hoặc diệt, như thấy sắc tướng sanh nơi mộng huyền vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muôn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Lúc hình xứ chuyển biến,
Là tứ đại chuyển biến.
Trung âm (thân) chẳng tứ đại,
Cũng không ngoài hình xứ.
Chuyển biến thuộc vọng tưởng,
Chẳng phải bậc Minh trí.
Vậy duyên khởi thế gian,
Như thành Càn Thát Bà.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết nghĩa tương tục và giải thoát của tất cả pháp. Nếu khéo phân biệt tướng của tất cả pháp tương tục hay chẳng tương tục, sẽ khiến con và các Bồ Tát khéo hiểu tất cả phương tiện khéo léo, chẳng đọa nghĩa sở thuyết của ngoại đạo chấp trước tương tục. Đối với tướng tương tục, chẳng tương tục của tất cả các pháp, lia vọng tưởng ngôn thuyết vẫn tự đạo qua tất cả cõi Phật, trước vô lượng đại chúng hiện sức tự tại thần thông, Tổng trì Pháp ấn, đủ thứ biến hóa, ánh sáng chiếu soi giác huệ, khéo dùng Thập vô tận cú, vô lượng phương tiện hạnh, cũng như nhật nguyệt, châu Ma Ni và tứ đại, nơi tất cả Địa, lia tự tướng vọng tưởng mà hiện. Thấy tất cả pháp như mộng huyền, vào địa vị Phật nơi tất cả cõi chúng sanh, tùy cơ thích ứng mà thuyết pháp để dẫn dắt họ, khiến được an trụ tự tâm, lia pháp hữu vô và vọng tưởng sanh diệt, tất cả các pháp như mộng huyền v.v.. Chuyển tướng Sở Y thành thân Tối Thắng, khác với nghĩa ngôn thuyết của ngoại đạo.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì người mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả các pháp vô lượng, như nghĩa sở thuyết chấp trước tương tục của ngoại đạo, ấy là: Tướng chấp trước tương tục, Duyên chấp trước tương tục, Tánh Phi Tánh chấp trước tương tục, vọng tưởng Sanh Bất sanh chấp trước tương tục, vọng tưởng Diệt Bất Diệt chấp trước tương tục, vọng tưởng Thừa Phi Thừa chấp trước tương tục, vọng tưởng hữu Vi, vô vi chấp trước tương tục, vọng tưởng Địa Địa Tự Tướng chấp trước tương tục, vọng tưởng Tự Vô gián chấp trước tương tục, vọng

tướng Y Pháp hữu vô của ngoại đạo chấp trước tương tục, vọng tướng Tam Thừa, Nhất Thừa vô gián chấp trước tương tục.

- Lại nữa, Đại Huệ! Đây là những chúng sanh ngu si tự sanh vọng tướng tương tục. Phàm phu vọng tướng, đem những tương tục này, như con tằm nhả tơ làm kén, dùng tơ vọng tướng tự trôi trôi người, tương tục chấp trước tướng có và không có.

- Lại nữa, Đại Huệ! Trong đó thật chẳng có tướng tương tục và bất tương tục. Nếu quán tất cả pháp tịch tịnh thì vọng tướng chẳng sanh, nên Đại Bồ Tát phải quán tất cả pháp tịch tịnh.

- Lại nữa, Đại Huệ! Giác được ngoài tánh phi tánh thì tướng tự tâm hiện lượng chẳng có, thuận theo sự quán sát tự tâm hiện lượng chẳng có thì tất cả Tánh hữu và vô đều vô tướng. Vì tương tục tịch tịnh, nên nơi tất cả pháp chẳng có tướng Tương tục và bất Tương tục.

- Lại nữa, Đại Huệ! Trong đó chẳng có trời hay mở, cũng chẳng đọa tri kiến không thật không như thật cho là có trời có mở. Tại sao? Vì tất cả pháp hữu và vô đều bất khả đắc. Nếu thấy có tất cả pháp để Không là chưa thể quên nơi pháp; thấy có tất cả chúng sanh để độ thì chưa thể quên nơi chúng sanh, dù nói mở trời, nhưng chưa lia trời, chẳng thể gọi là cảnh giới chơn như thật tế.

- Nếu giác ngộ như thật tế, đối với tất cả pháp chẳng thấy có tất cả pháp để Không tức là nơi pháp mà lia pháp; độ tất cả chúng sanh chẳng thấy có tất cả chúng sanh để độ, tức là nơi chúng sanh mà lia chúng sanh, vì tất cả pháp và tất cả chúng sanh đều bất khả đắc vậy.

- Lại nữa, Đại Huệ! Phàm phu có ba thứ tương tục (là nguồn gốc của mười một thứ tương tục kể trên) ấy là: Tham, sân, si, nghiệp ái và tham ái của kiếp sau. Từ tham, sân, si sanh ra nghiệp ái và tham ái kiếp sau, do ba thứ tương tục này, khiến chúng sanh tương tục luân hồi trong lục đạo. Đại Huệ! Nếu tương tục đoạn dứt thì chẳng có tương tục và bất tương tục.

- Lại nữa, Đại Huệ! Chấp trước ba duyên hòa hợp (1) làm phương tiện thì sanh thức ấm tương tục chẳng ngừng, vì chấp trước phương tiện nên có tương tục. Nếu ba duyên hòa hợp và thức ấm đoạn dứt thì thấy được ba giải thoát, tất cả tương tục đều chẳng sanh.

(1) Ba duyên hòa hợp: Tức là căn, cảnh, thức. Căn là lục căn, cảnh là lục trần. Thức là lục thức. Tất cả pháp đều do ba thứ nhân duyên này hòa hợp sanh khởi.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Vọng tướng chẳng chơn thật,

Nói là tướng tương tục.

Nếu liễu tri chơn thật,

Thì lưới tương tục dứt.

Vì chúng sanh vô tri,

Tùy ngôn thuyết nhiếp thọ.

Ví như con tằm kia,

Nhả tơ để tự trôi.

Vọng trời của phàm phu,

Tương tục cũng như thế.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Như Thế Tôn sở thuyết, vì chấp trước mỗi mỗi nghĩa, mỗi mỗi vọng tưởng chẳng thật mà vọng tưởng sanh. Thế thì mỗi mỗi vọng tưởng phân biệt, mỗi mỗi các pháp vốn chẳng thật tánh, chỉ là hư vọng phân biệt mà thôi. Thế Tôn! Nếu chỉ có vọng tưởng tự tánh chẳng phải có pháp tự tánh khác làm đối đãi mà khởi thì các pháp đều chẳng tự tánh. Há chẳng phải Thế Tôn nói "Tập khí phiền não với thanh tịnh Niết Bàn thầy đều vô tánh ư?" Nếu nhiễm tịnh đều hoại, há chẳng phải có cái lỗi các pháp đoạn diệt ư? Tại sao Thế Tôn nói tất cả pháp chỉ là tự tánh vọng tưởng, là phi tánh, chẳng có thật thể? Há chẳng phải thành kiến chấp đoạn diệt ư?

Phật bảo Đại Huệ: Đúng thế, đúng thế! Như người sở thuyết, Đại Huệ! Như Thánh Trí có tánh của tự tánh là: Thánh tri, Thánh kiến, Thánh huệ nhãn, như thế, tánh của tự tánh tự tri, chẳng như tánh chấp của phàm phu, cho vọng tưởng tự tánh là chơn thật. Cái vọng tưởng tự tánh này chẳng phải có tánh tướng của tự tánh vậy.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Giả sử bậc Thánh dùng Thánh tri, Thánh kiến, Thánh huệ nhãn tự tri, chẳng như Thiên nhãn và Nhục nhãn của phàm phu do vọng tưởng phân biệt mà tri. Thế thì vọng tưởng phân biệt chẳng thể kiến tánh đã rõ ràng, làm sao phàm phu được lìa vọng tưởng này? Chỉ có cảnh giới giác tri đúng như thật của bậc Thánh mới chuyển được vọng thức, xa lìa vọng tưởng phân biệt. Thế Tôn! Phàm phu hay phân biệt mỗi mỗi pháp, chẳng phải điên đảo; nhưng chẳng thể lìa mỗi mỗi phân biệt, cũng chẳng phải không điên đảo. Tại sao? Vì chẳng thể thấy cảnh giới như thật của bậc Thánh, và chẳng thấy tướng lìa hữu và vô.

- Thế Tôn! Bậc Thánh cũng có phân biệt như thế, cũng thấy như sự vọng tưởng, do tướng chẳng lìa sự, cũng là chấp tướng. Chấp tướng là cảnh giới của phàm phu, chẳng chấp tướng mới là cảnh giới tự sở hành của bậc Thánh. Bậc Thánh chẳng cho cảnh giới tự tướng là cảnh giới, do cảnh giới của phàm phu mà tự tâm thấy cảnh giới. Theo tướng duy nhất là vô tướng, Bản thể của vô tướng là Pháp Thế; bậc Thánh cũng thấy có tướng tự tánh, cũng thấy có pháp thể nơi tự tánh, nơi tướng của tự tánh phân biệt pháp thể cũng giống như vọng tưởng của phàm phu. Hiện hiện tự tánh như thế, chỉ là chẳng nói hữu nhân mà gọi là hữu, chẳng nói vô nhân mà gọi là vô, cho nên chẳng nói hữu vô, vì nói hữu nói vô thì đọa kiến chấp tánh tướng của các pháp. Nói bậc Thánh "chẳng đọa nơi hữu và vô" như thế này là chẳng đọa nơi tướng thấy là cảnh giới tự tướng, nên chẳng phải phàm phu có thể so bằng mà khác với cảnh giới của phàm phu. Nhưng sự thấy của bậc Thánh hoặc thấy cho là hữu nhân thì đọa nơi hữu, hoặc thấy cho là vô nhân thì đọa nơi vô, theo những thuyết kể trên là có rất nhiều lỗi. Tại sao? Vì chẳng biết tất cả pháp tướng vốn chẳng có tướng tự thể vậy.

- Thế Tôn! Do vọng tưởng tự tánh phân biệt, chẳng thể thấy được tánh tướng của tự tánh, vậy cái nào là vọng tưởng, cái nào chẳng phải vọng tưởng? Làm sao như thật mà biết vọng tưởng? Thế Tôn! Tướng vọng tưởng và tướng tự tánh có khác hay chẳng khác? Nếu nói tướng vọng tưởng và tướng tự tánh chẳng khác thì chẳng có cái nhân tương tự, vậy tại sao phàm phu chẳng như thật biết chỗ chẳng vọng tưởng của các pháp? Nếu nói là chúng sanh lìa vọng tưởng, thì tướng vọng tưởng chẳng như thật mà có, vậy tại sao Thế Tôn khiến chúng sanh lìa kiến chấp các pháp hữu vô mà lại chấp trước có cảnh giới của bậc Thánh, đọa nơi hữu kiến? Sao chẳng nói pháp Không tịch tịnh phi tánh, mà lại nói sự Thánh Trí tự tánh?

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ta chẳng thuyết pháp Không phi tánh, cũng chẳng phải đọa nơi hữu kiến, nói sự Thánh Trí tự tánh. Vì muốn khiến chúng sanh lia sự kinh sợ, do chúng sanh từ vô thi đến nay chấp trước tánh tướng của tự tánh và sự Thánh Trí tự tánh, đã chấp thật có tướng, nếu nói pháp Không thì họ kinh sợ, nên ta chẳng nói tánh tướng của tự tánh. Nhưng ta trụ nơi pháp Không như thật đã tự chứng đắc, lia tướng mê hoặc, lia kiến chấp tánh phi tánh do sự tâm hiện đặc tâm giải thoát, đúng như pháp ấn thật tướng sở ẩn, nơi tánh của tự tánh do tự giác quán sát, lia tướng thấy hữu và vô.

- Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ Tát chẳng nên lập "Tất Cả Pháp Bất sanh" làm tông. Tại Sao? Vì tông của tất cả tánh đều phi tánh, do có nhân đối đãi sanh ra tướng, nên nói tất cả pháp chẳng thể lập tông, lập tông ắt phải hoại. Nói "Lập tông phải hoại" là vì tông ấy do sự đối đãi mà lập. Nếu tất cả pháp chẳng lập tông thì tướng vô sanh chẳng hoại, nên "Tất cả pháp chẳng thể lập tông thì hoại". Đại Huệ! Hữu và vô chẳng sanh tông, vì đem tông vào tất cả tánh thì tướng hữu vô bất khả đắc. Đại Huệ! Giả sử tông kia chẳng sanh, đem "tất cả tánh chẳng sanh" mà lập tông, thế thì tông kia phải hoại. Vì tánh tướng hữu và vô bất sanh, do đó chẳng nên lập tông; vì năm phần luận (logic) có rất nhiều lỗi (Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận ghi có ba mươi lỗi), là do nhiều tướng khác biệt lần lượt làm nhân lẫn nhau và có sở tác, do đó chẳng nên lập tông. Nói tất cả pháp bất sanh thì tất cả pháp không, như thế, tất cả pháp không có tự tánh thì chẳng nên lập tông.

- Đại Huệ! Nhưng Đại Bồ Tát thuyết tất cả pháp như mộng huyễn, vì thấy tướng hiện hay chẳng hiện là do lỗi của sự thấy biết, nên nói tất cả pháp tánh như mộng huyễn. Đại Huệ! Vì phạm phu đọa kiến chấp hữu và vô, muốn lia sự kinh sợ của họ phải tùy cơ thuyết pháp, chớ khiến họ sanh tâm khủng bố, xa lia pháp Đại thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa nà mà thuyết kệ rằng:

Vô thuyết vô Tự tánh,
Vô sự vô Tương tục.
Phàm phu vọng chấp thật,
Như xác chết có giác.
Tất cả pháp bất sanh,
Chẳng như tông ngoại đạo.
Các pháp vốn vô sanh,
Do nhân duyên thành tự.
Tất cả pháp bất sanh,
Bậc trí chẳng phân biệt.
Việc do lập tông sanh,
Kẻ giác phải diệt trừ.
Ví như mắt bệnh nhặm,
Vọng thấy tướng hoa đốm.
Tánh chấp trước cũng thế,
Do phạm phu vọng tưởng.
Phân biệt hiện tam giới,

Sự Tự Tánh chẳng có,
Mà lập sự tự tánh,
Vì tư duy khởi vọng,
Tùy sự lập ngôn giáo,
Vọng tưởng rất lăng tăng.
Phật tử hãy siêu thoát,
Xa lìa các vọng tưởng.
Phi nước tưởng là nước,
Do khát nước vọng sanh.
Phàm phu mê như thế,
Bậc Thánh chẳng thấy vậy.
Bậc Thánh thấy trong sạch,
Chánh định tam giải thoát.
Xa lìa nơi sanh diệt,
Dạo đi cõi vô sanh.
Tu hành vô sở tu,
Cũng chẳng tánh phi tánh.
Tánh phi tánh bình đẳng,
Do đó sanh Thánh quả.
Thế nào tánh phi tánh?
Thế nào pháp bình đẳng?
Tâm tri tâm bất tri,
Trong ngoài và động tịnh.
Nếu người được đoạn dứt,
Ắt thấy tâm bình đẳng.

Khi ấy, Đại Huệ lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn sở thuyết, trí huệ quán sát Tiền Cảnh phan duyên các pháp, chẳng thấy có một pháp để đắc, ấy chỉ là giả lập phương tiện, sở nhiếp thọ và năng nhiếp thọ phi tánh thì cả hai đều không, thế thì trí cũng chẳng thể nhiếp thọ cái thuyết "Phân biệt bất sanh", ấy gọi là Trí. Vậy cái tên Trí này cũng là phương tiện giả lập mà thôi. Thế nào? Thế Tôn! Vì chẳng giác được tánh của tự tướng cộng tướng khác hay chẳng khác nên chẳng đắc tướng trí ư? Hoặc vì mỗi mỗi tánh tướng của tự tướng cộng tướng tự che khuất nên chẳng đắc tướng trí ư? Hoặc vì hòn núi vách đá địa, thủy, hỏa, phong làm chướng ngại nên chẳng đắc tướng trí ư? Hoặc vì quá xa quá gần nên chẳng đắc tướng trí ư? Hoặc vì quá già quá nhỏ, mù điếc, các căn chẳng đủ nên chẳng đắc tướng trí ư?

- Thế Tôn! Nếu do chẳng giác được sự khác hay chẳng khác của tự tướng cộng tướng nên chẳng đắc tướng trí thì chẳng nên nói trí, nên nói vô trí, vì có sự "chẳng đắc" vậy. Nếu do mỗi mỗi tánh tướng của tự tướng cộng tướng tự che khuất nên chẳng đắc tướng trí thì cũng là vô trí, chẳng phải trí. Thế Tôn! Do có nhĩ diệm (mẹ của trí) nên

trí sanh, chẳng phải vô tánh có thể hợp thành sở tri của nhĩ diệm mà gọi là trí. Nếu do hòn núi vách đá địa, thủy, hòa, phong, quá xa, quá gần, quá già, quá nhỏ, mù điếc, các căn chẳng đủ nên chẳng đắc tướng trí, vậy là vô trí, cũng chẳng phải trí, vì sự "Có Trí" bất khả đắc vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải nghĩa vô trí như người nói mà cho là trí. Ta chẳng nói sự phan duyên ẩn lấp như thế, trí huệ chẳng đắc tướng, là theo phương tiện kiến lập, giác được tự tâm hiện lượng, hữu và vô hữu, ngoài tánh phi tánh, biết mà "Sự" chẳng thể đắc. Vì chẳng đắc nên trí ở nơi "nhĩ diệm" chẳng sanh; nếu tùy thuận ba cửa giải thoát, trí cũng chẳng thể đắc. Nếu người chẳng vọng tưởng thì có cái trí liễu tri các tập khí hư vọng tánh phi tánh từ vô thi, cái tri này phàm phu ngoại đạo chẳng thể tri. Do đó, phàm phu đối với sở ngoại cảnh, tánh tướng vô tánh, vọng tưởng chẳng dứt, vì chấp trước nhiếp thọ, kiến lập tự tâm hiện lượng nói có tướng ngã và ngã sở, mà chẳng biết tự tâm hiện lượng, nơi trí nhĩ diệm mà khởi vọng tưởng, vì vọng tưởng chẳng thể quán sát ngoài tánh phi tánh, lại dựa theo đoạn kiến của ngoại đạo.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Chẳng trụ sự phan duyên,
Và trí huệ quán sát,
Vô Trí tức Chánh Trí,
Vọng cho là phi trí.
Nơi tánh tướng chẳng khác,
Nếu chấp theo quán sát,
Những chướng ngại xa gần,
Ấy gọi là tà trí.
Do lục căn chẳng đủ,
Nói Trí huệ chẳng sanh.
Thật thì có nhĩ diệm,
Ấy cũng gọi là tà trí.

- Lại nữa, Đại Huệ! Phàm phu ngu si chẳng khéo liễu tri, chấp tướng ngoài tánh tự tâm hiện, bị vọng tưởng tà ác hư vọng từ vô thi xoay chuyển. Lúc xoay chuyển thì chẳng thể đạt đến Tự Tông Thông và Thuyết Thông, nên chấp cái thuyết phương tiện, mà chẳng khéo phân biệt tứ cú của Tự Tông và Tướng Thông trong sạch.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Đúng như Phật dạy, cúi xin Thế Tôn vì chúng con phân biệt Thuyết Thông và Tông Thông, khiến con và các Đại Bồ Tát thấu rõ hai thứ thông, cũng khiến phàm phu, Thanh Văn và Duyên Giác đời vị lai chẳng mắc lỗi lầm.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì người mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Tam thế Như Lai có hai thứ pháp thông, là Thuyết Thông và Tự Tông Thông. Nói Thuyết Thông là tùy sự thích ứng của tâm chúng sanh mà thuyết mỗi mỗi pháp ghi đủ trong khế kinh (khế lý khế cơ), gọi là Thuyết Thông. Nói Tự Tông Thông là nói người tu hành lìa mỗi mỗi vọng tưởng do tự tâm hiện, chẳng đọa kiến chấp nhị biên nhất hay dị, đồng hay chẳng đồng, siêu thoát, tất cả tâm, ý, ý thức.

Đối với cảnh giới Tự Giác Thánh Trí, lia kiến chấp nhân duyên và kiến chấp tương ứng do công hạnh tạo tác mà thành. Tất cả ngoại đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, người đọa nhị biên đều chẳng thể biết, ta gọi là pháp Tự Tông Thông. Đại Huệ! Tướng Tự Tông Thông và Thuyết Thông này, người và các Đại Bồ Tát cần nên tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Ta nói hai thứ thông,
Tông thông và Thuyết thông.
Thuyết thông dạy sơ cơ,
Tông thông là giải thoát.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn có khi nói rằng: "Đối với mỗi mỗi lập luận của thế gian chớ nên gần gũi học tập. Nếu gần gũi học tập là nhiếp thọ tham dục, chẳng nhiếp Thọ pháp". Tại sao Thế Tôn nói như thế?

Phật bảo Đại Huệ: Mỗi mỗi nghĩa cú ngôn luận của thế gian nhân duyên tích tập, những nhân duyên thí dụ giống như trang nghiêm để dụ dẫn dối gạt những phàm phu ngu si, chẳng thể vào chơn thật tự thông, chẳng biết tất cả pháp vọng tưởng điên đảo. Phàm phu mê hoặc, đọa nơi tà kiến nhị biên, tự phá hoại chánh kiến chánh pháp, luân hồi lục đạo, chẳng thể giải thoát. Do vọng tưởng chấp trước, chẳng thể giác được tự tâm hiện lượng, chẳng lia ngoài tánh của tự tánh. Do đó, mỗi mỗi lập luận của thế gian chẳng thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, lo, buồn, khổ não, dối gạt và mê hoặc.

- Đại Huệ! Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhân rộng hiểu các luận, tự tạo Thanh Luận. Bọn Thế Luận kia có một người đệ tử hiện hình tượng rồng, đến Thiên cung Đế Thích kiến lập tông chỉ Thế Luận, và hẹn nhau với Thích Đế Hoàn Nhân rằng: "Nay ta cùng người biện luận, nếu ta thắng thì ta sẽ hoại bánh xe ngàn cãm của người, nếu người thắng thì sẽ chém đầu ta để tạ lỗi cho người". Hẹn xong bèn dùng Thế Pháp lật đổ Thanh Luận của Đế Thích, liền phá hủy bánh xe rồi trở về thế gian. Đại Huệ! Như con rồng là súc sinh cũng có thể dùng mỗi mỗi nghĩa cú, ngôn luận thế gian, nhân duyên thí dụ trang nghiêm để mê hoặc chư Thiên và A Tu La, khiến dính mắc kiến chấp sanh diệt, huông là loài người ư! Do đó, ngôn luận thế gian cần nên xa lìa, vì hay làm nhân sanh quả khổ, chớ nên gần gũi học tập.

- Đại Huệ! Bọn Thế Luận chỉ nói cảnh giới thân giác mà thôi. Đại Huệ! Có trăm ngàn Thế Luận kia, sau khi Phật diệt độ năm trăm năm, sẽ phá hoại sự kết tập kinh điển, do ác giác họ thịnh hành nơi thế gian, có nhiều ác đệ tử ham thọ pháp họ. Đại Huệ! Họ dùng đủ thứ nghĩa cú nhân duyên thí dụ trang nghiêm để thuyết việc ngoại đạo dùng Thế Luận để phá hoại sự kết tập kinh điển, vì tự chấp nhân duyên, chẳng có tự thông. Đại Huệ! Bọn ngoại đạo kia chẳng có Tự Thông Luận, lập ra Thế Luận, rộng thuyết vô lượng trăm ngàn sự môn, chẳng thể tự thông, cũng chẳng tự biết ngu si, chấp Thế Luận là chơn lý.

Khi ấy Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu ngoại đạo sở thuyết mỗi mỗi nghĩa cú nhân duyên thí dụ trang nghiêm của Thế Luận, do tự chấp trước, chẳng có tự thông. Thì Thế Tôn cũng thuyết thế luận vì mỗi mỗi Trời, Người, và A Tu La từ các phương đến tụ hội, Phật cũng rộng thuyết vô lượng nghĩa cú, há cũng chẳng phải không có tự thông ư! Há cũng lọt vào số ngôn thuyết trí huệ của tất cả ngoại đạo ư?

Phật bảo Đại Huệ: Ta chẳng thuyết Thế Luận, chẳng thuyết khứ Lai, chỉ thuyết bất khứ bất Lai. Đại Huệ! Lai là tụ họp, Khứ là tan rã, Chẳng Khứ Chẳng Lai là bất sanh bất diệt. Cái nghĩa của Ta thuyết chẳng đọa nơi số vọng tưởng của Thế Luận. Tại sao?

Vì chẳng chấp trước ngoài tánh phi tánh, vọng tưởng nhị biên nơi tự tâm hiện chẳng thể xoay chuyển, là cảnh tướng phi tánh. Giác được tự tâm hiện thì vọng tưởng của tự tâm hiện chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh thì vào ba cửa giải thoát: Không, vô tướng, vô tác, gọi là giải thoát.

- Đại Huệ! Ta nhớ xưa kia cư trú một nơi, có Thế Luận Bà La Môn đến chỗ Ta ở, chẳng màng đến Ta có rảnh hay không, bèn hỏi Ta rằng: "Cù Đàm! Tất cả pháp là sở tác ư?" Ta đáp ngay rằng: "Bà La Môn! Nói tất cả pháp sở tác là thuộc về Thế Luận thứ nhất". Họ lại hỏi: "Tất cả pháp là phi sở tác ư?" Ta cũng đáp rằng: "Tất cả pháp phi sở tác thuộc Thế Luận thứ hai". Họ hỏi tiếp: "Tất cả pháp thường ư? Tất cả pháp vô thường ư? Tất cả pháp sanh ư? Tất cả pháp bất sanh ư?" Ta liền đáp: "Ấy là Thế Luận từ thứ ba đến thứ sáu".

- Đại Huệ! Họ lại hỏi rằng: "Tất cả pháp là nhất ư? Tất cả pháp là dị ư? Tất cả pháp đồng ư? Tất cả pháp chẳng đồng ư? Tất cả pháp do mỗi mỗi thọ sanh mà hiện ư?" Ta trọn đáp rằng: "Ấy là Thế Luận từ thứ bảy đến thứ mười một". Đại Huệ! Họ lại hỏi: "Tất cả pháp vô ký ư? Tất cả là ký ư? Hữu ngã ư? Vô ngã ư? Có đời này ư? Chẳng đời này ư? Có đời khác ư? Chẳng đời khác ư? Có giải thoát ư? Không giải thoát ư? Tất cả là sát na ư? Tất cả chẳng là sát na ư? Là hư không ư? Là chẳng phải số diệt ư? Là Niết Bàn ư? Là do Cù Đàm tác ư? Chẳng phải tác ư? Có thân trung ấm ư? Chẳng thân trung ấm ư?" Đại Huệ! Ta đáp rằng: "Bà La Môn! Những câu hỏi như thế đều là Thế Luận của người, chẳng phải sở thuyết của Ta. Ta chỉ thuyết mỗi mỗi ác nghiệp tập khí vọng tưởng hư ngụy từ vô thi là nhân của tam giới, những người chẳng thể giác tri tự tâm hiện lượng mà sanh vọng tưởng phan duyên ngoài tự tánh, như pháp của ngoại đạo nói: Do ngã và căn, cảnh ba duyên hòa hợp mà có cái biết sanh khởi. Ta thì chẳng như thế. Bà La Môn! Ta chẳng thuyết nhân, chẳng thuyết vô nhân, chỉ thuyết cái tánh vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp giả lập pháp duyên khởi, chẳng phải người và những người chấp ngã tương tục có thể biết được".

- Đại Huệ! Nói Niết Bàn, Hư Không, và Tịch Diệt chẳng phải có ba thứ, chỉ là số lượng có ba mà thôi.

- Lại nữa, Đại Huệ! Khi ấy Thế Luận Bà La Môn lại hỏi Ta rằng: "Do si ái nghiệp làm nhân mà có tam giới ư? Hay là vô nhân ư?" Ta đáp rằng: "Hai thứ này cũng là Thế Luận thôi". Họ lại hỏi: "Tất cả tánh đều vào tự tướng cộng tướng ư?" Ta lại đáp: "Đây là Thế Luận. Bà La Môn! Nói tóm lại, từ những câu hỏi của người cho đến dòng suối ý thức vọng chấp ngoại trần, tất cả đều là Thế Luận".

- Lại nữa, Đại Huệ! Khi ấy Thế Luận Bà La Môn lại hỏi Ta rằng: "Mỗi mỗi nghĩa cú nhân duyên thí dụ trang nghiêm là tông chỉ của tất cả ngoại đạo, đều thuộc Thế Luận, vậy còn có pháp nào chẳng phải Thế Luận ư?" Ta đáp rằng: "Bà La Môn! Có. Mà chẳng phải người có, phi tác phi tông, phi thuyết phi bất thuyết, phi bất nhân duyên thí dụ trang nghiêm". Bà La Môn hỏi: "Thế nào là phi Thế Luận, phi phi tông, phi phi thuyết?" Ta đáp rằng: "Bà La Môn! Có phi Thế Luận mà ngoại đạo các người chẳng thể biết, vì vọng tưởng chẳng thật, hư ngụy chấp trước nơi ngoài thánh. Nói Vọng Tưởng Chẳng Sanh, nêu giác liễu pháp hữu vô và tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh, chẳng nhiễm ngoại trần, dứt hẳn vọng tưởng, ấy gọi là Phi Thế Luận. Đây là pháp tu chẳng phải người có vậy". Khi ấy, Bà La Môn lại lược thuyết sự nhận thức của họ, hoặc khứ hoặc Lai, hoặc sanh hoặc tử, hoặc vui hoặc khổ, hoặc chìm hoặc nổi, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc hòa hợp hoặc tương tục, hoặc ái hoặc nhân ái, chấp trước đủ thứ tướng. Ta nói: "Bà La Môn! So đo như thế đều là Thế Luận của bọn người chẳng phải ta có". Đại Huệ! Thế Luận Bà La Môn hỏi như thế, ta đáp như thế, họ liền im lặng chẳng từ giả mà lui ra, lại còn suy tư chỗ Tự Thông mà nghĩ rằng: "Sa Môn

Thích thử vượt ra ngoài tướng thông, nói vô sanh, vô Tướng, vô nhân, giác được tướng hiện của tự vọng tướng thì vọng tướng chẳng sanh”. Đại Huệ! Đây tức là chỗ người hỏi Ta “Tại sao nói gần gũi Thế Luận đủ thứ biện luận, là nhiếp thọ tham dục, chẳng nhiếp thọ pháp?”

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nhiếp thọ tham dục và pháp có nghĩa cú gì?

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Người khéo vì chúng sanh đời vị lai tư duy xin hỏi nghĩa cú như thế. Ta sẽ vì người mà thuyết, hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Đối với nghĩa Tham, có thủ có xả, hoặc ham tiếp xúc hoặc ham mùi vị, dính mắc ngoại trần, đọa tà kiến nhị biên, do đó luân hồi tương tục, lại sanh ngũ ấm, sanh, lão, bệnh, tử, lo, buồn, khổ não, các thứ nghiệp khổ đều từ tham ái sanh khởi, đều do gần gũi nhiễm tập Thế Luận, thành kẻ Thế Luận. Ta và chư Phật nói là Tham, ấy gọi nhiếp thọ tham dục mà chẳng nhiếp thọ pháp.

- Đại Huệ! Thế nào là Nhiếp Thọ Pháp? Là khéo thấu rõ tự tâm hiện lượng, thấy tướng nhân vô ngã và pháp vô ngã thì vọng tướng chẳng sanh, khéo biết từng bậc tiến lên chư Địa của Bồ Tát, lia tâm, ý, ý thức, được tất cả chư Phật trí huệ quán đánh, trọn vẹn nhiếp thọ Thập vô tận cú, nơi tất cả pháp cũng chẳng có mở mang tự tại, ấy gọi là Pháp, nghĩa là chẳng đọa tất cả kiến chấp, tất cả hư ngụy, tất cả vọng tưởng, tất cả tánh tướng, tất cả nhị biên, v.v... Đại Huệ! Có nhiều hạng si mê ngoại đạo nơi nhị biên, hoặc thường hoặc đoạn, chẳng phải người có trí huệ. Chấp thọ Vô Nhân Luận thì sanh khởi thường kiến, chấp ngoại nhân hoại, nhân duyên phi tánh thì sanh khởi đoạn kiến. Đại Huệ! Ta chẳng thấy sanh, trụ, diệt, nên nói là Pháp. Đại Huệ! Ấy gọi là tham dục và pháp, người và các Đại Bồ Tát cần nên tu học.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tất cả thế gian luận
Là ngoại đạo vọng thuyết.
Vọng thấy tác sở tác,
Thuyết họ chẳng tự thông.
Duy nhất Tự Tông Ta,
Lìa nơi tác sở tác.
Vì các đệ tử thuyết,
Xa lìa những Thế Luận.
Tâm Lượng chẳng thể thấy,
Nhiếp sở nhiếp phi tánh.
Chẳng quán sát hai tâm,
Đoạn thường thấy đều lìa.
Ngoại đạo tâm lưu chuyển.
Ta gọi là Thế Luận.
Người vọng tưởng chẳng chuyển,
Người ấy thấy tự tâm,

Lai thì có sự sanh,
Khứ thì sự chẳng hiện.
Thấu rõ việc khứ lai,
Thì vọng tưởng chẳng khởi.
Hữu thường và vô thường,
Năng tác và sở tác,
Đời này hay đời sau,
Đều là Thế Luận Thông.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Phật nói Niết Bàn, pháp nào gọi là Niết Bàn? Mà các ngoại đạo đối với pháp Niết Bàn mỗi mỗi sanh khởi vọng tưởng khác nhau?

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Như vọng tưởng Niết Bàn của các ngoại đạo, vọng tưởng của họ chẳng tùy thuận Niết Bàn. Hoặc có ngoại đạo diệt âm, giới, nhập, lìa cảnh giới tham dục, thấy pháp vô thường, tâm và tâm pháp chẳng sanh, chẳng ghi nhớ cảnh giới quá khứ, vị lai, hiện tại, thọ âm hết như ngọn đèn tắt, như chúng tử hoại, vọng tưởng chẳng sanh, nghĩ những cảnh giới này cho là Niết Bàn. Đại Huệ! Họ chẳng do hoại tánh kiến, gọi là Niết Bàn.

- Đại Huệ! Hoặc có ngoại đạo cho "từ phương này đến phương kia" gọi là giải thoát, thấy cảnh giới của tướng âm diệt cũng như gió ngưng; hoặc thấy năng giác sở giác đoạn diệt, gọi là giải thoát. Hoặc thấy mỗi mỗi tướng của tư tưởng là cái nhân sanh ra khổ, qua suy nghĩ rồi, chẳng khéo giác tri tự tâm hiện lượng, kinh sợ nơi tướng mà thấy vô sanh, sanh tâm ưa thích, tướng là Niết Bàn. Hoặc có tướng mà thấy vô sanh, sanh tâm ưa thích, tướng là Niết Bàn. Hoặc có ngoại đạo, biết các pháp trong ngoài tự tướng cộng tướng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai có tánh chẳng hoại, cho là Niết Bàn. Hoặc đối với ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng tất cả pháp ngoại, tướng là Niết Bàn. Hoặc có ngoại đạo, trí huệ bị ác kiến thiếu đốt chấp có ngã, kiến tự tánh làm căn bản, thấy tự tánh và sĩ phu, giữa hai có chút ngăn cách, nói Thần ngã của sĩ phu hay sanh tự tánh, vì do sĩ phu sanh ra, gọi là tự tánh, ví như Minh Sơ (1), Cầu Na (2) là y theo Thần ngã ban sơ sanh giác. Cầu Na dụ cho vi trần, cho Cầu Na là tác giả, nói từ vi trần sanh tứ đại, cũng như từ sĩ phu sanh tự tánh, rồi chấp có Thần ngã chấp cõi mười phương, cho là Niết Bàn.

(1) Minh Sơ: Thuật ngữ, Số Luận sư lập hai mươi lăm đế, đế thứ nhất là Minh Đế, vì Minh Đế là ban sơ của các pháp, nên gọi là Minh Sơ.

(2) Cầu Na: Dịch là y chỉ, là thật thể của tứ đại mà sanh ra các đức dụng của sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... Còn ở Thập Cú Nghĩa Luận thì nói gồm hai mươi bốn đức. Ngoài ra, Số Luận nói gồm có ba đức: Vui, buồn và ám muội.

- Hoặc có ngoại đạo nói hết phước và phi phước, hoặc nói các phiền não chẳng do tự trí huệ mà tự dứt, hoặc thấy Cõi Trời Tự Tại là kẻ chơn thật tạo tác sanh tử, cho là Niết Bàn. Hoặc nói chúng sanh ở nơi này chết thọ sanh nơi khác, lần lượt luân hồi từ tám ngàn kiếp đến nay, vô nhân tự có, do đó chấp trước sanh tử chẳng có nhân nào khác, rồi chấp trước vô nhân, tướng là Niết Bàn. Hoặc nói từ tự tánh sanh tứ đại, tứ

đại sanh ý, ý sanh trí, trí sanh ngũ phần, ngũ phần sanh ngũ tri căn, ngũ tri căn sanh ngũ nghiệp căn, ngũ nghiệp căn sanh ngũ đại, gọi là hai mươi lăm Minh Đế của tự tánh, hay sanh các pháp rồi trở về tự tánh thì lia tất cả sanh tử. Chấp Minh Đế này cho là đắc đạo Chơn Đế, tưởng là Niết Bàn.

- Hoặc thấy tướng nhất dị, đồng chẳng đồng hòa hợp sanh khởi công đức (như vi trần sanh khởi thế giới, vi trần là năng tác, thế giới là sở tác, tức là công đức), cho là Niết Bàn. Hoặc thấy vạn vật như cây gai nhọn, như sự lộng lẫy của con công và đủ thứ bửu vật, chẳng có kẻ tác, vô nhân tự có, cho là Niết Bàn.

- Đại Huệ! Hoặc có hai mươi lăm Minh Đế là chơn thật, và cho Lục Đức Luận (1. Thật, 2. Đức, 3. Nghiệp, 4. Tứ Đại, 5. Hòa hợp, 6. Đồng dị) là nhân sanh ra các pháp, nói giữ được hai pháp này hộ trì quốc độ chúng sanh, khiến được an lạc tức là Niết Bàn. Hoặc cho thời gian là kẻ tác tạo ra thời tiết thế gian, kẻ giác như thế, tưởng là Niết Bàn. Hoặc thấy tánh, hoặc thấy phi tánh, biết là tánh phi tánh, thấy có giác này với Niết Bàn sai biệt mà chẳng khác, tưởng là Niết Bàn. Đủ thứ vọng tưởng so đo chấp trước của ngoại đạo sở thuyết, nơi lý chẳng thành, bậc Trí nên bỏ những thuyết này vậy.

- Đại Huệ! Niết Bàn vọng tưởng của ngoại đạo, tất cả đều đoạn kiến chấp nhị biên mà họ cho là Niết Bàn. Mỗi mỗi Niết Bàn của ngoại đạo họ tự lập luận, bậc trí huệ quán sát vọng tưởng của họ, tâm ý khứ Lai, trôi giạt lưu động, hoặc sanh hoặc diệt, lập như vô sở lập, thật thì chẳng có kẻ đắc Niết Bàn.

- Đại Huệ! Pháp Niết Bàn của Ta thuyết là khéo giác tự tâm hiện lượng, chẳng chấp ngoài tánh, lia nơi tứ cú, thấy chỗ như thật, chẳng đọa tự tâm hiện và vọng tưởng nhị biên, năng nhiếp sở nhiếp bất khả đắc, tất cả đo lường chẳng thấy sở thành, đối với vọng chấp chơn thật của phàm phu chẳng nên nhiếp thọ. Người xả bỏ rồi thì đắc pháp Tự Giác Thánh Trí, biết hai vô ngã, lia hai phiền não, trừ sạch hai chướng, lia hẳn hai sanh tử, dần dần lên chư Địa, đến địa vị Như Lai, các Tam muội thâm sâu, lia tâm, ý, ý thức, đều như bóng huyễn, gọi là Niết Bàn. Đại Huệ! Người và các Đại Bồ Tát cần nên tu học, chóng xa lia tất cả kiến chấp Niết Bàn của ngoại đạo.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Niết Bàn của ngoại đạo,
Mỗi mỗi sanh vọng tưởng.
Vọng tưởng từ tâm khởi,
Chẳng cách nào giải thoát.
Không dây mà tự trói,
Xa lia phương tiện khéo.
Dù tưởng là giải thoát,
Thật chẳng thể giải thoát.
Tướng thông của ngoại đạo,
Nhiều loại trí khác nhau.
Vì ngu si vọng tưởng,
Giải thoát chẳng có phần.
Tất cả ngoại đạo kia,

Vọng thấy tác, sở tác.
Chấp hữu, vô lập luận,
Thầy đều chẳng giải thoát.
Phàm phu ham vọng tưởng,
Chẳng nghe pháp chơn thật.
Chơn thật diệt nhân khổ,
Tam giới gồm ba khổ:
Khổ khổ và hoại khổ,
Hành tam ác đạo khổ.
Ví như tượng trong gương,
Dù hiện mà chẳng thật.
Vọng tưởng nơi tâm gương,
Phàm phu sanh nhị kiến.
Chẳng biết tâm và duyên,
Sanh vọng tưởng nhị biên.
Liễu tâm và cảnh giới,
Thì vọng tưởng chẳng sanh.
Tâm thể tức vạn pháp,
Sự hiện mà chẳng hiện.
Xa lìa tướng sở tướng
Như phàm phu phân biệt.
Vọng tưởng sanh tam giới,
Vọng hiện đủ thứ tướng.
Đều chẳng có nghĩa thật,
Mà kẻ ngu chẳng biết.
Chư kinh nói vọng tưởng,
Chẳng ra ngoài giả danh.
Nếu lìa nơi ngôn thuyết,
Phật nói vô sở thuyết.

-Quyển Bốn-

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì chúng sanh thuyết Tam Miệu Tam Phật Đà, khiến con và các Đại Bồ Tát đối với tự tánh của Như Lai, khéo tự giác và giác tha.

Phật bảo Đại Huệ: Cho ngươi tùy ý hỏi, Ta sẽ tùy sự hỏi của ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác là tác hay chẳng tác? Là sự ư? Là nhân ư? Là tướng ư? Là sở tướng ư? Là thuyết ư? Là sở thuyết ư? Là giác ư? Là sở giác ư? Những từ ngữ như thế là khác hay chẳng khác?

Phật bảo Đại Huệ: Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đối với những từ ngữ này Phi sự cũng Phi nhân. Tại sao? Vì đều có lỗi. Đại Huệ! Nếu Như Lai là Sự, hoặc tác hoặc vô thường; nếu nói vô thường thì tất cả sự đều là Như Lai, Ta và chư Phật chẳng cho như thế. Nếu chẳng phải sở tác, là vô sở đắc, pháp phương tiện thành không, đồng như sừng thỏ, như con của Thạch Nữ, vì chẳng có gì cả. Đại Huệ! Nếu vô sự vô nhân thì phi hữu, phi vô. Nếu phi hữu, phi vô thì lọt vào tứ cú; tứ cú là ngôn thuyết của thế gian, nếu lia tứ cú thì chẳng đọa tứ cú, vì chẳng đọa tứ cú là chứng đắc của bát trí, nghĩa cú của tất cả Như Lai cũng như thế. Đại Huệ nên biết, như Ta sở thuyết, tất cả pháp vô ngã. Nếu biết nghĩa vô ngã là tánh vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh, chẳng tha tánh như trâu ngựa. Đại Huệ! Ví như con trâu chẳng có tánh ngựa, con ngựa chẳng có tánh trâu. Kỳ thật phi hữu, phi vô, nghĩa ấy chẳng phải không có tự tánh. Như thế, Đại Huệ! Tất cả các pháp chẳng phải không có tự tướng, có tự tướng nhưng vô ngã, chẳng phải phạm phu dùng vọng tưởng có thể biết. Nói tất cả pháp Không, vô sanh, vô Tự Tánh, nên biết nghĩa như trên.

- Như Lai nói ngữ âm chẳng phải khác chẳng phải không khác. Nếu chẳng khác tức là vô thường, nếu khác thì phương tiện thành không. Nếu cho là hai thì phải có khác, như sừng trâu, mỗi mỗi tương tự nên chẳng khác; có dài ngắn sai biệt nên có khác, tất cả pháp cũng như thế. Đại Huệ! Như sừng trâu bên phải khác với sừng trâu bên trái, sừng bên trái khác với sừng bên phải, đủ thứ sắc tướng dài, ngắn mỗi mỗi khác nhau cũng như thế. Đại Huệ! Như Lai nói âm giới nhập chẳng phải khác hay không khác. Do đó, pháp sở thuyết của Như Lai gọi là giải thoát. Nếu Như Lai khác với giải thoát, ắt phải do sắc tướng tạo thành. Nếu do sắc tướng tạo thành thì vô thường, nếu chẳng khác thì người tu hành được tướng giải thoát không thể phân biệt, mà người tu hành thấy có phân biệt, cho nên chẳng phải khác hay chẳng khác, cũng như trí và nhĩ diệm, chẳng phải khác hay chẳng khác.

- Đại Huệ! Nói "Trí và nhĩ diệm chẳng phải khác hay chẳng khác" là phi thường phi vô thường, phi tác phi sở tác, phi hữu vi phi vô vi, phi giác phi sở giác, phi tướng phi sở tướng, phi âm phi khác với âm, phi thuyết phi sở thuyết, phi nhất phi dị, phi đồng phi chẳng đồng. Vì phi nhất phi dị, phi đồng phi chẳng đồng, nên lia tất cả lượng. Lia tất cả lượng thì vô ngôn thuyết, vô ngôn thuyết thì vô sanh, vô sanh thì vô diệt, vô diệt thì tịch diệt, tịch diệt là tự tánh Niết Bàn, tự tánh Niết Bàn là vô sự vô nhân, vô sự vô nhân thì chẳng có phan duyên, chẳng có phan duyên thì siêu việt tất cả hư ngụy; siêu việt tất cả hư ngụy tức là Như Lai, Như Lai tức là Tam Miệu Tam Phật Đà. Đại Huệ! Tam Miệu Tam Phật Đà của Phật Đà lia tất cả căn lượng.

Khi ấy Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Pháp lia chư căn lượng,

Vô sự cũng vô nhân.

Đã lia giác sở giác,

Cũng lia tướng sở tướng.

Âm duyên đồng chánh giác,

Nhất dị chẳng thể thấy.

Nếu thật chẳng thể thấy,

Thì làm sao phân biệt?
Phi tác phi bất tác,
Phi sự cũng Phi nhân.
Phi âm phi lia âm,
Cũng chẳng có pháp khác.
Chẳng phải có các tánh,
Như vọng tưởng họ thấy.
Mỗi mỗi pháp cũng thế,
Phi hữu cũng phi vô.
Vì hữu nên nói vô,
Vì vô nên nói hữu.
Nếu vô chẳng thể lập,
Thì hữu làm sao có!
Hoặc nơi ngã, phi ngã,
Lưu luyến theo ngôn thuyết.
Chìm đắm nơi nhị biên,
Tự hoại, hoại thế gian.
Tạo lỗi chướng giải thoát,
Tướng thông ta quán sát.
Chẳng báng Đại Đạo Sư,
Ấy gọi là chánh quán.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn sở thuyết khế kinh, nói nhiếp thọ bất sanh bất diệt; Thế Tôn cũng nói bất sanh bất diệt là biệt danh của Như Lai. Tại sao Thế Tôn vì vô tánh mà nói bất sanh bất diệt cho là biệt danh của Như Lai?

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói tất cả pháp Bất sanh Bất diệt là chẳng hiện pháp hữu và vô.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Nếu tất cả pháp bất sanh thì pháp Nhiếp Thọ bất khả đắc, vì pháp nhiếp thọ bất sanh. Nếu tất cả pháp bất sanh thì làm sao trong danh tự có pháp? Cúi xin Phật thuyết rõ.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi phân biệt giải thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Như Lai chẳng phải vô tánh, cũng chẳng phải bất sanh bất diệt, nhiếp tất cả pháp, cũng chẳng đợi duyên mà bất sanh bất diệt, cũng chẳng phải vô nghĩa. Đại Huệ! Ta nói ý sanh pháp thân là danh hiệu của Như Lai, nói bất sanh kia chẳng phải cảnh giới của tất cả ngoại đạo Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến Thất Trụ Bồ Tát.

Đại Huệ! Nghĩa bất sanh kia tức biệt hiệu của Như Lai. Đại Huệ! Ví như lưới báu nhân Đà La của Đệ Thích và Bất nhân Đà La, các vật ấy mỗi mỗi có nhiều tên gọi, nhưng chẳng phải có nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải không có tự tánh.

- Như thế, Đại Huệ! Ta ở nơi thế giới Ta Bà này có ba A Tăng Kỳ trăm ngàn danh hiệu, phàm phu thấy đều nghe, mỗi mỗi xưng danh hiệu ta mà chẳng biết là biệt danh của Như Lai Ta. Đại Huệ! Hoặc có chúng sanh biết Ta là Như Lai, hoặc biết ta là Nhất Thiết Trí, hoặc biết là Phật, hoặc biết là Người Cứu Thế, hoặc biết là Người Tự Giác, hoặc biết là Đạo Sư, hoặc biết là Quảng Đạo, hoặc biết là tất cả đạo, hoặc biết là Thiên Nhơn, hoặc biết là Phạm (người thanh tịnh), hoặc biết là Trời, hoặc biết là Tự Tại, hoặc biết là thù thắng, hoặc biết là Tiên Nhơn Tóc Vàng, hoặc biết là Chơn Thật, hoặc biết là mặt trăng, hoặc biết là mặt trời, hoặc biết là Chúa Tể, hoặc biết là vô sanh, hoặc biết là vô diệt, hoặc biết là Tánh Không, hoặc biết là Như Như, hoặc biết là Chơn Đệ, hoặc biết là Thật Tế, hoặc biết là Pháp Tánh, hoặc biết là Niết Bàn, hoặc biết là Thường, hoặc biết là Bình Đẳng, hoặc biết là Bất Nhị, hoặc biết là Vô Tướng, hoặc biết là Giải Thoát, hoặc biết là Đạo, hoặc biết là Sanh v.v...

Đại Huệ! Ba A Tăng Kỳ trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thấy đều biết Ta, như mặt trăng trong nước chẳng xuất chẳng nhập. Phàm phu chẳng thể biết Ta, vì đọa nơi nhị biên, nhưng đều cung kính cúng dường Ta, mà chẳng khéo biết từ ngữ danh cú, chẳng có tự thông, chẳng phân biệt được tên và nghĩa, lại chấp trước mỗi mỗi văn tự ngôn thuyết, nơi bất sanh bất diệt cho là vô tánh, chẳng biết danh hiệu sai biệt của Như Lai dù nhiều mà nghĩa vốn chẳng sai biệt, như một Đệ Thích cũng có nhiều danh hiệu vậy. Vì chẳng biết tự thông hội về căn bản, nên đối với tất cả pháp, đuổi theo ngôn thuyết mà chấp trước.

- Đại Huệ! Bọn ngu si kia nói như thế rằng: “Nghĩa như ngôn thuyết, nghĩa với ngôn thuyết chẳng khác. Tại sao? Vì nghĩa chẳng tự thân, ngoài ngôn thuyết chẳng có nghĩa khác, chỉ là ngôn thuyết thôi". Họ bị ác kiến đốt trí, chẳng biết ngôn thuyết tự tánh, chẳng biết ngôn thuyết là sanh diệt, nghĩa thì chẳng sanh diệt. Đại Huệ! Tất cả ngôn thuyết đọa nơi văn tự, nghĩa thì chẳng đọa, vì lìa tánh phi tánh, nên chẳng thọ sanh, cũng chẳng tự thân. Đại Huệ! Như Lai chẳng thuyết pháp đọa văn tự, vì văn tự hữu và vô đều bất khả đắc.

- Đại Huệ! Nếu có ai nói Như Lai thuyết pháp đọa văn tự, ấy là vọng ngữ, vì pháp lìa văn tự. Cho nên Đại Huệ! Ta cùng chư Phật và các Bồ Tát chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chữ. Tại sao? Vì pháp lìa văn tự chứ chẳng phải Ta thuyết cái nghĩa không lợi ích cho chúng sanh. Ta chỉ nói ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh. Đại Huệ! Nếu ta chẳng thuyết tất cả pháp thì giáo pháp sẽ hoại, nếu giáo pháp hoại thì chẳng có chư Phật, Bồ Tát và Thanh Văn, Duyên Giác, vậy còn ai thuyết pháp cho ai?

- Cho nên, Đại Huệ! Đại Bồ Tát chớ chấp ngôn thuyết mà phương tiện tùy nghi rộng thuyết kinh pháp. Do chúng sanh phiền não hy vọng chẳng đồng, nên Ta và chư Phật vì mỗi mỗi hiểu biết khác nhau của chúng sanh mà thuyết các pháp, khiến họ lìa tâm, ý, ý thức, chẳng thuyết chỗ đắc Tự Giác Thánh Trí.

- Đại Huệ! Nơi tất cả pháp vốn vô sở hữu, nếu giác được tự tâm hiện lượng thì lìa được hai thứ vọng tưởng, chư Đại Bồ Tát dựa theo nghĩa này mà chẳng dựa theo văn tự. Nếu Thiện nam, tín nữ dựa theo văn tự, là tự hoại Đệ Nhất Nghĩa, chẳng thể tự giác cũng chẳng thể giác tha, đọa nơi ác kiến tương tục mà vì chúng thuyết pháp, chẳng khéo liễu tri tất cả pháp tất cả địa tất cả tướng, cũng chẳng biết nghĩa cú. Nếu khéo biết tất cả Pháp, tất cả Địa, tất cả Tướng, thông đạt nghĩa cú, tánh nghĩa đầy đủ

thì họ được dùng sự vui vô Tướng của chánh Pháp mà tự thọ sự vui, kiến lập Đại thừa bình đẳng cho chúng sanh.

- Đại Huệ! Người nhiếp thọ Đại thừa thì nhiếp thọ Chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Vì nhiếp thọ Chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác thì nhiếp thọ tất cả chúng sanh, nhiếp thọ tất cả chúng sanh thì nhiếp thọ chánh pháp, nhiếp thọ chánh pháp thì Phật chẳng dứt, Phật chẳng dứt thì hay liễu tri chỗ đắc nhập thù thắng. Liễu tri chỗ đắc nhập thù thắng ấy là Đại Bồ Tát thường được ý sanh Hóa thân, tùy nghi kiến lập pháp Đại thừa bình đẳng, dùng sức Thập Tự Tại (1) hiện nhiều sắc tướng, thông đạt hình loại phiền não, các tướng hy vọng của chúng sanh mà thuyết pháp như thật. Nói Như Thật tức là chẳng có khác biệt, tướng như thật là bất khứ, bất Lai, tất cả hư vọng đều dứt, gọi là Như Thật. Đại Huệ! Thiện nam, tín nữ chẳng nên nhiếp thọ sự tùy ngôn thuyết chấp trước, vì nghĩa chơn thật là nơi vắng lặng.

(1) Thập Tự Tại Lực: Nói tắt là Thập Lực, là mười thứ sức tự tại của Như Lai. Ấy là:

- 1.- Chỗ tri giác chẳng phải chỗ trí lực. Sự biết nghĩa lý của các vật là do sức tự tại của tự tâm tự biết, chẳng phải do trí lực mà biết.*
- 2.- Sức tự tại biết nhân quả nghiệp báo của tất cả chúng sanh nơi tam thế.*
- 3.- Sức tự tại biết các thứ thiên định giải thoát tam muội.*
- 4.- Biết mỗi mỗi tri giải trí lực của tất cả chúng sanh.*
- 5.- Biết mỗi mỗi cảnh giới chẳng đồng của chúng sanh thế gian.*
- 6.- Biết phổ biến tất cả pháp đúng như thật tế.*
- 7.- Biết mỗi mỗi hành và nhân của các pháp thế gian hữu lậu và các pháp xuất thế gian vô lậu từ Ngũ giới Thập Thiện cho đến Niết Bàn.*
- 8.- Có Thiên nhãn vô ngại, thấy biết nghiệp duyên Thiện ác và sanh tử của tất cả chúng sanh.*
- 9.- Biết Túc mạng và vô lậu Niết Bàn của tất cả chúng sanh.*
- 10.- Biết tất cả tập khí mê vọng, dứt hẳn chẳng sanh, đúng như thật tế. Gọi là Thập Tự Tại Lực.*

- Đại Huệ! Cũng như phàm phu dùng ngón tay chỉ vật, mà chỉ quán theo ngón tay thì chẳng được nghĩa thật. Cũng thế, nếu phàm phu tùy theo ngôn thuyết của ngón tay mà nhiếp thọ chấp trước thì rốt cuộc chẳng thể đắc Đệ Nhất Nghĩa thật là ngón tay ngôn thuyết. Đại Huệ! Ví như nuôi trẻ nhỏ, nên cho ăn đồ chín, không nên cho ăn đồ sống, nếu cho ăn đồ sống thì có thể khiến nó phát bệnh. Người đuổi theo ngôn thuyết vì chẳng biết thứ lớp phương tiện của nghĩa pháp chín mùi cũng như thế. Do đó, Đại Huệ! Đối với pháp Bất sanh Bất diệt, người tu chẳng biết phương tiện là chẳng khéo tu, cho nên hành giả phải khéo tu phương tiện, chớ tùy theo ngôn thuyết như xem ngón tay mà chẳng thấy chỗ ngón tay chỉ. Cho nên, Đại Huệ! Người tu nên khéo biết phương tiện nơi nghĩa chơn thật, nghĩa chơn thật là nhân của Niết Bàn vì diệu tịch tịnh, ngôn thuyết là vọng tưởng hòa hợp, vọng tưởng là tích tụ sanh tử.

- Đại Huệ! Nghĩa chơn thật là từ người đa văn mà đắc. Đại Huệ! Nói đa văn là thấu nơi nghĩa, chẳng phải ở nơi ngôn thuyết. Nói thấu nghĩa thì chẳng theo kinh luận của tất cả ngoại đạo, tự thân chẳng theo, cũng chẳng khiến người khác theo, ấy gọi là Đại Đức Đa Văn. Cho nên người muốn cầu nghĩa nên thân cận bậc đa văn thì thấu được nghĩa. Trái với nghĩa này tức là chấp trước ngôn thuyết, nên phải xa lìa.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại thừa oai thần Phật mà bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Pháp Bất sanh Bất diệt của Thế Tôn hiển thị chẳng có gì lạ. Tại sao? Vì lập cái nghĩa nhân của tất cả ngoại đạo, cũng nói bất sanh bất diệt, Thế Tôn cũng nói chẳng phải số lượng duyên diệt, là Niết Bàn Bất sanh Bất diệt.

Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân duyên sanh thế gian, Thế Tôn cũng nói do vọng tưởng vô minh nghiệp ái làm duyên sanh khởi thế gian. Họ nói nhân, đây nói duyên, ấy chỉ là danh từ sai biệt thôi. Nhân duyên các vật cũng như thế, Thế Tôn với ngoại đạo lập luận chẳng có sai biệt. Ngoại đạo nói vi trần, trống diệu, tự tại, chúng sanh, chúa v.v... Có chín sự vật bất sanh, bất diệt; Thế Tôn cũng nói tất cả tánh bất sanh, bất diệt, hữu và vô bất khả đắc. Ngoại đạo cũng nói tứ đại chẳng hoại, tự tánh bất sanh bất diệt, tứ đại thường là tứ đại, cho đến luân hồi lục đạo mà chẳng xa lìa tự tánh; Thế Tôn sở thuyết cũng như thế. Cho nên con nói chẳng có gì lạ. Nay cúi xin Thế Tôn vì đại chúng thuyết pháp đặc biệt, kỳ lạ hơn các pháp ngoại đạo. Nếu pháp chẳng sai biệt thì tất cả ngoại đạo cũng đều là Phật, vì cùng nói bất sanh, bất diệt vậy. Lại, Thế Tôn nói nơi một thế giới mà có nhiều Phật ra đời là chẳng có chỗ đúng, nếu theo lời sở thuyết trên thì trong một thế giới phải có nhiều Phật, vì pháp ngoại đạo với Phật chẳng sai biệt vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Bất sanh Bất Diệt chẳng đồng bất sanh bất diệt của ngoại đạo. Tại sao? Vì các ngoại đạo họ chấp có tánh của tự tánh để đắc tướng bất sanh bất biến, Ta chẳng như thế mà đọa sự hữu và vô. Đại Huệ! Pháp Ta nói lìa hữu và vô, lìa sanh diệt, phi tánh phi vô tánh, mỗi mỗi pháp như mộng huyễn hiện, nên phi vô tánh. Nói vô tánh là sắc tướng chẳng có tự tánh nhiếp thọ, hiện như chẳng hiện, nhiếp như chẳng nhiếp. Do đó nên nói tất cả tánh vô tánh, cũng phi vô tánh. Hễ giác được tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh, yên ổn an lạc, dứt hẳn việc thế gian.

- Phàm phu ngu si, dùng vọng tưởng làm việc, chẳng phải Thánh Hiền, biết vọng tưởng chẳng thật như thành Càn Thát Bà và người huyễn hóa. Đại Huệ! Như trong thành Càn Thát Bà, có người huyễn hóa, người buôn bán, đủ thứ chúng sanh ra vào, phàm phu vọng tưởng cho có người chơn thật ra vào, nhưng thật thì chẳng có kẻ ra người vào. Như thế, Đại Huệ! Phàm phu ngu si, khởi tướng mê hoặc bất sanh bất diệt, thật cũng chẳng có hữu vi vô vi, hoặc sanh hoặc diệt của người huyễn, kỳ thật người huyễn vốn chẳng có. Tất cả pháp cũng như thế, lìa nơi sanh diệt, tánh và vô tánh đều vô sở hữu. Phàm phu ngu si, đọa kiến chấp bất như thật, khởi vọng tưởng sanh diệt, Bất Như Thật của các bậc Thánh Hiền thì chẳng như vậy. Nhưng tánh và phi tánh với vọng tưởng cũng chẳng có khác, nếu khác với vọng tưởng, chấp trước tất cả tánh của tự tánh thì chẳng thấy tịch tịnh. Nếu chẳng thấy tịch tịnh thì rốt cuộc chẳng thể lìa vọng tưởng. Cho nên Đại Huệ! Chẳng có thấy tướng mà thấy vô tướng mới đúng. "Thấy Tướng" là cái nhân thọ sanh nên chẳng đúng, vô tướng thì vọng tưởng chẳng sanh, chẳng khởi chẳng diệt, Ta nói là Niết Bàn. Đại Huệ! Nói Niết Bàn là thấy nghĩa chơn thật, lìa pháp tâm, tâm số của vọng tưởng, cho đến đắc Như Lai Tự Giác Thánh Trí, Ta nói là Niết Bàn.

Khi ấy Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Diệt trừ Nhân Sanh Luận,

Kiến lập nghĩa bất sanh.

Pháp ta thuyết như thế,

Phàm phu chẳng thể biết.

Tất cả pháp Bất sanh,

Vô tánh vô sở hữu.
N như thành Càn Thát Bà,
Và mộng huyễn vô nhân.
Bất sanh chẳng tự tánh,
Pháp Không có nhân gì?
Vì lia nơi hòa hợp,
Tánh giác tri chẳng hiện.
Nên pháp Không bất sanh.
Ta nói chẳng tự tánh.
Vì mỗi mỗi hòa hợp,
Dù hiện chẳng thật có.
Phân tích chẳng hòa hợp,
Kiến chấp của ngoại đạo.
N như mộng huyễn hoa đốm,
Và thành Càn Thát Bà.
Mỗi mỗi việc thế gian,
Vô nhân mà tướng hiện.
Hàng phục hữu nhân Luận,
Hiện bày nghĩa vô sanh.
Pháp vô sanh hiện bày,
Thì dòng pháp chẳng dứt.
Vô sanh tức vô nhân,
Các ngoại đạo kinh sợ.

Khi ấy Đại Huệ Bồ Tát dùng kệ hỏi rằng:

Thế nào là Sở nhân?
Do nhân nào có sanh?
Ở nơi nào hòa hợp,
Mà lập vô nhân Luận?

Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Quán sát pháp hữu vi,
Chẳng nhân chẳng vô nhân.
Ngoại đạo sanh diệt luận,
Kiến chấp từ đây diệt.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại thuyết kệ hỏi rằng:

Thế nào là vô sanh?

Ấy là vô tánh ư?
Hoặc vì quán các duyên,
Có pháp gọi vô sanh?
Tên chẳng lẽ không nghĩa?
Cúi xin phân biệt thuyết.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp rằng:

Phi vô tánh vô sanh,
Cũng phi quán các duyên,
Phi hữu tánh đặt tên,
Có tên phi vô nghĩa.
Phi cảnh giới ngoại đạo,
Thanh Văn và Duyên Giác.
Cho đến hàng Thất Trụ,
Đây gọi tướng vô sanh.
Xa lìa các nhân duyên,
Cũng lìa tất cả việc.
Vì duy tâm kiến lập,
Tướng, sở tướng đều lìa.
Sắc thân tùy nghiệp chuyển,
Ta nói là vô sanh.
Vô tánh vô ngoài tánh,
Cũng chẳng tâm nhiếp thọ.
Dứt tất cả kiến chấp,
Ta nói là vô sanh.
Phân biệt nhiều nghĩa Không,
Phi Không nên nói Không.
Vô sanh nên nói Không,
Vô Tự tánh như thế.
Do nhân duyên hòa hợp,
Thì có sanh có diệt.
Lìa các số nhân duyên,
Vốn chẳng có sanh diệt.
Lìa bỏ số nhân duyên,
Thì chẳng có tánh khác.
Nếu nói nhất và dị,

Là vọng tưởng ngoại đạo.
Tánh hữu, vô bất sanh,
Phi hữu cũng phi vô.
Ngoại trừ số chuyên biên,
Thầy đều bất khả đắc.
Chỉ có số thế tục,
Duyên nhau thành xiềng xích.
Lìa nhân duyên xiềng xích,
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích,
Nghĩa Sanh bất khả đắc.
Tánh vô sanh chẳng khởi,
Lìa các lỗi ngoại đạo.
Chỉ nói duyên xiềng xích,
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích,
Mà có tánh sanh khác.
Ấy là Vô Nhân Luận,
Phá hoại nghĩa xiềng xích.
N như đèn hiển sắc tướng,
Xiềng xích hiện cũng thế.
Nếu lìa nghĩa xiềng xích,
Lại còn có các tánh.
Tánh ấy đều vô tánh,
N như tánh của hư không.
Lìa xiềng xích cũng thế,
Bậc trí chẳng phân biệt.
Vô sanh chẳng pháp khác,
Là pháp của Thánh Hiền.
Người đắc pháp vô sanh,
Là chứng Vô Sanh Nhẫn.
Giả sử trong thế gian,
Người quán sát xiềng xích.
Lìa tất cả xiềng xích,
Do đó đắc Chánh định.

Nghiệp ái tham, sân, si,
Là xiềng xích nội tâm.
Đất sinh, cây dùi lửa,
Là chủng tử bên ngoài.
Trong ngoài duyên nhau sanh.
Giả sử có tánh khác,
Chẳng phải nghĩa xiềng xích,
Pháp ấy chẳng thành tựu.
Nếu Sanh chẳng tự tánh,
Ai làm nghĩa xiềng xích.
Vì lần lượt sanh nhau,
Nên gọi nghĩa Nhân duyên.
Phàm phu vọng tưởng sanh,
Pháp địa, thủy, hỏa, phong.
Lìa số chẳng pháp khác,
Là cái thuyết vô tánh.
Như thầy thuốc chữa bệnh,
Vì bệnh có sai biệt,
Nên lập đủ thứ luận,
Để trị mỗi mỗi bệnh.
Ta vì các chúng sanh,
Đoạn dứt phiền não họ.
Tùy trình độ cao thấp,
Thuyết Độ Môn cho họ.
Gốc phiền não chẳng khác,
Mà có đủ thứ pháp.
Đây thuyết pháp Nhất thừa,
Cũng gọi là Đại thừa.

Khi ấy, Đại huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô thường, Thế Tôn cũng thuyết tất cả hành, vô thường, là pháp sanh diệt. Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Là tà hay chánh? Có mấy thứ vô thường?

Phật bảo Đại huệ: Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp Ta thuyết vậy. Thế nào là bảy? Họ hoặc nói "tạo rồi lui bỏ" gọi là vô thường; hoặc nói bình hư hoại gọi là vô thường; hoặc nói ngay sắc thể đó là vô thường; hoặc nói giữa quá trình biến chuyển gọi là vô thường, các vật tự thể tan hoại chẳng gián đoạn, như sự chuyển biến của sữa thành ô lạc, ngay giữa chuyển biến chẳng thể thấy, tất cả tánh chuyển biến vô thường hủy hoại cũng như thế. Hoặc nói tánh, vô thường, hoặc nói tánh, vô

tánh, vô thường, hoặc nói tất cả pháp bất sanh, vô thường, v.v... Họ đem những kiến chấp vô thường này vào tất cả pháp.

1.- Đại Huệ! Ngoại đạo nói tạo tội rồi liền bỏ là vô thường. Ta nói lia kẻ bắt đầu tạo ra vô thường thì chẳng phải tứ đại. Vì tứ đại bất sanh là nghĩa thường, nếu còn có pháp khác với tứ đại, mỗi mỗi tự tướng khác nhau thì chẳng có sai biệt để đắc, vì sai biệt ấy đều chẳng thể tạo nữa. Hai thứ phân biệt chẳng thể tạo (chẳng có kẻ bắt đầu tạo vô thường, cũng chẳng có kẻ bắt đầu tạo thường), nên biết vô thường tức là thường.

2.- Ngoại đạo nói hình xứ hoại là vô thường. Ta nói tứ đại và tứ đại tạo sắc chẳng hoại, cứu cánh chẳng hoại. Đại Huệ! Nói "Cứu cánh" là phân tích cho đến vi trần, quán sát sự hoại của tứ đại và tứ đại tạo sắc, thấy hình xứ dài ngắn và khác biệt đều bất khả đắc thì chẳng phải tứ đại, nên nói tứ đại chẳng hoại. Hiện "hình xứ hoại" là đọa nơi Số Luận.

3.- Ngoại đạo nói ngay sắc thể tức là vô thường, ấy cũng là hình xứ vô thường, chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường thì chẳng phải ngôn thuyết thể tục, vì ngôn thuyết thể tục phi tánh. Thấy tất cả tánh chỉ có ngôn thuyết, chẳng thấy tự tướng sanh, là đọa nơi Thế Luận.

4.- Ngoại đạo nói chuyển biến vô thường. Ta nói sắc thể hiện khác với tánh, chẳng phải tứ đại có khác. Như vàng làm ra nhiều đồ trang sức, hiện chuyển biến khác nhau nhưng chẳng phải tánh vàng có khác, chỉ là những đồ trang sức khác nhau thôi. Vậy các tánh kia chuyển biến cũng như thế.

5.- Đại Huệ! Nói tánh vô thường là tự tâm vọng tưởng, chấp tánh phi thường là vô thường. Tại sao? Nói vô thường của tự tánh bất hoại. Đại Huệ! Đây là tất cả tánh vô tánh, là sự vô thường. Ngoài sự vô thường, chẳng có gì có thể khiến tất cả pháp tánh vô tánh; như gậy, ngói, đá, dù có tướng khác biệt, phá hoại rồi thì thấy mỗi mỗi chẳng khác, ấy là sự tánh vô thường, chẳng phải năng tác sở tác có sai biệt, đây là sự vô thường. Vì năng tác sở tác chẳng khác thì tất cả tánh vô nhân. Tánh vô nhân là thường. Đại Huệ! Tất cả tánh vô tánh hữu nhân, chẳng phải phạm phu có thể biết. Phi nhân thì sự bất tương tự sanh khởi (cũng như cây lý có thể sanh ra cây đào, cây đào có thể sanh ra cây xoài, v.v...), nếu sanh khởi thì nói tất cả tánh thấy đều vô thường là có lỗi.

- Việc bất tương tự này, năng tác sở tác chẳng có sai biệt mà lại thấy có khác. Nếu nói tánh vô thường thì đọa tánh tướng có nhân, tác, có tác thì tất cả tánh chẳng cứu cánh. Nếu tất cả tánh đọa tướng có năng tác, thì năng tác vô thường, sở tác cũng vô thường; năng vô thường, sở vô thường thì tất cả tánh chẳng vô thường, vì vô thường thường sanh vô thường, tức là thường vậy.

- Nếu chấp vô thường vào tất cả tánh thì hoại nghĩa tam thể. Như sắc quá khứ vô thường ắt chẳng lia hoại; nếu đã hoại thì vị lai bất sanh, nếu sắc bất sanh thì tướng sắc hiện tại cũng đồng như hoại. Nói sắc là do tứ đại tích tụ, có tánh sai biệt, tứ đại và tứ đại tạo sắc tự tánh chẳng hoại, lia khác và chẳng khác. Tất cả ngoại đạo đối với nghĩa chẳng hoại, tứ đại và tứ đại tạo sắc nơi tất cả tam giới chẳng thể biết tánh vốn chẳng hoại, nên có sanh diệt. Nếu lia tứ đại tạo sắc, thì tất cả ngoại đạo dựa vào đâu mà suy nghĩ tánh vô thường ư? Tướng tự tánh bất hoại thì tướng tự tánh bất sanh.

6.- Đại Huệ! Nói tánh vô tánh vô thường là lia tứ đại và tứ đại sở tạo, khi tự tướng hoại, tứ đại tự tánh bất khả đắc, tức là bất sanh.

7.- Nói bất sanh vô thường là phi thường vô thường. Tất cả pháp hữu và vô bất sanh, phân tích cho đến vi trần thì chẳng thể thấy, ấy là nghĩa bất sanh, phi sanh, gọi là

tướng vô thường bất sanh. Nếu chẳng giác được nghĩa này thì đọa ngoại đạo sanh nghĩa vô thường.

- Mỗi mỗi ngoại đạo vọng tưởng có kiến chấp vô thường như thế, như lúc tứ đại bị cháy mà tự tướng chẳng cháy. Nếu tướng của mỗi mỗi tự tướng thiêu hoại thì mỗi mỗi tạo sắc phải đoạn dứt, mà thật thì chẳng như thế.

- Đại Huệ! Pháp ta nói phi thường phi vô thường. Tại sao? Vì ngoài tánh chẳng thể quyết định, nên chỉ nói tam giới duy tâm, chẳng nói mỗi mỗi tướng có sanh có diệt. Tứ đại hòa hợp có sai biệt là do tứ đại và tứ đại tạo sắc sanh ra vọng tưởng phân biệt. Có hai thứ năng nhiếp sở nhiếp, nếu biết hai thứ đều là vọng tưởng, lia hai thứ kiến chấp ngoài tánh phi tánh, giác được vọng tưởng của tự tâm hiện lượng do tự tướng tác hành sanh khởi phân biệt mới có, sở tác nghiệp tướng gọi là vọng tưởng sanh, chẳng phải không có tự tướng tác hành mà gọi là vọng tưởng vậy. Lia vọng tưởng của tâm, tánh, vô tánh, tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, cho đến siêu việt xuất thế gian, đều phi thường phi vô thường. Nếu chẳng biết tự tâm hiện lượng, thì đọa ác kiến nhị biên tương tục. Tất cả ngoại đạo do tự vọng tưởng, chẳng biết ba thứ pháp tướng thế gian, pháp tướng xuất thế gian và thắng (siêu việt) pháp tướng xuất thế gian, dựa theo ngôn ngữ vọng tưởng thuyết mỗi mỗi pháp. Ta nói cảnh giới phi thường phi vô thường, chẳng phải phạm phu có thể hiểu biết, vì họ chẳng giác được tự tâm hiện lượng vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Lìa sự bắt đầu tạo,
Và hình xứ khác biệt.
Nói tánh Sắc vô thường,
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Các tánh chẳng thể hoại,
Tự trụ tánh tứ đại.
Ngoại đạo tưởng vô thường,
Là chìm nơi kiến chấp.
Pháp hoặc sanh hoặc diệt,
Tánh tứ đại tự thường.
Tại sao bọn ngoại đạo
Lại sanh tưởng vô thường?
Năng nhiếp và sở nhiếp,
Tất cả duy tâm tạo.
Theo hai tâm lưu chuyển,
Vô ngã và ngã sở.
Nói gốc cây Phạm Thiên (ngã),
Nhánh lá khắp thế gian (ngã sở).
Theo pháp Ta sở thuyết,
Chỉ do tâm họ tạo.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng thứ lớp tương tục Diệt Tận Định của tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Nếu khéo biết tướng thứ lớp tương tục Diệt Tận Định, thì khiến con và các Bồ Tát chẳng vọng xả sự vui của pháp môn Diệt Tận Định, cuối cùng chẳng đọa sự ngu si của tất cả ngoại đạo Thanh Văn và Duyên Giác.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Từ Sơ Địa đến Lục Địa Bồ Tát đặc hơn vô ngã, nhập Diệt Tận Định với Thanh Văn, Duyên Giác chẳng khác; vì nơi Định có xuất có nhập, chưa thể niệm niệm nhập. Thất Địa Bồ Tát nhập Diệt Tận Định lìa tất cả tướng hữu vô. Dù có tánh Niết Bàn mà chẳng trụ, chẳng như Nhị Thừa có nhiếp thọ sự vui của chánh định, cho chánh định là Thiện, duyên theo hữu vi nhập Diệt Tận Định, đọa cảnh giới năng nhiếp sở nhiếp và có hành có giác. Cho nên Thất Địa Bồ Tát niệm niệm nhập Diệt Tận Định mà chẳng nghĩ Diệt Tận Định là Thiện, đặc tất cả pháp tướng chẳng sai biệt, chẳng phân biệt pháp hữu, pháp vô, pháp thiện, pháp bất thiện.

- Đại Huệ! Bát Địa Bồ Tát xả lìa Tạng thức chẳng những đối với tất cả pháp mỗi mỗi tướng diệt, cho đến tâm, ý, ý thức hư vọng phân biệt của Thanh Văn, Duyên Giác cũng diệt. Từ Sơ Địa cho đến Thất Địa Bồ Tát sở tu quán hạnh, thấy tất cả các pháp nơi tam giới chỉ do tâm, ý, ý thức sở hiện tâm lượng, lìa ngã và ngã sở v.v... cũng chuyển diệt luôn, chẳng thấy ngoài pháp có mỗi mỗi các tướng. Ngoại đạo ở nơi tự tâm khởi vọng tưởng phân biệt, hư vọng tu tập, thấy ở ngoài pháp có tướng để đặc, thì đọa mỗi mỗi tướng ngoài tánh. Ấy là hai thức chấp trước của phàm phu ngoại đạo, dùng tự tâm nhiếp tự tâm, thấy có pháp năng nhiếp sở nhiếp bèn nói tất cả đoạn diệt, chẳng biết do tập khí hư ngụy từ vô thi sở huân mà đoạn diệt chủng tánh Phật.

- Đại Huệ! Bát Địa Bồ Tát sở đắc Tam muội với Thanh Văn, Duyên Giác dù hơi giống nhau, nhưng Bồ Tát có chánh giác gia trì, nên dù có sự vui của Tam muội mà chẳng nhập Niết Bàn. Nếu chẳng có chánh giác gia trì thì như Nhị Thừa tự yên ổn, chẳng thể trọn vẹn bằng Đại Như Lai, mà tự chứng Niết Bàn, xả bỏ tất cả chúng sanh, chẳng vì chúng sanh thuyết pháp hữu vi để dần dần dẫn dắt chúng sanh vào tri kiến Như Lai thì Phật chúng ấy phải đoạn dứt. Chư Phật Thế Tôn vì muốn khiến Nhị Thừa nối tiếp Phật Chủng, nên hiển thị Vô lượng công đức bất khả tư nghì của Như Lai, nhưng hàng Thanh Văn, Duyên Giác ham trụ sự vui của Tam muội chẳng chịu hồi tâm tiến lên Đại thừa, lại tự cho là đã chứng Niết Bàn.

- Đại Huệ! Ta sở dĩ nhấn mạnh bộ phận "Thất Địa" là muốn hành giả khéo tu phương tiện, xa lìa các tướng tâm, ý, ý thức và kiến chấp ngã, ngã sở, nhiếp thọ hơn vô ngã, pháp vô ngã và biện tài tứ vô ngại, đặc sức quyết định nơi Tam Muội Môn, từ những đạo phẩm tương tục từ trước đến đây lần lượt tiến lên Bát Địa cho đến Thập Địa. Vì e sợ các Bồ Tát chẳng khéo liễu tri tự tướng cộng tướng và sự thứ lớp tương tục của chư Địa mà đọa nơi ác kiến của ngoại đạo, nên kiến lập thứ lớp của chư Địa. Đại Huệ! Ngoại trừ tự tâm hiện lượng, thật chẳng có pháp sanh pháp diệt, chư Địa thứ lớp tương tục và đoạn dứt mỗi mỗi hạnh mê hoặc rơi vào tam giới, chỉ vì phàm phu chẳng giác ngộ, nên Ta và chư Phật thuyết chư Địa thứ lớp tương tục và thuyết pháp đoạn dứt mỗi mỗi hạnh mê hoặc nơi tam giới.

- Lại nữa, Đại Huệ! Bồ Tát Đệ Bát Địa vì muốn diệt ham trụ sự vui nơi Tam muội của Thanh Văn, Duyên Giác, biết họ chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng của tự tướng cộng tướng, bị rượ tập khí say mê sở chướng, đọa kiến chấp nhiếp thọ hơn pháp vô ngã, vọng tưởng cho là Niết Bàn, chẳng phải trí huệ tịch diệt của tự giác. Đại Huệ! Bồ

Tát thấy sự vui của Tam Muội Môn tịch diệt, do bốn nguyên đại bị thành tựu thương xót chúng sanh, phân biệt liễu tri Thập vô tận cú, chẳng trụ vọng tưởng Niết Bàn. Vì bậc họ biết vốn đã Niết Bàn, nên vọng tưởng chẳng sanh, lia năng nhiếp sở nhiếp của vọng tưởng, giác liễu tự tâm hiện lượng nơi tất cả các pháp, vì vọng tưởng chẳng sanh nên chẳng đọa nơi tâm, ý, ý thức và tướng vọng tưởng chấp trước ngoài tánh của tự tánh. Đối với Phật pháp chẳng có cái nhân bất sanh, là tùy theo trí huệ mà sanh, nên chúng đắc Như Lai Tự Giác Địa.

- Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, nhưng chưa qua đã thức, thức rồi suy nghĩ là chánh hay tà, hoặc phi chánh phi tà. Người ấy do tưởng nhớ mỗi mỗi tập khí của kiến văn giác tri từ vô thủy, nên ở mỗi mỗi hình xứ đọa tướng hữu và vô, thành có giác mơ hiển hiện nơi tâm, ý, ý thức nên suy nghĩ như thế.

- Đại Huệ! Như thế, Đại Bồ Tát nơi Đệ Bát Địa thấy chỗ vọng tưởng sanh, từ Sơ Địa tiến đến Thất Địa, thấy tất cả pháp như huyền, dùng phương tiện độ thoát cái tâm vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp xong, dùng phương tiện của Phật pháp khiến người chưa chứng đắc được chứng đắc. Đại Huệ! Đây là phương tiện chẳng đoạn dứt nơi Niết Bàn của Bồ Tát, lia tâm, ý, ý thức, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đại Huệ! Nơi Đệ Nhất Nghĩa chẳng có thứ lớp tương tục, nói "Vọng tưởng vô sở hữu" là pháp tịch diệt.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tam thế Chư Phật thuyết,
Tâm lượng vô sở hữu.
Bậc Trụ địa Bồ Tát,
Được đến địa vị Phật.
Tâm lượng nơi Tạng Thức,
Thất Địa chưa diệt sạch.
Bát Địa mới diệt hết.
Hai Địa Thất và Bát,
Đều gọi là Trụ địa.
Phật địa gọi Tối Thắng,
Trí tự giác trong sạch.
Chỗ tự tại Tối Thắng,
Chiếu soi như lửa hồng,
Quang minh khắp nơi nơi,
Sáng lòa chẳng chói mắt.
Giáo hóa lúc hiện tại,
Hoặc giáo hóa lúc trước,
Đến đây diễn Nhất Thừa,
Đều vào Địa Như Lai.
Nhất thừa lập chư Địa,
Thật thì chẳng thứ lớp.

Thập Địa như Sơ Địa,
Sơ Địa như Bát Địa,
Cửu Địa như Thất Địa,
Thất Địa như Bát Địa,
Nhị Địa như Tam Địa,
Tứ Địa như Ngũ Địa,
Tam Địa như Lục Địa,
Thông nhau chẳng thứ lớp.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác là thường hay vô thường?

Phật bảo Đại Huệ: Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phi thường phi phi thường, vì cả hai đều có lỗi. Nếu nói thường thì có cái lỗi năng tác, tất cả ngoại đạo đều nói "thường có kẻ tác", thường do tác mà thành thì chẳng phải chơn thường. Như Lai đối với chơn thường còn chẳng thấy có tướng thường để đắc, huống là do tạo tác mà thành thường ư? Nên nói có lỗi.

- Nếu nói Như Lai vô thường thì có cái lỗi sở tác vô thường. Ngoại đạo cho ngũ âm là sở tác, nhưng tướng năng thấy và sở thấy của ngũ âm đều chẳng tự tánh, rốt cuộc phải đoạn diệt, mà Như Lai thì chẳng đoạn diệt. Đại Huệ! Tất cả sở tác đều vô thường, như cái bình, y áo v.v... tất cả đều có cái lỗi vô thường. Thế thì tất cả công đức phương tiện dùng để độ chúng sanh của Nhất Thiết Trí sở tác đều thành vô nghĩa, vì có sở tác. Nếu có nghĩa thì tất cả sở tác của thế gian đều đồng như sở tác của Như Lai, vì chẳng có tánh sai biệt vậy. Cho nên Như Lai nói phi thường phi vô thường.

- Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai chẳng phải như hư không thường. Nếu như hư không thường thì thành Ngoan không vô tri, mà Tự Giác Thánh Trí thì đầy đủ linh giác. Vậy nói "Như Hư Không thường" thì có cái lỗi vô nghĩa. Đại Huệ! Ví như hư không phi thường phi vô thường, lìa thường, vô thường, nhất, dị đồng, chẳng đồng, nên bất khả thuyết, cho nên Như Lai phi thường.

- Lại nữa, Đại Huệ! Nếu Như Lai là vô sanh thường thì như sừng của thỏ, ngựa cũng là vô sanh thường, vậy thì pháp phương tiện thành vô nghĩa, vì có cái lỗi "vô sanh thường", nên Như Lai phi thường.

- Lại nữa, Đại Huệ! Còn có việc khác biết Như Lai là thường. Tại sao? Vì trí sở đắc thường nên Như Lai thường.

- Đại Huệ! Như Lai hoặc ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp cố định thường trụ. Thanh Văn, Duyên Giác, chư Phật Như Lai thường trụ chẳng gián đoạn, cũng chẳng phải vô tri như hư không thường trụ, cũng chẳng phải phàm phu có thể hiểu biết. Đại Huệ! Trí sở đắc của Như Lai là do Bát Nhã sở huân, chẳng như chỗ tâm ý, ý thức của ngoại đạo kia do ám, giới, nhập sở huân. Đại Huệ! Tất cả tam giới đều do vọng tưởng chẳng thật sở sanh, Như Lai thì chẳng từ vọng tưởng chẳng thật sanh. Đại Huệ! Vì hai pháp đối đãi nên có thường và vô thường, chẳng phải pháp bất nhị, Pháp bất nhị là tịch tịnh, vì tất cả pháp chẳng có hai tướng sanh. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phi thường phi vô thường. Đại Huệ! Nếu sanh ngôn thuyết phân biệt thì có cái lỗi thường và vô thường. Nếu cái giác phân biệt diệt thì xa lìa kiến chấp thường, vô thường của phàm phu. Kiến chấp phàm phu hư vọng phân biệt mỗi mỗi pháp thường,

pháp vô thường, phi thường phi vô thường, huân tập theo pháp sanh diệt, dẫu có trí huệ cũng chẳng thể tịch tịnh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Nói đủ thứ vô nghĩa,
Sanh lỗi thường, vô thường.
Từ đó kiến lập Tông,
Có nhiều nghĩa hỗn tạp.
Nếu chẳng sanh phân biệt,
Lià hẳn thường, vô thường.
Đẳng quán lượng tự tâm,
Ngôn thuyết bất khả đắc.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì chúng con thuyết sự sanh diệt của âm, giới, nhập, nêu những việc ấy chẳng có tự tánh (ngã) thì ai sanh ai diệt? Phạm phu là y nơi sanh diệt, chẳng biết Niết Bàn, chẳng thể hết khổ.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay! Hãy chú ý nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Tạng của Như Lai là hiển bày cái nhân Thiện và bất thiện, phổ biến tạo ra các loài chúng sanh, ví như nhà ảo thuật biến hiện các loài người huyền hóa, lia ngã và ngã sở. Ngoại đạo chẳng biết do ba duyên Căn, Cảnh, Thức hòa hợp phương tiện sanh khởi, lại chấp trước có kẻ tạo tác, ấy là do ác kiến tập khí hư vọng từ vô thủy sở huân, gọi là Tạng Thức, do đó sanh vô minh trụ địa, cùng với thức thứ bảy sanh pháp nhiễm tịnh, như biển nổi làn sóng, thường khởi chẳng dứt. Nếu lia lỗi vô thường, và lia nơi Thần Ngã Chấp thường Luận của ngoại đạo thì tự tánh vô nhiễm, bốn Lai trong sạch.

- Còn các thức kia thì có sanh có diệt, nơi ý thức niệm niệm tạo cái nhân vọng tưởng chẳng thật, chấp lấy các cảnh giới đủ thứ hình xứ danh tướng, chẳng biết sắc tướng do tự tâm sở hiện, chẳng lia khổ vui, chẳng đến giải thoát, bị danh tướng trói buộc, tham sanh rồi sanh tham. Nếu nhân duyên các căn nhiếp thọ diệt thì tương tục chẳng sanh, nếu lia tự tâm vọng tưởng, chẳng thọ khổ vui, hoặc nhập Diệt Tận Định, hoặc nhập Cõi Tứ Thiên, hoặc khéo tu Chơn Đế giải thoát, chỉ chứng lý Thiên Không, người tu cho là giải thoát, ham trụ Niết Bàn, chẳng lia chẳng chuyên, gọi là “Như Lai Tạng Thức Tạng” (là Tạng thức trong như Lai Tạng).

- Ngoại đạo do thức thứ bảy chấp thức thứ tám làm Thần ngã thì lưu chuyển chẳng diệt, do đó các thức phan duyên, chẳng phải cảnh giới tu hành của Thanh Văn, Duyên Giác, vì chẳng giác được vô ngã, có tự tướng cộng tướng nhiếp thọ, sanh âm giới nhập. Nếu thấy tánh Như Lai Tạng thì nắm pháp tự tánh và nhơn pháp vô ngã đều diệt.

- Từng Địa thứ lớp tương tục tiến lên, chẳng bị kiến chấp ngoại đạo lay động, ấy gọi là trụ Bồ Tát Bất Động Địa, chứng đắc mười thứ đạo môn an vui của Tam Muội, mà tự nguyện chẳng thọ môn vui của Tam Muội, do huệ giác của Tam Muội sở trì, quán sát Phật Pháp bất khả tư nghì và thật tế hướng lên Tự Giác Thánh Trí, chẳng cùng lối tu hành của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác và ngoại đạo, đắc mười thứ chủng tánh Hiền Thánh, lia Tam Muội hạnh, vào nơi Như Lai ý sanh thân của Trí thân. Cho nên,

Đại Huệ! Đại Bồ Tát muốn cầu thắng tiến, nên tẩy sạch danh tướng như Lai Tạng và Thức tạng.

- Đại Huệ! Nếu chẳng có danh tướng Thức tạng và Như Lai Tạng thì chẳng có sanh diệt, nhưng các bậc phạm phu Hiền Thánh đều có sanh diệt. Người tu hành Tự Giác Thánh Trí chẳng xả phương tiện mà hiện pháp lạc trụ. Đại Huệ! Cái Như Lai Tạng và thức tạng này là do tâm tướng của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác sở thấy, dù tự tánh thanh tịnh, nhưng bị khách trần che lấp, vẫn thấy bất tịnh, chẳng phải sự thấy của Như Lai. Đại Huệ! Cảnh giới hiện tiền của Như Lai, cũng như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay vậy.

- Đại Huệ! Ta ở nơi nghĩa này dùng thần lực kiến lập, khiến Thắng Man Phu nhân và chư Bồ Tát trí sáng đầy đủ v.v... diễn thuyết tuyên dương danh tướng như Lai Tạng với thức tạng, và sự cùng sanh của bảy thứ thức kia. Vì hàng Thanh Văn chấp trước, còn thấy có nhon, pháp vô ngã, nên Thắng Man Phu nhân thừa Phật oai thần thuyết cảnh giới Như Lai chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa và ngoại đạo. Đối với Như Lai Tạng và thức tạng, chỉ có Phật và bậc Bồ Tát y nghĩa lợi trí có cảnh giới trí huệ này. Cho nên người và các Đại Bồ Tát nơi Như Lai Tạng và Thức tạng nên siêng tu học, chớ nên chỉ nghe biết được cho là đủ.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Như Lai Tạng thâm sâu,
Mà cùng với bảy thức,
Sanh hai thứ nhiếp thọ,
Bậc trí nên xa lìa.
Vô thi huân tập khí,
Như tượng hiện tâm gương.
Người quán sát như thật,
Hữu sự như vô sự.
Kẻ ngu quán mặt trăng,
Quán chỉ (ngón tay) chẳng quán trăng.
Chấp trước theo văn tự.
Chẳng thấy nghĩa chơn thật.
Tâm làm nghề ảo thuật,
Ý là người giúp nghề.
Ngũ thức bạn diễn viên,
Vọng tưởng là khán giả.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết năm pháp tự tánh thức, hai thứ vô ngã và Cứu Cánh phân biệt tướng, khiến con và các Đại Bồ Tát nơi tất cả Địa thứ lớp tương tục phân biệt pháp này, vào tất cả Phật Pháp. Nếu vào được tất cả Phật pháp thì đến Tự Giác Địa của Như Lai.

Phật bảo Đại Huệ: Hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Nay ta thuyết năm pháp tự tánh thức, hai thứ vô ngã và phân biệt Trí tướng. Năm pháp Tự Tánh là: Danh, Tướng, Vọng tướng, Chánh trí, Như như. Nếu người tu hành tu theo pháp này thì vào Tự Giác Thánh Trí của Như Lai, lìa những kiến chấp đoạn thường hữu vô v.v..., hiện tiền trụ nơi chánh định, hiện thọ pháp lạc. Đại Huệ! Nếu chẳng biết năm thứ tự tánh thức, hai thứ vô ngã và ngoài tánh tự tâm hiện, là phạm phu vọng tướng, chẳng phải Thánh Hiền.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Thế nào là sanh khởi vọng tướng phạm phu, chẳng phải Thánh Hiền?

Phật bảo Đại Huệ: Phạm phu chấp trước danh tướng thế tục, tùy tâm lưu chuyển. Lúc lưu chuyển thì hiện đủ thứ tướng mạo, đọa kiến chấp ngã và ngã sở, chấp trước hy vọng diệu sắc rồi thành vô tri, bị vô tri chướng ngại nên sanh nhiễm trước. Đã nhiễm trước thì tham, sân, si sanh nghiệp tích tụ, đã tích tụ thì sanh vọng tướng tự trói, như con tầm nhả tơ làm kén tự trói vậy. Chúng sanh đọa biển sanh tử, dạo nơi đồng hoang lục đạo, như bánh xe xoay chuyển chẳng ngừng. Vì họ ngu si, chẳng biết từ tự tâm vọng tướng sanh khởi các tướng sanh, trụ, diệt, như huyền hóa, như bụi trần lắng xuống, như mặt trăng trong nước, chẳng do tự tại, thời tiết, vì trần, sự thắng diệu mà sanh.

- Nói Danh là phạm phu ngu si tùy theo dòng nước danh tướng sanh khởi tất cả vọng tướng chẳng thật, đặt ra đủ thứ tên gọi, ấy gọi là Danh.

- Nói Tướng là do nhãn thức chiếu soi gọi là sắc; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý thức phân biệt gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ấy gọi là Tướng.

- Nói Vọng Tướng là giả lập nhiều danh để hiển thị các tướng, do vọng tướng suy nghĩ, vọng lập các tên gọi: Voi, ngựa, xe cộ, nam nữ v.v... gọi là Vọng Tướng.

- Nói Chánh Trí là tìm danh tướng bất khả đắc, cũng như khách đi đường chẳng có sở trụ. Các thứ phân biệt chẳng sanh, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đọa nơi tất cả ngoại đạo Thanh Văn Duyên Giác, ấy gọi là Chánh Trí.

- Lại nữa, Đại Huệ! Nói Như Như là Đại Bồ Tát dùng chánh trí này chẳng lập danh tướng, cũng chẳng phải không lập danh tướng, lìa bỏ kiến lập với phủ định, và nhị kiến đối đãi thì danh tướng chẳng sanh, gọi là Như Như.

- Đại Huệ! Đại Bồ Tát trụ nơi Như Như rồi, đắc cảnh giới vô sở hữu, chứng đắc Bồ Tát Hoan Hỷ Địa. Đắc Bồ Tát Hoan Hỷ Địa rồi, lìa hẳn ác kiến của tất cả ngoại đạo, chánh thức trụ bậc xuất thế gian, pháp tướng thành thực, phân biệt tướng huyền của tất cả pháp. Tự giác pháp tướng lìa các vọng tướng, thấy tánh của các tướng khác biệt, thứ lớp tiến lên Pháp Vân Địa. Giữa lúc đó sức Tam muội thân thông được mở mang khắp nơi, chứng đắc Như Lai Địa. Đắc Như Lai Địa rồi, viên chiếu hiển thị đủ thứ biến hóa để thành tựu cho chúng sanh mà chẳng trụ nơi chúng sanh, như bóng trăng trong nước, nên cứu cánh đầy đủ Thập vô tận cú, vì mỗi mỗi chúng sanh phân biệt thuyết pháp. Pháp thân lìa ý sở tác này, gọi là "Bồ Tát Nhập Như Như Sở Đắc".

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Thế nào? Là ba thứ tự tánh gom vào năm pháp ư? Hay là mỗi mỗi có tự tướng ư?

Phật bảo Đại Huệ: Ba thứ tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã thấy đều gom vào năm pháp. Đại Huệ! Nói Danh và Tướng là vọng tướng tự tánh. Đại Huệ! Nếu dựa theo vọng tướng sanh tâm, tâm pháp, gọi là đồng thời sanh, như ánh sáng mặt trời đồng thời chiếu soi mỗi mỗi tướng sai biệt. Do thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp tri duyên khởi lẫn nhau, gọi là Duyên Khởi Tự Tánh. Đại Huệ! Nói Chánh Trí Như Như là tánh chẳng thể hoại, gọi là Thành Tự Tánh.

- Lại nữa, Đại Huệ! Vọng tướng tự tâm hiện tám thứ thức khác nhau, ấy là: Tạng thức (thức thứ tám), ý (thức thứ bảy), ý thức (thức thứ sáu), và Tiền Ngũ Thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân), nếu diệt hẳn tướng ngã, ngã sở, năng nhiếp sở nhiếp và tất cả vọng tướng chẳng thật, thì hai thứ vô ngã sanh khởi. Cho nên, Đại Huệ! Nói năm pháp này là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Như Lai, Tự Giác Thánh Trí, chư Địa thứ lớp tương tục, tất cả Phật Pháp thầy đều bao gồm trong đó.

- Lại nữa, Đại Huệ! Nay ta tóm tắt lại năm pháp Tướng, Danh, Vọng Tướng, Như Như và Chánh trí. Nghĩa Tướng là xứ sở, hình tướng, sắc tượng v.v... hiện ra tướng khác biệt, gọi là Tướng. Nghĩa Danh là theo tướng đặt tên, như bình tên là bình, y áo tên là y áo... chẳng phải cái khác, gọi là Danh. Nghĩa Vọng tướng là giả lập nhiều tên để hiển thị các tướng, như phân biệt bình, y áo v.v... hiện trong tâm, tâm pháp, gọi là Vọng tướng, Nghĩa Như Như là danh này tướng kia chẳng có tri giác, nơi các pháp cũng chẳng thể lần lượt sanh nhau, lia vọng tướng chẳng thật, cuối cùng bất khả đắc, ấy gọi là Như Như. Nghĩa Chánh Trí là sự quyết định chơn thật, cứu cánh tự tánh bất khả đắc, chỉ là như như, Ta và chư Phật tùy thuận chỗ nhập của chúng sanh phổ biến thuyết pháp, giả lập phương tiện, hiển bày nghĩa như thật cho họ, khiến họ theo đó đi vào chánh giác, biết pháp phi đoạn phi thường, vọng tướng chẳng khởi, tùy thuận Tự Giác Thánh Trí. Pháp tướng này tất cả ngoại đạo và Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể đắc, ấy gọi là Chánh Trí. Đại Huệ! Gọi chung là năm pháp. Thật ra, ba thứ tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã, tất cả Phật Pháp thầy đều gom vào trong năm pháp này. Cho nên Đại Huệ! Nên theo phương tiện tu học, cũng dạy người khác theo đúng chánh pháp này, chớ theo pháp khác.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Năm pháp ba tự tánh
Cùng với tám thứ thức
Và hai thứ vô ngã
Thầy nhiếp trong Đại Thừa
Tướng, Danh và Vọng tướng
Thuộc về pháp thế gian
Như Như cùng Chánh Trí
Thuộc pháp xuất thế gian
Hai tánh chẳng thể hoại
Nên gọi Thành Tự Tánh.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn sở thuyết nghĩa cú, hằng sa chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng thuyết như thế. Thế nào? Thế Tôn! Là tất cả như thuyết tín thọ ư? Hoặc còn có nghĩa khác ư? Cúi xin Như Lai rũ lòng thương xót mà giải thích cho.

Phật bảo Đại Huệ: Chớ nói như thuyết tín thọ. Số lượng của tam thế Chư Phật chẳng phải như hằng sa. Tại sao? Vì siêu việt hy vọng của thế gian, dùng thí dụ chẳng thể thí dụ. Vì phạm phu ngoại đạo vọng tướng chấp trước, nuôi dưỡng ác kiến, đọa nơi sanh tử vô cùng tận, vì muốn khiến họ nhàm chán sanh tử luân hồi, siêng năng tinh tấn tu hành giải thoát, nên giả lập phương tiện nói với họ rằng "Chư Phật dễ thấy, chẳng như Ưu Đàm Bát Hoa khó gặp". Như lập ra Hóa Thành, chỉ là phương tiện để thỏa mãn sự mong cầu của họ. Có khi quán theo căn cơ của người thọ giáo hóa, lại nói rằng: "Phật

rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Thật ra hoa Ưu Đàm chẳng ai đã thấy, nay thấy và sẽ thấy, mà Như Lai thì khắp thế gian thấy đều được thấy”. Chẳng vì kiến lập Tự Thông mà nói Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm. Đại Huệ! Kiến lập tự thông, siêu việt hy vọng của thế gian, phạm phu chẳng thể tin nổi, cảnh giới Tự Giác Thánh Trí chẳng có gì để thí dụ, vì Chơn Thật Như Lai siêu việt tướng sở thấy biết của tâm, ý, ý thức, nên chẳng thể thí dụ. Đại Huệ! Nhưng ta nói thí dụ "Phật như hằng sa" chẳng có lỗi lầm.

- Đại Huệ! Ví như cát sông Hằng, mặc cho tất cả con cá, con ba ba, cho đến sư tử, voi, ngựa, người, thú dầm đạp, cát ấy cũng chẳng nghĩ rằng họ nhiều loạn Ta mà sanh vọng tưởng. Cũng thế, Tự Giác Thánh Trí dụ là sông Hằng, sức thần thông tự tại dụ là cát, tất cả ngoại đạo và người, thú v.v... dụ cho kẻ nhiều loạn, Như Lai chẳng do đó mà khởi niệm sanh vọng tưởng. Vì Như Lai tịch diệt chẳng có niệm tưởng, do bản nguyện của Như Lai dùng Tam muội khiến chúng sanh đoạn dứt tham sân, được sự an lạc, chẳng có sự nhiễu loạn trong đó. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác tự tánh trong sạch chẳng có cấu bân, cũng như cát sông Hằng, chẳng có sai biệt vậy.

- Ví như cát sông Hằng là tự tánh của địa, khi hỏa kiếp đến thiêu hết tất cả địa đại mà địa đại chẳng xả tự tánh. Vì địa đại với hỏa đại cùng sanh nơi tứ đại, nhưng phạm phu vọng tưởng cho là địa đại bị thiêu, mà thật thì chẳng bị thiêu, vì hỏa với địa đồng một nhân trong tứ đại vậy. Như thế, Đại Huệ! Như Hằng sa chẳng hoại, vì cùng như Lai ở trong một pháp thân vậy. (Vì Pháp thân Như Lai cùng khắp hư không).

- Đại Huệ! Ví như cát sông Hằng chẳng có hạn lượng, ánh sáng như Lai cũng như thế, chẳng có hạn lượng, vì thành tựu cho chúng sanh nên phổ chiếu tất cả đại chúng trong cõi Phật. Đại Huệ! Ví như cát sông Hằng, ngoài cát muốn cầu cát khác trọn bất khả đắc. Như thế, Đại Huệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác chẳng có sanh tử sanh diệt, vì đã đoạn dứt nhân duyên sanh diệt vậy.

- Đại Huệ! Ví như cát sông Hằng thêm bớt đều chẳng thể biết. Như thế, Đại Huệ! Trí huệ của Như Lai thành tựu cho chúng sanh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải sắc thân. Sắc thân thì có hoại, mà Pháp thân của Như Lai chẳng phải sắc thân nên chẳng thể hoại. Như ép cát sông Hằng chẳng thể được dầu. Cũng thế, Như Lai độ tất cả khổ não chúng sanh, do Tam muội bản nguyện khởi tâm đại bi, chẳng xả pháp giới, dù chúng sanh chưa chứng Niết Bàn bức bách Như Lai đến mức nào cũng chẳng nổi sân hận.

- Đại Huệ! Ví như cát sông Hằng trôi theo dòng nước, cát chẳng thể không có nước mà tự trôi được. Các pháp của Như Lai thuyết trôi theo dòng nước Niết Bàn cũng như thế, pháp chẳng thể lìa Niết Bàn mà tự ra, cũng như cát chẳng thể lìa nước mà tự trôi. Niết Bàn là bản thể của sanh tử, là tướng tịch diệt nên chẳng thể biết. Biết còn chẳng được, làm sao nói nghĩa đoạn dứt ư?

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu bản thể của sanh tử chẳng thể biết thì tại sao giải thoát của chúng sanh có thể biết?

Phật bảo Đại Huệ: Nếu cái nhân của vọng tưởng tập khí hư vọng từ vô thi diệt thì biết được ngoài nghĩa tự tâm hiện, thậm vọng tưởng chuyển thành giải thoát, giải thoát bất diệt tức là Tịch Diệt, tịch diệt chẳng có ngăn mé cho nên vô biên, chẳng phải vô sở hữu, như vọng tưởng ngoại đạo lại cho là có nhiều tên gọi khác biệt vô lượng vô biên v.v... Theo bậc trí quán sát nội tâm ngoại cảnh, lìa nơi vọng tưởng thì chúng sanh chẳng có khác biệt, trí và nhĩ diệm, tất cả các pháp thấy đều tịch tịnh, vì chẳng biết vọng tưởng do tự tâm hiện, nên có vọng tưởng sanh khởi, hề biết được thì tất cả tịch diệt, gọi là giải thoát.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Quán sát chư Đạo sư,
Cũng như cát sông Hằng.
Chẳng hoại chẳng khú Lai,
Cũng chẳng có cứu cánh.
Ấy tức là bình đẳng,
Quán sát chư Như Lai.
Cũng như cát sông Hằng,
Thảy lia tất cả lỗi.
Tùy lưu mà tánh thường,
Ấy là chánh giác Phật.

Khi ấy Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng sát na hoại của tất cả các pháp. Thế Tôn! Thế nào là tướng Sát Na của tất cả các pháp?

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

- Đại Huệ! Nói tất cả pháp là những pháp thiện, bất thiện, vô ký, hữu vi vô vi, thế gian, xuất thế gian, có tội, vô Tội, hữu lậu vô lậu, thọ bất thọ v.v... Đại Huệ! Lược thuyết tâm, ý, ý thức và tập khí, là nhân của năm thứ thọ ấm, cũng là tập khí của tâm, ý, ý thức nuôi dưỡng phàm phu sanh vọng tưởng thiện và bất thiện.

- Đại Huệ! Người tu Tam muội, Tam muội chánh thọ, hiện pháp lạc trụ, gọi là Thánh Hiền, thuộc về pháp thiện vô lậu. Đại Huệ! Nói thiện, bất thiện có tám thứ thức. Thế nào là tám? Ấy là Như Lai Tạng, gọi là thức tạng, tâm, ý, ý thức và tiền ngũ thức, chẳng phải như ngoại đạo sở thuyết.

- Đại Huệ! Tiền ngũ thức và tâm, ý, ý thức đều hay phân biệt cảnh trần, tướng thiện hay bất thiện; hễ tâm động thì duyên khởi, duyên hội thì tâm sanh, lần lượt chuyển biến, tiền ngũ thức chuyển biến theo thức thứ sáu thì có phân biệt thiện ác, chuyển biến theo thức thứ bảy thì có tánh chấp trước, chuyển biến theo thức thứ tám thì có chủng tử. Bảy thức trước tương tục thì có hoại, thức thứ tám lưu chú thì chẳng hoại. Nhưng thức thứ tám cùng bảy thức kia thể chẳng có khác, nên bảy thức kia sanh diệt thì thức thứ tám cũng phải theo đó hoặc sanh hoặc diệt. Vì chẳng biết cảnh trần do tư tâm hiện, vốn chưa từng sanh diệt mà chúng sanh thấy cảnh giới hư vọng, sanh tưởng chấp lấy, nên theo thứ lớp diệt rồi sanh, sanh rồi diệt, thấy hình tướng sai biệt là do ý thức nhiếp thọ, cùng Tiền Ngũ Thức tương ưng, sanh thời gian sát na chẳng trụ, gọi là Sát Na.

- Đại Huệ! Nói Sát Na là Tạng Thức trong như Lai Tạng, đồng sanh tập khí ý thức sát na, tập khí vô lậu thì chẳng phải sát na, sát na này chẳng phải phàm phu có thể biết. Ngoại đạo chấp trước sát na luận, chẳng biết tất cả pháp sát na là phi sát na, chấp đoạn kiến phá hoại pháp vô vi. Đại Huệ! Nhị Thừa đã dứt phiền não chướng nên thức thứ bảy chẳng lưu chuyển, chẳng thọ khổ vui mà chẳng phải cái nhân của Niết Bàn. Đại Huệ! Nói Như Lai Tạng là có thọ sự khổ vui, cùng với nhân kia hoặc sanh hoặc diệt, ngoại đạo say đắm rượu của Tứ Trụ địa vô minh (1), phàm phu chẳng biết là do vọng tưởng huân tập nơi tâm, nên thấy có sát na.

(1) Tứ Trụ địa vô minh: Dục ái, sắc ái, hữu ái và kiến ái vô minh.

- Lại nữa, Đại Huệ! Như vàng ròng, kim cương, Xá lợi của Phật có tánh đặc biệt, trợn chẳng thể hoại. Đại Huệ! Người chứng Tự Giác Thánh Trí, đắc chánh pháp vô gián chẳng có tướng sát na sanh diệt. Nếu có sát na thì bậc Thánh chẳng phải Thánh, mà bậc Thánh luôn luôn là Thánh, như vàng ròng kim cương, dù trải qua vô số kiếp mà chất lượng chẳng giảm. Bởi phàm phu chẳng khéo hiểu pháp thuyết vi diệu ẩn mật của Ta, đối với tất cả pháp trong và ngoài tướng có sát na sanh diệt.

Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói "Sáu Ba La Mật đầy đủ thì được thành Chánh Giác". Thế nào là sáu?

Phật bảo Đại Huệ: Ba La Mật chia làm ba loại là: Thế gian, xuất thế gian và siêu việt xuất thế gian. Đại Huệ! Nói Thế Gian Ba La Mật là chấp trước ngã và ngã sở, nhiếp thọ nhị biên, là chỗ đủ thứ thọ sanh, ham sắc, thanh, hương, vị, xúc, đầy đủ Bồ Thí Ba La Mật và trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cũng như thế. Phàm phu do đó đắc thần thông và sanh cõi Trời Phạm Thiên.

- Đại Huệ! Nói Xuất Thế Gian Ba La Mật là vì Thanh Văn, Duyên Giác đọa nơi nhiếp thọ Niết Bàn, dù hành sáu Ba La Mật mà ham trụ sự vui nơi Niết Bàn của chính mình.

- Nói Siêu Việt Xuất Thế Gian Ba La Mật là giác được vọng tưởng nhiếp thọ nơi tự tâm hiện và biết tự tâm bất nhị, nên chẳng sanh vọng tưởng, đối với sự nhiếp thọ của các loài đều chẳng có phần. Chẳng chấp trước sắc tướng của tự tâm, nhưng vì khiến tất cả chúng sanh được an lạc mà tùy duyên giáo hóa, gọi là Bồ Thí Ba La Mật. Tạo phương tiện khéo léo, tùy duyên giữ giới thì vọng tưởng chẳng sanh, là Trì Giới Ba La Mật. Ngay nơi bị nhục mà vọng tưởng chẳng sanh, biết năng nhiếp sở nhiếp đều chẳng thật, là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Ngày đêm tinh tấn, siêng năng tu hành, tùy thuận phương tiện mà vọng tưởng chẳng sanh, là Tinh Tấn Ba La Mật. Vọng tưởng dứt sạch, chẳng trụ Niết Bàn của Thanh Văn, là Thiền định Ba La Mật. Trí huệ quán sát tự tâm vọng tưởng phi tánh, chẳng đọa kiến chấp nhị biên, chuyên thân này thù thắng hơn trước mà chẳng đoạn dứt, đắc Tự Giác Thánh Trí, là Bát Nhã Ba La Mật.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tánh Không chẳng sát na,
Phàm phu vọng chấp có.
Như dòng sông, tim đèn,
Và chùng tử nầy mầm.
Dời đổi rất nhanh chóng,
Đều do hành ám chuyển.
Nghĩa sát na Ta thuyết,
Tịch tịnh lia sở tác.
Sát na dứt phiền não,
Tất cả pháp chẳng sanh.
Có sanh thì có diệt,
Chẳng có kẻ ngu thuyết.
Tánh tương tục chẳng dừng,
Do vọng tưởng huân tập.

Bởi vô minh làm nhân,
Vọng tâm từ đó sanh.
Khi sắc tướng chưa sanh,
Có gì để phân biệt?
Thấy sanh diệt tương tục,
Theo đó chấp tâm khởi.
Nếu chẳng trụ nơi Sắc,
Theo duyên gì để sanh?
Sanh từ vật khác sanh,
Thì nhân sanh chẳng thật.
Chẳng thật thì chẳng thành,
Sao có sát na hoại?
Người tu hành chánh định,
Như kim cương, xá lợi.
Việc đời còn chẳng hoại,
Hưởng là đắc chánh pháp!
Như Lai cụ túc trí,
Cùng Tỳ Kheo bình đẳng.
Sao còn thấy sát na?
Tất cả cảnh huyễn hóa,
Sắc tướng chẳng sát na,
Nơi sắc tướng chẳng thật,
Xem cho là chơn thật.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn thọ ký A La Hán sẽ thành vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bằng với các Bồ Tát chẳng có sai biệt? Nếu Phật vì độ tất cả chúng sanh mà chẳng nhập Niết Bàn thì ai đến Phật đạo? Tại sao nói "Từ lúc mới thành Phật cho đến nhập Niết Bàn, ở nơi khoảng giữa chẳng thuyết một chữ chẳng đáp một chữ?" Nói "Như Lai thường định" thì chẳng có niệm lự quán sát, tức là vô ngôn vô thuyết thì chẳng thể giáo hóa, sao lại nói hóa Phật để làm phật sự? Tại sao nói các thức sát na chẳng trụ mà có tướng lần lượt biến hoại? Nói "Như Lai thường định", tại sao lại cần có Kim Cang Lực sĩ thường theo hộ vệ? Bản tế tịch diệt thì xa lìa phiền não, tại sao còn hiện đủ thứ quả báo ma nghiệp ác nghiệp như ngoại đạo Chiên Giá Ma Nạp giả có thai và Tôn Đà Lợi giết con gái để báng Phật, khất thực thì chẳng ai bố thí, bát không mà trở về v.v... ? Như Lai đã đắc Nhất Thiết Chủng Trí, sao chẳng lìa được những lỗi này?

Phật bảo Đại Huệ: Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Ta thuyết vô Du Niết Bàn để khuyến dụ phàm phu tiến đến bậc Bồ Tát, cũng khuyến các bậc tu hạnh Bồ Tát trong cõi này cõi kia, và những người

ham Niết Bàn của Thanh Văn thừa, khiến lìa Thanh Văn thừa tiến lên Đại thừa, nên hóa Phật thọ ký cho hàng Thanh Văn, chứ chẳng phải Pháp Phật thọ ký. Do đó, sự thọ ký Thanh Văn với thọ ký Bồ Tát chẳng khác. Đại Huệ! Nói "chẳng khác" là Nhị thừa, chư Phật Như Lai đoạn dứt phiền não chướng, cùng là một mùi vị giải thoát, chẳng phải nói đoạn dứt trí chướng. Đại Huệ! Nói "Trí chướng" là thấy pháp vô ngã, thù thắng thanh tịnh; nói "phiền não chướng" là do trước kia tu tập thấy nhờn vô ngã. Nghĩa là: Dứt phiền não chướng thì chuyển được thức thứ bảy diệt, ý thức chẳng hành; nếu pháp chướng giải thoát thì chuyển được sự huân tập trong Tạng thức diệt, cứu cánh thanh tịnh, vì pháp bản trụ nên trước sau đều phi tánh.

- Vì bản nguyện vô tận nên Như Lai vô niệm lự, vô quán sát mà thuyết pháp, dùng chánh trí giáo hóa thì niệm chẳng vọng, nên vô niệm lự, vô quán sát. Vì tập khí của bốn trụ địa và vô minh Trụ địa dứt thì hai thứ phiền não dứt, lìa hai thứ sanh tử, giác được nhờn và pháp vô ngã đồng thời cũng đoạn dứt hai chướng.

- Đại Huệ! Vì lìa cái nhân sát na tập khí của bảy thức thức trước, là pháp thiện vô lậu thì chẳng còn luân hồi. Đại Huệ! Nói "Như Lai Tạng", là phạm phu ngoại đạo chấp nơi Không, do chấp Không mà nhiễu loạn ý thức, dù đắc Không Huệ nhưng chẳng biết Không là vô tri, vô tri thì chẳng có Huệ, theo cái nhân khổ vui lưu chuyển. Nếu giác được Không mà chẳng Không, ấy là cái nghĩa sát na chơn thật của Như Lai Tạng. Phạm phu ngoại đạo chẳng thể giác được, lại cho là Niết Bàn.

- Đại Huệ! Nói Kim Cang lực sĩ thường theo hộ vệ, ấy là hóa Phật thôi, chẳng phải Chơn Như Lai. Đại Huệ! Nói Chơn Như Lai là lìa tất cả căn lượng, nghĩa là tất cả căn lượng của phạm phu, Nhị thừa và ngoại đạo thầy đều diệt hết, chứng đắc Hiện Pháp Trụ Lạc, vô gián Pháp Trí Nhẫn, chẳng phải Kim Cang Lực Sĩ sở hộ vệ. Tất cả hóa Phật chẳng từ nghiệp sanh, nhưng Hóa Phật chẳng phải Phật mà chẳng lìa Phật, như thợ gốm làm ra các đồ gốm, đồ gốm chẳng phải đất nhưng chẳng lìa đất, theo tướng sở tác của chúng sanh mà thuyết pháp, chẳng phải chỗ Tự Thông mà thuyết cảnh giới tự giác.

- Lại nữa, Đại Huệ! Phạm phu dựa theo thức thứ bảy chuyển diệt mà sanh khởi đoạn kiến, do chẳng giác được Tạng thức mà sanh khởi thường kiến, tất cả đều do tự tâm vọng tưởng chẳng biết bản tế. Nếu tự tâm vọng tưởng diệt thì được giải thoát, giải thoát thì tất cả lỗi tập khí của bốn Trụ địa và vô minh Trụ địa thầy đều đoạn dứt.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tam Thừa cũng phi thừa,

Như Lai chẳng nhập diệt.

Tất cả Phật sở ký,

Lìa các lỗi nhiễm tịnh.

Vì khuyến dụ hạ căn,

Nên thuyết pháp ẩn lấp.

Vì bậc vô gián Trí,

Thuyết vô Dư Niết Bàn.

Chư Phật giả lập trí,

Tùy cơ phân biệt thuyết.

Nếu chư thừa phi thừa,

Thì chẳng có Niết Bàn.
Dục, sắc, hữu, kiến ái,
Gọi là bốn Trụ địa.
Do ý thức sanh khởi,
Chùng tử trụ tạng thức.
Căn, trần, sáu thứ thức,
Đoạn diệt nói vô thường.
Hoặc thấy có Niết Bàn,
Lại cho là thường trụ.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ Tát dùng kệ nói rằng:

Các bậc Bồ Tát kia,
Lập chí cầu Phật Đạo.
Rượu thịt và ngũ tân,
Ăn uống như thế nào?
Cúi xin Phật thương xót,
Vi đại chúng giải thích.
Do phạm phu tham dục,
Ham ăn đồ hôi thúi.
Sở thích như cọp sói,
Đồ gì mới nên ăn?
Ăn thứ nào có lỗi?
Cúi xin vì con nói.
Người ăn hoặc không ăn,
Có những tội phước gì?

Đại Huệ Bồ Tát thuyết kệ xong, lại bạch Phật rằng: Cúi xin Thế Tôn vì chúng con nói công đức và tội lỗi của người ăn thịt và không ăn thịt. Con và các Bồ Tát nơi hiện tại vị lai sẽ vì những chúng sanh ham thích ăn thịt phân biệt thuyết pháp, khiến họ hướng về từ tâm. Đắc Từ Tâm rồi, đối với các Trụ địa phiền não, thanh tịnh thấu hiểu, chóng đắc Cứu Cánh vô Thượng Bồ Đề. Thanh Văn, Duyên Giác nơi Địa tự chứng ngưng nghĩ đã rồi, cũng được tiên lên mau thành vô Thượng Bồ Đề. Bọn ngoại đạo tác ác lập luận, chấp kiến đoạn thường, điên đảo so đo, còn có Pháp Giá (như Giá Giới của Phật) không cho ăn thịt, huông là Như Lai thành tựu chánh pháp, cứu hộ thế gian mà ăn thịt ư?

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng: Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ: Có Vô lượng nhân duyên chẳng nên ăn thịt, nay Ta sẽ vì ngươi sơ lược giải thích. Tất cả chúng sanh từ xưa đến nay, lần lượt theo nhân duyên làm lục

thân quyến thuộc với nhau, suy nghĩ thịt này là người thân kiếp trước của mình, do đó không nên ăn thịt.

- Thịt lừa, la, lạc đà, chồn, chó, trâu, ngựa, người, thú v.v... vì nhiều hàng thịt bán lẫn lộn, do đó không nên ăn thịt.

- Như thợ săn, đồ tể, cầm thú ngửi mùi họ liền sanh kinh sợ, chó thấy oán ghét sủa vang, do đó không nên ăn thịt.

- Vì khiến người tu hành chẳng sanh khởi từ tâm, do đó không nên ăn thịt. Phạm phu ham thích hôi thúi bất tịnh, có tiếng tăm xấu xa, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến người trì chú chẳng thành tựu, do đó không nên ăn thịt.

- Vì người sát sanh thấy hình súc sinh khởi thức phân biệt, ham đắm mùi vị, do đó không nên ăn thịt. Kẻ ăn thịt bị chư Thiên chê bỏ, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến miệng hôi hám, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến người có nhiều ác mộng, do đó không nên ăn thịt.

- Vì đến chỗ rừng hoang vắng lặng, cọp sói ngửi được mùi hương gây sự nguy hiểm, do đó không nên ăn thịt. Vì làm cho ăn uống thất thường, do đó không nên ăn thịt. Vì khiến người tu hành chẳng sanh chán lìa, do đó không nên ăn thịt. Ta thường nói rằng: Khi muốn ăn uống, nên nghĩ đây là thịt của con mình hoặc nghĩ là thuốc độc, do đó không nên ăn thịt. Cho Phật tử ăn thịt là không có chỗ đứng.

- Lại nữa, Đại Huệ! Xưa kia có vua tên Sư Tử Đô Đà Ta, ăn đủ thứ thịt, dần dần cho đến ăn thịt người, dân chúng chịu không nổi, tụ tập mưu phản, vua liền bị lật đổ, người ăn thịt có lỗi như thế, do đó không nên ăn thịt.

- Lại nữa, Đại Huệ! Những người sát sanh vì ham tài lợi mà sát sanh buôn bán cá thịt, bọn ngu si ăn thịt chúng sanh, dùng tiền làm lưới mà bắt lấy các thứ thịt. Người sát sanh ăn thịt, hoặc dùng tài vật, hoặc dùng câu lưới bắt lấy những chúng sanh bay trên trời, lội dưới nước và đi trên bờ, đủ thứ giết hại, mua bán cầu lợi, gieo nhân chịu quả, sẽ thọ ác báo. Đại Huệ! Ta dạy Phật tử nên dùng Pháp thực, không dạy ăn thịt, cho đến không mong cầu, không nghĩ tưởng đến những cá thịt, do nghĩa này không nên ăn thịt.

- Đại Huệ! Ta có khi phương tiện nói Giá Pháp, cho ăn năm thứ tịnh nhục (1) hoặc là mười thứ, nay ở Kinh này xóa bỏ tất cả phương tiện, bất cứ lúc nào, chủng loại nào, phạm thuộc loài thịt chúng sanh, thầy đều đoạn dứt. Đại Huệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác còn chẳng ăn phi thời và tạp thực, huống là ăn cá thịt ư? Tự không ăn cũng chẳng bảo người khác ăn. Dùng tâm Đại bi dẫn đầu, xem tất cả chúng sanh như con một của mình, do đó chẳng ăn thịt con.

(1) 5 thứ tịnh nhục: Tự chết, chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng vì mình giết, cầm thú ăn dư.

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tất cả thịt chúng sanh,
Xưa kia là quyến thuộc.
Hoặc hôi thúi hỗn tạp,
Sanh trường nơi bất tịnh.
Hoặc ngửi mùi kinh sợ,

Uống rượu với giết hại,
Và ngũ tân vân vân,
Tu hành nên xa lia.
Rượu thịt sanh buồng lung,
Buồng lung sanh mê đắm.
Mê đắm sanh tham dục,
Do đó không nên ăn.
Do ăn sanh tham dục,
Tham dục khiến tâm mê.
Say mê nuôi ái dục,
Sanh tử chẳng giải thoát.
Vì lợi giết chúng sanh,
Dùng tài bắt cá thịt.
Hai thứ gây ác nghiệp,
Chết đọa ngục Kêu La.
Ta thường dạy Phật tử,
Nên dùng những pháp thực.
Chẳng dạy ăn chúng sanh,
Chẳng vô nhân tự có.
Ăn thịt gây thù oán,
Do đó không nên ăn.
Giết hại, ăn chúng sanh,
Người tu nên xa lia.
Mười phương chư Như Lai,
Đều quả trách việc này.
Nếu người tin nhân quả,
Chớ ăn nuốt lẫn nhau.
Chết đọa loài cọp sói,
Thọ sanh thường ngu si.
Đồ tể và thợ săn,
Khiến cảm thú kinh sợ.
Ắt phải chịu ác quả,
Có tánh ham ăn thịt,
Phải đọa loài súc sinh,
Cũng như mèo chồn kia.

Trong các Kinh Đại Thừa,
Như Phước Tượng, Đại Vân.
Cho đến Kinh Niết Bàn,
Và Kinh Lăng Già này.
Ta đều khuyên người tu,
Nên đoạn dứt ăn thịt.
Bồ Tát và Thanh Văn,
Chư Phật đều quở trách.
Người giết hại ăn thịt,
Ăn thịt chẳng hổ thẹn.
Đòi đòi thường ngu dốt,
Trước nói kiến văn nghi.
Đã dứt tất cả thịt,
Người vọng tưởng chẳng biết.
Thọ sanh loài ăn thịt,
Do lỗi họ tham dục.
Chướng ngại sự giải thoát.
Rượu thịt và ngũ tân,
Thầy đều chướng Thánh đạo.
Chúng sanh đời vị lai,
Ngu si mới ăn thịt.
Hoặc có người chấp trước,
Ăn tịnh nhục vô tội,
Vì Phật đã cho ăn.
Họ lại quên lời Phật,
Ghi trong nhiều kinh điển.
Có lời nói như thế:
Ăn thịt như ăn con.
Cũng như uống thuốc độc.
Khiến người tu chán lìa.
Thường theo hạnh khát thực,
An trụ nơi từ tâm.
Những ác thú cạp sói,
Có thể cùng dạo chơi.
Nếu ăn loài máu thịt,

Chúng sanh đều kinh sợ.
Cho nên người tu hành,
Từ tâm chẳng ăn thịt.
Ăn thịt mất trí huệ,
Trái hẳn chánh giải thoát.
Nghịch tướng mạo bậc Thánh,
Do đó không nên ăn.
"Được sanh dòng Phạm Chí,
Và các chỗ tu hành,
Nhà giàu sang trí huệ,
Đều do chẳng ăn thịt".
Là lời ta thường thuyết.

-HẾT-